

SẨM TRẠNG TRÌNH TOÀN TẬP

NGUYỄN BÌNH KHIÊM
(1491-1585)

SẨM TRẠNG TRÌNH TOÀN TẬP

NGUYỄN THIÊN THỤ
SƯU TẬP, CHÚ GIẢI



Tượng Nguyễn Bình Khiêm

GIA HỘI
2011

all rights reserved
Tác giả giữ bản quyền

SẨM TRẠNG TRÌNH TOÀN TẬP

* LỜI NÓI ĐẦU



LỜI NÓI ĐẦU

Theo thời gian và cũng vì thời đại, chúng ta đã mất nhiều tài liệu và không được tiếp cận với các tài liệu xưa. Vì vậy mà tôi lập Sơn Trung thư trang để làm một thư viện nhỏ với tinh thần vô vị lợi, tôi có thể giữ cho tôi và cống hiến cho mọi người. Khi còn ở Việt Nam, tôi đã thu thập một số sách, một số tài liệu, trong đó có *Sẩm Trọng Trình*. Xưa nay có rất nhiều bản khác nhau vì nhiều người sửa đổi. Không biết bản nào là bản chính, nên trước khi san định, nghiên cứu, chúng ta phải sưu tập tài liệu. Tại các thư viện Việt Nam nhất là tại Hà Nội có nhiều bản *Sẩm Trọng Trình* chữ Nôm và các bản này cũng khác nhau. *Sẩm ký* ở bản A có 262 câu, gồm 14 câu “cảm đề” và 248 câu “sẩm ký” là gốc của bản Quốc ngữ Hoàng Xuân và Thời Tập. Bản AB.444 Viện Hán Nôm gốc của bản quốc ngữ Mai Lĩnh.

Ngoài bản A còn có ít nhất ba dị bản về *sẩm Trọng Trình*. Tài liệu liên quan hiện có 20 văn bản, trong đó 7 bản là tiếng Hán Nôm lưu tại Thư viện Khoa học Xã hội (trước đây là Viện Viễn Đông Bác Cổ) và Thư viện Quốc gia Hà Nội. Trước 1975, tại miền Nam đã có khoảng 20 bản quốc ngữ, nay Hà Nội cũng in thêm vài bản. Bản tiếng quốc ngữ phát hiện sớm nhất có lẽ là Bạch Vân Am thi văn tập in trong Quốc Học Tùng Thư năm 1930. Riêng tôi có một bản nôm. Từ lâu tôi đã có ý phổ biến nhưng chưa thực hiện được. Nay cơ duyên đã đến, tôi cố gắng y sao chép dần để trình chư vị. Tôi tuyển chọn những bản xưa nhất và đáng tin cậy để tái bản trong thư trang của tôi. Tôi tập hợp các bản lại và gọi là *Sẩm Ký Toàn Tập*.

Năm 2010, tôi đã đăng tải vào Sơn Trung Thư Trang. Nay tìm thêm vài tài liệu, tôi phổ biến ấn bản 2011 để cống hiến quý độc giả.

Ottawa ngày 20 tháng 7 năm 2011
Nguyễn Thiên Thụ



MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU
TỔNG QUAN
TỰ ĐIỂN SẨM TRẠNG TRÌNH
BẢN I * GIA HỘI
BẢN II * SỞ CƯỜNG 1930 & MAI LĨNH 1939
BẢN III * HƯƠNG SƠN 1950?
BẢN IV * ANH PHƯƠNG 1960
BẢN V * TRỊNH VĂN THANH 1966
BẢN VI * MINH ĐIỀN 1948
PHỤ LỤC I * BẢN NÔM PHÙNG THƯỢNG THƯ KÝ
PHỤ LỤC II * PHÙNG THƯỢNG THƯ KÝ (PHIÊN ÂM)
PHỤ LỤC III. BẢN MAI LĨNH

*TRẠNG TRÌNH TOÀN TẬP **

TỔNG QUAN



TỔNG QUAN VỀ SẨM KÝ CỦA NGUYỄN BÌNH KHIÊM (1491-1585)

I. TIỂU SỬ NGUYỄN BÌNH KHIÊM

Nguyễn Bình Khiêm 阮秉謙 (1491–1585) được biết đến nhiều vì tư cách đạo đức, tài thơ văn cũng như tài tiên tri các tiến triển của lịch sử Việt Nam.

Ông sinh năm Tân Hợi đời vua Lê Thánh Tông, tức năm Hồng Đức thứ 22 (1491) tại làng Trung Am huyện Vĩnh Lại, Hải Dương, nay là làng Trung Am xã Lý Học huyện Vĩnh Bảo, Hải Phòng. Sinh trưởng trong một **danh** gia vọng tộc, thân phụ ông là Thái bảo Nghiêm Quận công Nguyễn Văn Định; thân mẫu là bà Nhữ Thị Thục, con gái quan Thượng thư Nhữ Văn Lân, là người giỏi văn thơ và am hiểu lý số.

Lớn lên ông theo học Bảng nhãn Lương Đắc Bằng ở làng Lạch Triều, huyện Hoàng Hoá (Thanh Hoá). Ông sáng dạ, thông minh lại chăm chỉ học hành nên được thầy rất khen ngợi. Năm Đại Chính thứ sáu (1535) đời vua Mạc Đăng Doanh lúc 45 tuổi, ông mới đi thi và đậu Trạng nguyên. Vua Mạc cất ông lên làm Tả Thị lang Đông các Học sĩ. Vì ông đỗ Trạng nguyên và được phong tước Trình Tuyền hầu nên dân gian gọi ông là Trạng Trình.

Làm quan được bảy năm, ông dâng sớ hạch tội 18 lộng thần nhưng không được **vua nghe** nên xin cáo quan năm 1542.

Khi về trí sĩ, ông dựng am Bạch Vân và lấy hiệu Bạch Vân cư sĩ mở trường dạy học cạnh sông Tuyết, do đó học trò gọi ông là "Tuyết **giang** Phu tử". Bạn của ông là những tài danh lỗi lạc một thời như Bảng nhãn Bùi Doãn Đốc, Thám hoa Nguyễn Thừa Hưu, Thư Quốc công Thượng thư Trạng nguyên Nguyễn Thiến. Học trò của ông có nhiều người nổi tiếng như Nguyễn Dữ- tác giả *Truyện kỳ mạn lục*, Thượng thư Bộ Lễ Lương Hữu Khánh, Trạng Bùng Phùng Khắc Khoan, Quốc công Nguyễn Quyện, Thượng thư Bộ Hộ Trạng nguyên Giáp Hải, Tiên sĩ Trương Thời Cử, Tiên sĩ Đinh Thời Trung, Hàn Giang Phu tử Nguyễn Văn Chính ...

Ông mất năm Ất Dậu (1585) hưởng thọ 95 tuổi. Lễ tang ông có quan phụ chính triều đình là Ứng vương Mạc Đôn Nhượng dẫn đầu các quan đại thần về viếng. Việc vua Mạc cử người được vua coi như cha về dự lễ tang nói lên sự trân trọng rất lớn của nhà Mạc với Trạng Trình. Trong buổi lễ tang ấy, Ứng vương đã thay mặt vua truy phong Nguyễn Bình Khiêm tước Thái phó Trình Quốc công.

Nguyễn Bình Khiêm đã để lại cho hậu thế những tác phẩm văn thơ có giá trị như tập thơ *Bạch Vân*, gồm hàng trăm bài thơ chữ Hán (còn lưu lại) và hai tập *Trình Quốc công Bạch vân thi tập* và *Trình Quốc công Nguyễn Bình Khiêm thi tập*, hay còn gọi là *Bạch Vân quốc ngữ thi*, (với hàng trăm bài thơ chữ Nôm) hiện còn lưu lại được một quyển của *Bạch Vân thi tập* gồm 100 bài và 23 bài thơ trong tập Bạch Vân Gia Huấn mang nhiều chất hiện thực và triết lý sâu xa, thể hiện đạo lý đối nhân xử thế lấy đức bao trùm lên tất cả, mục đích để răn dạy đời.

Nhờ học tính theo Thái Ất, ông tiên đoán được biến cố xảy ra 500 năm sau này. Người Trung Hoa khen Trạng Trình Nguyễn Bình Khiêm là "An Nam lý số hữu Trình Tuyền". Ông tinh thông về thuật số, được dân gian truyền tụng và suy tôn là "nhà tiên tri" số một của Việt Nam. Ông đã cho ra đời hàng loạt những lời tiên tri cho hậu thế mà người đời gọi là "Sấm Trạng Trình".

Tương truyền, ông là người đã đưa ra lời khuyên giúp các nhà Nguyễn, Mạc, Trịnh, Lê. Khi Nguyễn Hoàng sợ bị anh rể Trịnh Kiểm giết, ông khuyên nên xin về phía nam với câu "*Hoành Sơn nhất đái, vạn đại dung thân*" (có tài liệu viết là "*khả dĩ dung thân*") nghĩa là "Một dải Hoành Sơn có thể dung thân lâu dài". Nguyễn Hoàng nghe theo và lập được nghiệp lớn, truyền cho con cháu từ đất Thuận Hoá. Lúc nhà Mạc sắp mất cũng sai người đến hỏi ông, ông khuyên vua tôi nhà Mạc "*Cao Bằng tuy thiên, khả dĩ tồn thế*" (tức Cao Bằng tuy nhỏ, nhưng có thể giữ được). Nhà Mạc theo lời ông và giữ được đất Cao Bằng gần 80 năm nữa. Đối với Lê - Trịnh, khi vua Lê Trung Tông chết không có con nối, Trịnh Kiểm định thay ngôi nhà Lê nhưng còn sợ dư luận nên sai người đến hỏi ông.

Ông nói với chú tiểu, nhưng thực ra là nói với bề tôi họ Trịnh: "*Giữ chùa thờ Phật thì ăn oản*" (ý nói giữ là bề tôi của các vua Lê thì lợi hơn). Trịnh Kiểm nghe theo, sai người tìm người tôn thất nhà Lê thuộc chi Lê Trừ (anh Lê Lợi) đưa lên ngôi, tức là vua Lê Anh Tông. Họ Trịnh mượn tiếng thờ nhà Lê nhưng nắm thực quyền điều hành chính sự, còn nhà Lê nhờ họ Trịnh lo đỡ cho mọi chuyện chính sự, hai bên nương tựa lẫn nhau tồn tại tới hơn 200 năm. Bởi thế còn có câu: "Lê tồn Trịnh tại".

Nhận xét về Nguyễn Bình Khiêm, nhà sử học Phan Huy Chú đã viết trong bộ sách lớn *Lịch triều hiến chương loại chí*: "Một bậc kỳ tài, hiền danh muôn thuở".

La Sơn Phu tử Nguyễn Thiếp khi về thăm đền thờ Nguyễn Bình Khiêm, có bài thơ *Quá Trình tuyên mục tự* (Qua thăm đền cũ Trình tuyên) đã xem Trình tuyên là người có tài "Huyền cơ tham tạo hóa" (nắm được huyền vi xen vào công việc của tạo hóa).

Tiến sĩ thời nhà Hậu Lê Vũ Khâm Lân đã làm bia ở đền Trạng Trình và nói rằng danh tiếng Trạng

Như núi Thái sơn, sao Bắc Đẩu

Nghìn năm sau như vẫn một ngày

II. THÁI ĐỘ ĐỐI VỚI SẨM KÝ

Trong quan niệm của tôi, công việc của người sau là sưu tập, hiệu đính và chú thích tác phẩm của tiền nhân để bảo tồn văn hóa cũ. Việc này đòi hỏi người biên khảo, dịch thuật phải trung thực, khách quan, thấy sao nói vậy, biết gì nói nấy.

Tôi mong rằng sẽ có một nhóm người khảo cứu hết các bản nôm trong thư viện. Một nhóm người khảo cứu tất cả các bản quốc ngữ đã xuất bản. Riêng tôi chỉ phụ trách nghiên cứu một số bản quốc ngữ trong tầm tay.

Hôm nay tôi làm việc này thật ra là chưa được hoàn hảo vì kiến thức còn hạn chế. Hơn nữa không có trong tay các bản nôm và đầy đủ các bản quốc ngữ. Tôi chỉ làm được những gì trong khả năng hạn hẹp của mình.

Dẫu sao thì vạn vật vô thường, mục đích của tôi là cố lưu lại những vốn cũ của tiền nhân, và giúp bạn đọc một số tài liệu mà tôi đã thu thập và nghiền ngẫm hơn nửa thế kỷ. Làm được bao nhiêu hay bấy nhiêu.

Vì thích nghiên cứu cổ văn cho nên tôi đã tìm hiểu các tác phẩm cổ. Nguyễn Bình Khiêm được nhân dân ta ca tụng vì khí tiết thanh cao và tài thơ văn. Thi văn của Ngài có thơ chữ Hán và thơ Quốc Âm. Thơ Quốc Âm gồm có thơ nôm và Sấm Ký. Câu chuyện Nguyễn Hoàng và con cháu họ Trịnh tìm đến Nguyễn Bình Khiêm là chuyện thực, liên hệ đến lịch sử chứ không phải là giai thoại.

Tại thư viện Viễn Đông Bác cổ Hà Nội và Viện Khảo Cổ Sai gon đều có vài bản Sấm Trạng Trình bản nôm chép tay. Trước 1945, chúng tôi thấy các bậc cha chú đọc các bản Sấm Ký Quốc Ngữ. Trong khi vào Nam, tôi cũng mượn bạn bè các sách Sấm ký rồi chép lại vì trong thời gian chiến tranh, sách xưa đã tuyệt bản nên rất hiếm hoi, chỉ cho mượn trong thân hữu chọn lọc..

Sau 1975, xem danh mục thư viện thì thấy có tên sách, nhưng tôi không dám mượn vì e ngại công an theo dõi, và kết tội dùng sấm để "yêu ngôn hoặc chúng". Tôi chỉ âm thầm tìm kiếm, và thu thập được một số.

Tại miền Nam, Sấm Trạng Trình in bằng quốc ngữ từ sau 1945 cho đến 1975 cũng có gần hai chục quyển. Sau 1975, tại Hà Nội cũng có một vài quyển gọi là. Thư viện Viễn Đông Bác Cổ nay là thư viện khoa học Xã hội có gần 20 bản Sấm Ký nôm. Thịnh thoảng có vài người giới thiệu sơ sài mà không trích dẫn câu nào. Nhà nghiên cứu không dám đi sâu vào sợ bị gán cho cái tội duy tâm thần bí, tuyên truyền phản động thì muôn kiếp phải sống trong lao tù.

Ông Trần Văn Giáp chuyên về chữ Nôm, ông biên tập các nhan đề sách chữ Nôm và Hán thành bộ " *Tìm Hiểu Kho Sách Hán Nôm 2 quyển*", nhưng ông không kê khai lấy danh hiệu một bản dù trong thư viện có hàng chục bản "Sấm Trạng Trình". Theo nguyên tắc nghiên cứu, ông cứ ghi tên sách, số hiệu sách nhưng ông có thể nói là sách ghi vậy nhưng e không phải của Nguyễn Bình Khiêm. Ông đồ quá hay ông sợ cộng sản quá, không dám ghi lấy tên sách và số hiệu sách vì sợ dân chúng sẽ vào lục tìm. Ông muốn giấu sách nếu không nói là muốn đốt sách, chôn sách. Ông phủ nhận sự hiện hữu của Sấm Trạng Trình. Ông viết về Nguyễn Bình Khiêm:

"Ông là người nổi tiếng học rộng, nghiên cứu dịch kinh, chuyên về lý học, tinh thông khoa tính Thái Ất, cho nên người ta lợi dụng cái học của ông truyền tụng nhiều câu sấm nói là của ông, để tuyên truyền và mê hoặc mọi người." (1)

Thiết tưởng con người ta trong xã hội có người không tin bói toán, không tin thần thánh, nhưng một số rất tin. Bói toán mà sai thì cũng đương nhiên vì đó là khoa học không chính xác, Ta cần xem thời tiết nhưng các bản tin thời tiết không phải lúc nào cũng đúng, nhưng không phải vì thế mà dẹp bỏ ngành thiên văn, khí tượng và nghiên cứu không gian. Đừng có theo tây phương vài năm, theo cộng sản vài giờ mà cho mình là có óc khoa học.

Karl Marx và các ông cộng sản đề cao khoa học, luôn làm âm ỉ về thành tích khoa học trong khi bên tư bản người ta im lặng làm mà thành quả vượt Liên Xô, Trung Quốc! Marx tự hào là khoa học nhưng những tiên đoán, những ước vọng, những chính sách vĩ đại của Lenin, Stalin và Mao đã sụp đổ thảm thương! Ông thầy mu ruà ở Lăng Ông Bà Chiểu, hay ông thầy tử vi ở chùa Trấn Quốc chỉ ăn vài ngàn bạc hay chục ngàn bạc Việt Nam mà không làm hại ai, còn lão tổ Karl Marx tiên đoán tâm bậy gây cho cái chết hàng trăm triệu người!

Ai bảo người Pháp mê tín? Tại Pháp có mấy ngàn hay mấy chục ngàn thầy bói, và hàng chục người viết về Nostradamus, có ai cảm đoán hay chệch sai dân Pháp? Ai bảo nước Mỹ dị đoan lạc hậu? Nghe nói người Mỹ có lúc đã dùng "thiên" để liên lạc với tàu vũ trụ đó sao? Trong chiến tranh Việt Nam khoảng 1970, một người Mỹ có đến hỏi giáo sư Bửu Cầm ở Sài Gòn: *"Kinh cư hải ngoại huyết lưu hồng là gì" Có phải có thủy chiến ngoài các đảo không?* (Trong khoảng 70-90, tôi thường đến thăm GS Bửu Cầm được thầy thuật lại việc trên) và gần đây ông Nguyễn Văn Hiệp có thuật việc CIA lấy cấp bản ghi chép của thiếu tướng Nguyễn Văn Chức về tiên đoán của ông đạo Đạo Nhỏ.

Người ta khoa học văn minh như thế mà còn nghiên cứu huyền học, dùng chiêm tinh còn chúng ta được kiến thức khoa học bao lăm, nhất là cái khoa học xuyên tâm liên và bèo hoa dâu mà lên mặt khinh thế ngạo vật ư?

Ở đâu cũng có kẻ gian dối. Đâu có phải vì bọn bán thuốc ê, vì bọn lang băm lấy cơm khô trộn mật làm thuốc mà ta đốt sách y, bắt nhốt và giết tất cả người hành y? Ví như có kẻ làm giả sách ký, sửa đổi vài chữ, vài câu, vài đoạn, ta không nên vội vợ đưa cả nắm bảo là là hàng mạo hóa mà quăng đi hoặc đốt hết sách ký. Trái lại, người nghiên cứu lại càng phải gia công nghiên cứu hơn, tìm hiểu, phân biệt giả chân, tốt xấu. Không thể dễ dàng phủ nhận cũng không nên vội vàng tin tưởng trước khi suy nghĩ và xem xét.

Tôi nghiên ngẫm Sách ký từ lâu, chỉ hiểu vài đoạn. Sau khi xem Kim Cổ Kỳ Quan, Tứ Thánh của Bửu Sơn Kỳ Hương, tôi nhận thấy sức mạnh tâm linh của Phật giáo, của Lý học và Đạo học. Và quả là có phương pháp tu đạt đến cái nhìn xuyên suốt quá khứ vị lai và cũng có người có tài năng thấy trước. Tôi cũng đọc Toàn Thư trong đó có nhiều huyền bí và đúng. Tôi lại càng nghĩ rằng Nguyễn Bình Khiêm cũng là một bậc khả thánh chứ không phải là tầm thường cho nên tôi cố gắng tìm hiểu chứ không coi rẻ như các vị khác mang tâm sắt đá hoặc tâm dun dế.

Mình không hiểu vì mình bị vô minh che lấp chứ không phải ta thông minh mà sách nói vu vơ, và hiền thánh điên khùng. Trước khi khoa học tìm ra kính hiển vi và kính viễn vọng, đức Phật đã thấy những vật cực tiểu và những vật cực đại hay sao? Nay thì khoa học cho thấy ngoài Thái dương hệ của ta còn có nhiều Thái dương hệ khác. Mắt ta lừa chứ không phải thế giới đen tối, vạn vật hư vô như những ai đã kiêu căng chế nhạo. Sự thực các bạo chúa đã sợ khoa chiêm tinh và bói toán. Họ mượn danh khoa học để bịt miệng và che mắt nhân dân!

Một vài người phủ nhận Sách Trạng Trình vì cho rằng những bản trên là do người sau chế tác. Người ta cho rằng văn chương trong đó rất mới, đời Mạc chưa có lối lục bát. Nhận xét này khá đúng, có những bản Sách ký, có những đoạn người sau ở triều Nguyễn chế tác hoặc thêm vào. Nhưng xem kỹ, các bản Sách ký có đủ thể loại thi ca, có lục bát, song thất lục bát thất ngôn bát cú, thất ngôn tứ tuyệt, ngũ ngôn tứ tuyệt và ngũ ngôn tràng thiên. Thể lục bát là thể xưa trong ca dao, và cũng đã thể hiện trong các truyện xưa như truyện Trinh Thử, hoặc Gia Huân Ca, còn song thất lục bát cũng là một thể khá xưa như Lê Đức Mao (1462-1529), với bài *Nghĩ bát giáp thương đào văn*:
Xuân nhật tảo khai gia cát hội,
Hạ đình thông xướng thái bình âm.
Tàng câu mở tiệc năm năm,
Miêu Chu đối việt, chăm chăm tác thành.

*Hương dăng ngào ngọt mùi thanh,
Loan bay khúc múa, hoa quanh tịch ngòi;"*

Song thất lục bát tuyệt diệu như trên thì trước đó thơ lục bát tất cũng điêu luyện.

III. GIỚI THIỆU CÁC BẢN

Bản nôm hiện ở các thư viện có nhiều, chưa ai ra công khảo cứu đầy đủ. Còn bản quốc ngữ thì nhiều. Sớm nhất là bản của Sở Cuồng do Quốc Học từng thư ấn hành năm 1930, và bản Nam Ký năm 1945. Ông Phạm Đan Quế đã giới thiệu khá đầy đủ về các văn bản Sám ký toàn chép tay trong thư mục Hán Nôm lưu trữ tại thư viện Hà Nội Khoa Học Xã hội (Viện Viễn Đông Bác Cổ) và Thư viện Quốc Gia Hà Nội thì hiện nay còn bảy tài liệu chữ nôm sau đây có Sám Trọng Trình (2) :

- (1)-Bạch Vân Nguyễn Trình Quốc công lục ký 25 trang, ký hiệu VNB3
- (2)-Trọng Quốc công ký: -2 quyển: VHV 1453/b - 36 trang; VHV 102; 32 trang.
- (3)-Trình Quốc công sám ký : 34 trang: AB345
- (4). Trình tiên sinh quốc ngữ : 22 trang: AB444.
- (5). Sám ký bí truyền 34 trang; VHV 2261.
- (6). Thiên Nam ngữ lục ngoại ký có phụ chép một số câu sám của Nguyễn Bình Khiêm và Phùng Thượng thư; AB192.
- (7). Nhất tích thiên văn gia truyền VHV 1382 có một bài sám nói là của Trọng Trình.

Ông cũng cho biết các bản quốc ngữ sau:

- (1)-Bản quốc ngữ đầu tiên của Sở Cuồng trong Quốc Học từng thư, Nam Ký xuất bản tại Hà Nội 1930; 53 trang, in tại nhà in Trịnh Văn Bích. Trong quyển Thư Mục Đông Dương (Bibliographie en l' Indochine), quyển V, xuất bản ở Đông Dương năm 1935, ông Paul Boudet có ghi " Bạch Vân Am Thi Tập, văn thơ sám ký của cụ trạng Nguyễn Bình Khiêm , recueilli par Sở Cuồng, Nam Ký Thư quán, 1930, Impr Trịnh Văn Bích- Coll Quốc Học Từng Thư.
- (2)-Phụ trương Khoa Học huyền bí của Tiểu Thuyết Nhật Báo do Mai Lĩnh xuất bản năm 1939
- (3)-Đông Tây Tiểu Thuyết phát hành ở Nam Định, số Xuân 1940.
- (4)-Sám Ký, nhà xuất bản Đại La, Hà Nội 1948.
- (5)-Sám Trọng Trình của cư sĩ Minh Điền, nhà in Thái Bình, Saigon 1948.
- (6)-Sám ký của Bùi Xuân Tiên, Nam Ký Hà Nội, 1952.
- (7)-Sám Trọng Trình của Hưng Long thư quán, Hà Nội, 1952.
- (7)-Sám Trọng Trình của Chu Ngọc Chi, Hưng Long, Hà Nội, 1954.
- (8)-Trọng Trình của Phạm Văn Giao, Phạm Văn Tươi, Saigon, 1956
- (9)-Trọng Trình Nguyễn Bình Khiêm, Thái Bạch, Sóng Mới, Saigon, 1957.
- (10)-Đại chiến thứ ba với Sám Trọng Trình, Thiệu Nghĩa Minh; Phương Thảo, Saigon, 1964.
- (11)-Nguyễn Bình Khiêm và Nostradamus của Nguyễn Duy Hinh; Dân Trí, Saigon; 1963.
- (12)-Sám Trọng Trình; trong Thành Ngữ, Điển tích, Danh nhân từ điển của Trịnh Văn Thanh, Saigon 1966.
- (13)- Bạch Vân Quốc Ngữ Thi của Nguyễn Quân; Sóng Mới, Saigon, 1974.

Chúng tôi đã sưu tập được một số Sám Ký nôm và Quốc ngữ , tuy chưa đầy đủ, song từ số tài liệu tương đối này, chúng tôi có thể phân loại về xếp đặt thành các dòng. Chúng tôi cố gắng đi tìm ý nghĩa các bản sám ký dù rằng việc đó là việc khó khăn, nhưng chúng tôi nghĩ với tâm

thành và tinh thần khách quan là tạm đủ. Chúng tôi không chú ý lắm về các từ ngữ nôm Việt dịch khác nhau, đọc khác nhau hoặc đúng sai.

Như đã trình bày, cho đến hiện nay (2011) có lẽ đã có trên 20 bản Quốc ngữ khác nhau. Xét theo các câu trong các tập, chúng tôi tạm phân loại như sau:

1. Bản Sở Cường và bản Mai Lĩnh

Bản 1 Sơn Trung, do tôi phiên âm chú thích từ bản nôm trong thư viện cụ Nghè Bân, chép cùng Phùng Thượng Thư Ký cũng là bản trong Thiên Nam ngữ lục ngoại ký. Ông Nguyễn Văn Y, bạn tôi, một tay sưu tầm sách cổ, mất khoảng 1990, cho biết ông đã tặng một người bạn đi Canada quyển sấm trạng trình và Sấm Trạng Bùng. Như vậy bản này phiên âm từ bản nôm, và bản nôm cũng có gốc tích ở Thư Viện Hà Nội. Và nhiều bậc danh gia đã sao chép tài liệu này. Tài liệu này là thật, không giả mạo, nhưng không mới lạ vì bản này cũng chỉ là phần hai của bản của Sở Cường, chỉ khác một số chữ vì phiên âm khác hoặc đánh máy, hoặc xếp chữ sai chính tả.

Nay tìm thấy tài liệu của tiến sĩ Nguyễn Khuê (3) , mới biết bản Mai Lĩnh mà tôi có rất giống với bản của Sở Cường, có lẽ xuất phát từ bản của Sở Cường.

Bản Sở Cường có gốc là bản AB.444 tại Viện Hán Nôm Hà Nội. Tôi may mắn có bản Mai Lĩnh là bản in sau bản Sở Cường. Bản mà chúng tôi có trong tay in năm 1939 tại tủ sách một bạn học thời Trung học Huế. Bản này có hai ưu điểm là:

-bản tương đối sớm nhất, có trước 1945, vì các bản sau này, người ta thêm vào mấy chữ, mấy câu, hoặc bóp méo, xuyên tạc để tuyên truyền.

-Bản này phổ biến nhất vì được nhiều người dùng hoặc in lại.

Bản này khởi đầu:

Vận lành mừng gặp tiết lành và kết thúc: Đông Tây vô sự Nam thành quốc gia.

Có một số câu bị mất, còn lại 487 câu.

Nhiều bản chung gốc này mặc dầu có vài chữ khác nhau vì cách đọc chữ nôm khác nhau và sai chính tả:

-Bản Nguyễn Khuê

-Bản Đông Nam Á, Saigon 1964.

-Bản Huỳnh Tâm, Saigon ?

-Wikisource 2010. Bản này tham khảo bản Huỳnh Tâm, Saigon, không rõ in năm nào, có lẽ khoảng thập niên 60.

Theo thiển kiến, đây là bản quốc ngữ xưa nhất, lại có bản nôm rõ rệt cho nên bản này đáng tin cậy nhất

2. Bản Anh Phương, Saigon 1960? do Hoàng Xuân sưu tập.

Bản này gốc ở bản Nôm A có 262 câu, gồm 14 câu “cảm đề” và 248 câu “sấm ký”.

Cảm đề : Thanh nhân vô sự là tiên. . .

Mở đầu: *Nước Nam từ họ Hồng Bàng/ Biển dâu cuộc thế, giang sơn đổi vắn.*

Kết: *Một mảy tơ hào chẳng dám sai ngoa.*

Các bản sau đây chung gốc:

-Tập chí Thời Tập (1973-1975, Viên Linh.)

-Wikisource 2010

- Bản Trịnh Vân Thanh, 1966.
- Bản Phạm Đan Quế , 1992.

3. Bản HƯƠNG SON

Bản này do Thiên Phúc Nguyễn Phúc Âm sưu tập. Bản này vốn ở quyển Lục Nhâm Bát Sát, Độn Thái Ất, phụ thêm Sấm Trạng Trình, Hương Sơn, Hà Nội xuất bản trước 1954, sách 70 trang, Sấm Trạng Trình từ trang 48-68.

Khởi đầu: *Nước Nam thường có thánh tài/Sơn hà vững đặt mấy ai rõ ràng. . .*

Kết thúc: *Gió mây ta lại đi về gió mây.*

- Bản Bạch Vân Ca của Nguyễn Quân, Sóng Mới, Saigon, 1974 giống bản Hương Sơn.
- Theo một bạn đọc, bản này cũng giống bản Nam Ký phát hành năm 1948 , do Bùi Xuân Tiêu và Nguyễn Can Mộng lấy từ bản VH-2261 của kho sách Viện Viễn Bác Cổ, mở đầu có câu :

*"Nước nam thường có thánh tài
Sơn Hà vững đặt mấy ai rõ ràng
Kìa Nhị Thủy, nọ Đảo Sơn
Bãi ngọc đất nổi, âu vàng trời cho
Học cách vật mới dò tới chốn. . ."*

Bản này có cấu trúc đặc biệt là có nhiều bài thơ theo nhiều loại khác nhau như ngũ ngôn, thất ngôn tứ tuyệt, thất ngôn bát cú, lục bát và song thất lục bát.

Bản này có lẽ do người sau ghi lại các câu sấm truyền tụng trong dân gian chứ không phải của Trạng Trình, hoặc xáo trộn các đoạn trong sấm trạng Trình mà tạo thành . Việc này do biên chép vô ý hoặc cố ý.

Bản nôm của Nguyễn Văn Sâm nhan đề khác với các bản: 古庵先生識歌文 Cổ Am Tiên Sinh Sấm Ca Văn. Bản nôm này giống bản Hương Sơn từ câu đầu:

*Nước Nam thường có thánh tài,
Sơn hà vững đặt mấy ai rõ ràng*

đến bài thơ 14 của bản Hương Sơn.
*Can qua việc nước bời bời
Trên thuân lòng trời dưới đẹp lòng dân.
Lục thất dư ngũ bách xuân
Bấy giờ trời mới xoay vẫn nơi nao.
Thấy sấm tự đáy chép vào
Một chút tơ hào chẳng dám sai ngoa.*

Câu kết của bản Hoàng Xuân cũng giống:

*Thấy sấm tự đấy chép vào
Một chút tơ hào chẳng dám sai ngoa.(247-48)*

Đọc kỹ nội dung bản này, ta thấy bản này viết sau thời Tây Sơn và đầu thời Nguyễn Ánh vì trong bản này có những chữ như *lời ngạn*, *phương ngôn* (Nguyễn Văn Sâm), nghĩa là những câu đó đã truyền tụng rất lâu trước khi tác giả cầm bút. và các câu *Lê tôn Trịnh tại, Lê bại Trịnh vong*, và *Cha nhỏ đầu con lại nhỏ chân/Nào ai có biết nguy quân cầm quyền/Phụ nguyên chính thống hẳn hoi...*Đó là những sản phẩm của đời Nguyễn, không phải của Nguyễn Bình Khiêm.

4. BẢN WIKISOURCE 2010

Bản này chép bản Mai Lĩnh 1939 và bản Anh Phương (1960?)

Nói chung, dù trên 20 bản, chỉ có ba dị bản chính thức như đã so sánh và trình bày ở trên. sự khác biệt này có thể do nhiều người soạn chứ không phải riêng Trịnh Quốc Công, vì chính tôi cũng có một bản sấm ký chữ nôm của Trạng Trình và một bản của Phùng Khắc Khoan sẽ trình bày sau. Có những bản cùng nguồn gốc nhưng có sửa đổi vài câu vài chữ.

Bản Minh Điền là một chêm dậm. Theo Phạm Đan Quế, bản này giống bản Anh Phương 22 câu, từ câu 374 đến câu 431, ngoài ra các câu khác hoàn toàn lạ lùng. Nhưng chính Phạm Đan Quế đã trích dẫn 50 câu đầu và 30 câu cuối của bản này thì thấy là hơn 120 câu giống chứ không phải chỉ 22 câu .

Nay chúng tôi công bố bản Phùng thương Thư Ký là một bản đã có từ lâu nhưng chưa ai phiên dịch. Đọc bản này thì cho thấy rằng ngoài Nguyễn Bình Khiêm còn có Phùng Khắc Khoan cũng soạn Sấm Ký. Còn có ai nữa không? Bản của Phùng Khắc Khoan có vài đoạn giống bản của Nguyễn Bình Khiêm.

IV.TÍNH CHẤT CỦA CÁC BẢN

Nhìn chung, các bản có chung một vài điểm sau:

1. Tính bí mật:

Sấm Ký mang tính cách bí mật thuộc phạm vi quốc cấm, phải cất kín cũng như Kim Cổ Kỳ Quan, Tứ Thánh, chỉ bàn bạc với người thân mà thôi. Thái độ của nhân dân đối Sấm Ký khác với Lục Vân Tiên và truyện Kiều. Ấy cũng bởi ngày xưa các nho sĩ dùng Sấm ký để chống triều đình, chống Pháp, mà bọn tay sai cũng dùng sấm ký vu oan giá họa cho dân lành cho nên quan quân đã bắt bớ dân chúng, và người ta phải cất giấu các tài liệu này.

2. Tính thiếu chân thực:

Thói quen của ta là tự tiện sửa chữa, thêm bớt các bản chính cho nên truyện Kiều, thơ Hồ Xuân Hương đã bị tam sao thất bản.. Nhiều người sau này sửa sấm ký hoặc bóp méo văn nghĩa cho vừa khuôn khổ quyền lợi của phe nhóm họ.

3.Tính không thống nhất:

Có thể một người viết mà chia ra nhiều đoạn, do viết nhiều thời gian khác nhau. Có thể là do nhiều bản của nhiều người khác nhau mà người sau chép chung làm một tập. Như bản Mai Lĩnh ít nhất là hai tập khác nhau.

Một số là thu thập nhiều bài sấm ký khác nhau cho vào một tập như bản Thiên Phúc Nguyễn Phúc Âm do Hương Sơn xuất bản trước 1954, cho nên trong đó có nhiều bài thơ.

Có thể do nhiều gốc khác nhau. Cũng có kẻ cắt vài đoạn bỏ vào cái khuôn của mình để mập mờ đánh lận con đen trong chính sách tuyên truyền dối trá của họ. cũng có thể do phương cách làm việc chưa khoa học, nghĩ đến đâu, viết đến đó, nhiều khi trùng hợp, cái trước nói sau, việc sau nói trước.

Cũng có thể người ta tráo đoạn trước ra sau, đoạn sau lên trước để giữ bí mật, như đoạn cuối bản Mai Lĩnh : "*Đào Tiên xử sĩ... nam thành quốc gia*" nhưng trong bản Hương Sơn lại nằm gần cuối, dưới câu kết còn có 24 câu nữa (*Phân phân đông bắc khởi... Gió mây ta lại đi về gió mây*). Sự kiện này gây khó khăn cho người nghiên cứu.

4. Tính mơ hồ:

Các bản có chỗ thần diệu nhưng cũng có chỗ mơ hồ, giống các bản của Sư Vải Bán Khoai, Huỳnh Giáo chủ và Thanh Sĩ. . . chỉ nói tí , sừ ,dần, meo. . . rất mơ hồ trong khi các bản Kim Cổ Kỳ Quan và Tứ Thánh thì rõ ràng hơn.

V. CÁC VẤN ĐỀ CẦN THẢO LUẬN

A. CÁC TỪ NGỮ

1. Quốc hiệu Việt Nam.

Bản Mai Lĩnh 1939 ở gần đoạn đầu có câu: *Việt Nam khởi tổ gây nền,/ Lạc Long ra trị đương quyền một phương (câu 7-8)*. Đòi Nguyễn nước ta có quốc hiệu Việt Nam. Sấm Trạng trình cách nhà Nguyễn mấy trăm năm sao lại ghi Việt Nam? Ai đó sửa lại hay ngày xưa cụ Trạng đã biết mấy trăm năm sau quốc hiệu là Việt Nam?

Tự điển Wikipedia giải thích về Quốc hiệu Việt Nam:

Quốc hiệu Việt Nam (越南) chính thức xuất hiện vào thời nhà Nguyễn. Vua Gia Long đã đề nghị nhà Thanh công nhận quốc hiệu Nam Việt, với lý lẽ rằng "Nam" có ý nghĩa "An Nam" còn "Việt" có ý nghĩa "Việt Thường". Tuy nhiên tên Nam Việt trùng với quốc hiệu của lãnh thổ nhà Triệu, gồm cả Quảng Đông và Quảng Tây của Trung Hoa; nhà Thanh đổi ngược lại thành Việt Nam để tránh nhầm lẫn, và chính thức tuyên phong tên này năm 1804. Tuy nhiên, tên gọi Việt Nam có thể đã xuất hiện sớm hơn.

Ngay từ cuối thế kỷ 14, đã có một bộ sách nhan đề Việt Nam thế chí (nay không còn) do Hàn lâm viện học sĩ Hồ Tông Thốc biên soạn. Cuốn Dư địa chí viết đầu thế kỷ 15 của Nguyễn Trãi (1380-1442) nhiều lần nhắc đến hai chữ "Việt Nam". Điều này còn được đề cập rõ ràng trong những tác phẩm của trạng Trình Nguyễn Bỉnh Khiêm (1491-1585), ngay trang mở đầu tập Trình tiên sinh quốc ngữ đã có câu: "Việt Nam khởi tổ xây nền". Người ta cũng tìm thấy hai chữ "Việt Nam" trên một số tấm bia khắc từ thế kỷ 16-17 như bia chùa Bảo Lâm (1558) ở Hải Dương, bia chùa Cam Lộ (1590) ở Hà Nội, bia chùa Phúc Thánh (1664) ở Bắc Ninh... Đặc biệt bia Thủy

Môn Đình (1670) ở biên giới Lạng Sơn có câu đầu: "Việt Nam hầu thiết, trấn Bắc ải quan" (đây là cửa ngõ yết hầu của nước Việt Nam và là tiền đồn trấn giữ phương Bắc). Về ý nghĩa, phần lớn các giả thuyết đều cho rằng từ "Việt Nam" kiến tạo bởi hai yếu tố: chủng tộc và địa lý (người Việt ở phương Nam).

Ông Nguyễn Phúc Giác Hải ở Hà Nội cho biết:

Khi nghiên cứu tập sấm này, đến bản AB 444 trong kho sách của Viện Hán Nôm, tôi bắt đầu tìm thấy hai chữ Việt Nam ngay trong những dòng đầu tiên: Việt Nam khởi tổ xây nền. Theo quan niệm chính thống, hai chữ Việt Nam không được phép có mặt trước năm 1804, trong khi cụ Nguyễn Bình Khiêm lại sống cách ta 500 năm. Vấn đề đặt ra là có thật hai chữ Việt Nam đã được dùng cách đây hơn 500 năm để chỉ tên gọi đất nước? Trước Nguyễn Bình Khiêm còn những ai đã dùng danh xưng Việt Nam? Liệu có những bằng chứng khảo cổ về vấn đề này? Song lúc đó không có điều kiện tiếp xúc với bản gốc nên phải tạm gác lại. Đến 1980, khi được tiếp xúc với bản gốc, tôi đã dành hơn 20 năm nay để nghiên cứu. . . .

Sau khi đọc được bản gốc Sấm Trạng Trình, tôi đã khẳng định được hai tiếng Việt Nam đã được sử dụng từ thế kỷ 15. Song bản sấm này được truyền lại qua những bản chép tay, cũng không ai dám chắc tác giả là cụ Nguyễn Bình Khiêm. Tôi liền chuyển qua tra cứu thơ văn của cụ để so sánh. Thật bất ngờ, hai tiếng Việt Nam được cụ nhắc tới bốn lần: Trong tập thơ Sơn hà hải động thường vịnh (Vịnh về núi non sông biển) đã đề cập tới. Rõ hơn, trong các bài thơ gửi trạng Giáp Hải, cụ có viết: "Tuệ tinh cộng ngưỡng quang mang tại, Tiên hậu quang huy chiếu Việt Nam"; còn trong bài gửi trạng Nguyễn Thuyên, "Tiên đồ vĩ đại quân tu kỹ / Thùy thị công danh trọng Việt Nam".

Dấu sao, đó cũng mới chỉ là những văn bản chép tay. Để khẳng định thêm, tôi đã đi tìm trong bi ký (bài ký trên bia đá). Nhờ một số nhà khoa học Viện Hán Nôm, tôi đã tìm ra trong bia trùng tu chùa Phúc Thánh (Quê Võ, Bắc Ninh) năm 1664, phần bài Minh có câu Việt Nam cảnh giới, Kinh Bắc thừa tuyên. Sau đó là bia trùng tu chùa Bảo Lâm (Chí Linh, Hải Dương) năm 1558, Việt Nam đại danh lam bất tri kỳ cơ, bia chùa Cam Lộ (Hà Tây), năm 1590, Chân Việt Nam chi đệ nhất. Tuy nhiên, phát hiện quan trọng nhất là tấm bia Thủy Môn Đình ở biên giới Lạng Sơn do trấn thủ Lạng Sơn Nguyễn Đình Lộc soạn năm Cảnh Trị thứ tám (1670), có câu : Việt Nam hầu thiết trấn bắc ải quan (Cửa ải phía Bắc Việt Nam). Đây là tấm bia có niên đại muộn hơn song nó có danh tính người soạn, hơn nữa đây là một mệnh quan triều đình, là phát ngôn chính thức.

Cho đến nay, sau tôi một số nhà nghiên cứu khác đã phát hiện tổng số 12 bia có hai tiếng Việt Nam. Tất cả đều có niên đại thế kỷ 16, 17. Ngoài ra, còn một bản in khắc gỗ có danh xưng Việt Nam năm 1752. Như vậy, hai tiếng Việt Nam đã có từ lâu, và cụ Nguyễn Bình Khiêm là người đầu tiên sử dụng, sử dụng nhiều nhất và có ý thức nhất.

<http://cuocsongviet.com.vn/index.asp?act=detail&mabv=3755&/Ai-dat-quoc-hieu-Viet-Nam-dau-tien.csv>

Như vậy, chúng ta có thể nói rằng từ thế kỷ 15, người Việt Nam đã dùng danh hiệu Việt Nam, Nam Việt, nước Nam, Đại Việt để chỉ nước ta. Và cũng có thể Trạng Trình ở thế kỷ 16 đã biết ở thế kỷ 19, nước ta chính thức mang quốc hiệu Việt Nam.

2. Thánh:

Các bản đều nói thánh nhân hay thánh vương tức là nói người làm vua như nói về Lê Hoàn "*Lê gia xuất thánh minh*" chứ không có nghĩa là bậc thánh như Khổng Tử, Mạnh tử. . . Vua thì có người hiền kẻ ác chứ không phải hoàn toàn là người nhân đức.

3. Hoàng giang, Bảo Giang. Thầy Nhân Thập:

Các bản đều có danh từ này: nhiều người giải thích khác nhau

B. CÁC CÂU, CÁC ĐOẠN

1. Các câu giống nhau:

(a). Hai bản Mai Lĩnh và Anh Phương :

-Hai bản thường khởi đầu bằng các câu sấm đời trước như của Vạn Hạnh, và các tác giả vô danh đời trước. *Hòa đao mộc lạc.. ./ Thập bát tử thành.*

- *Tan tác Kiến kiều tan đất nước./Xác xơ cỏ thụ sạch an mây.*

(AP 49; ML 381)

-*Uy nghi dung mạo khác mình/ Thác cư một góc kim tinh phương đoài*

(AP 125, ML 141)

(b). -Bản Anh Phương với bản Hương Sơn

Nước Nam thường có thánh tài/Sơn hà vững đặt ai hay tỏ tường.

(HS. 1; AP:105)

(c). Mai Lĩnh và Hương Sơn

Thủy trung tàng bảo cái.... Đông Tây vô sự nam thành quốc gia.

(ML 446-487; HS, 26)

-*Phá điền đầu khi cuối thu. . . Tái bình mọi giống thập thò liền sang.*

(HS.16;ML 199)

-*Thủy binh cờ xí vùng hồng.. .Bắc bình sang có việc gì chẳng?... Đã ngu đại Hoàn Linh đời Hán...*

(ML 83; HS 12)

-*Bách tính khổ tai ương... Đông tây vô sự nam thành quốc gia.*

(ML467-487; HS 26)

-*Bắc phương chính khí sinh ra/ Có ông Bạch xỉ (sĩ) điều hòa hôm mai.*

(ML 135; HS16)

-*Man mác một lĩnh Hoàn Sơn/Thừa cơ liền mới nổi cơn phục thù*

(ML 195; HS 16)

-*Lại nói sự Hoàng giang sinh thánh/ Sông Bảo giang thiên định ai hay.*

(ML 125, 257; HS 17)

Bắc kinh mới thật để kinh/ Giấu thân chưa dễ giấu danh đục nào.

(ML 238; HS 16)

Quần hùng binh kéo dây khe/ Kẻ xưng cứu nước người khoe trị đời.. .

Thương những kẻ ăn rau, ăn giới.

(ML 103; HS 16)

Canh tân (niên) tàn phá/ Tuất hội phục sinh

(ML 395; HS 18)

Ma vương sát đại quý/ Hoàng thiên tru ma vương/Kiền khôn phú tái khôn lường

Cơ nhị ngũ thư hùng vị quyết/ Đảo Hoàn sơn tam liệt ngũ phân.

(ML 475; HS 26)

-Phân phân đông (tùng) bắc khởi.. Bất chiến tự nhiên thành

(ML 443; HS 26)

-Tộ trường nhị thập ngũ/ Vận khái ngũ diên trường

(ML 462; HS 26)

-Nực cười những lũ bàng quan/Cờ tàn lại muốn toan đường đấu xe (AP 125; HS 26)

(d).Ba bản giống nhau:

-Bắc hữu kim thành tráng

Nam hữu ngọc bích thành

(AP,214; ML 426-427, HS, 25)

-Long vĩ xà đầu khởi chiến tranh. . .kiến thái bình.

(ML 398; HS 24, AP 171)

-Cửu cửu càn khôn dĩ định. . . Hồ binh bát vạn nhập Tràng An.

(AP151; ML 410; HS 21)

-Xem ý trời có lòng khái thánh/ Dốc sinh ra điều đỉnh hộ mai.

(AP 131, ML 131, HS 16)

-Có thầy Nhân thập đi về/ Tả phù hữu trì cây cỏ thành binh.

AP 231, (ML 261; HS 17)

-Bảo giang thiên tử xuất/ Bất chiến tự nhiên thành

(AP 217; ML 415; HS 25)

-Phù quý hồng trần mộng,

Bản cùng bạch phát sinh

(AP209, ML 430; HS 25)

-Thái nguyên cận Bắc đường xa

(AP 123; HS 14; HS 14)

2. Các câu được giải thích để tuyên truyền:

(1). *Thấy đầu bò đái thát thanh/ Ấy diêm sinh thánh rành rành chẳng sai.*(HS 14)

Một bản giải thích:

Ở Bắc Kạn có khe Bò Đái.

Một bản ghi:

Nghệ An Bò Đái thát thanh.

Một bản khác ghi:

Nam Đàn Bò Đái Thát thanh.

Trong quyển La Sơn Phu Tử, Hoàng Xuân Hãn có trích thơ Nguyễn Thiếp, bài *Gặp người đánh cá ở sông PhùThạch*, HXH nói đến câu ca dao

Dụn sơn phân giải/ Bò Đái thất thanh/ Đông Thành sinh thánh.

Huyện Đông Thành ở phủ Diển châu, còn Phan Bội Châu và Hồ Chí Minh ở huyện Nam Đàn, phủ Anh Đô. Chính trong bài thơ trên, Nguyễn Thiếp viết:

"*Núi Liệt lở, Sông Ngự nước cạn, /Sấm người xưa đánh lẫn dân ngu* (tr.62)

Chữ Hán tên là Lao Tuyền, HXH nói tên tục là Bò Đái không biết có đúng không vì Lao Tuyền là Khe Bò mà thôi.

(2).*Đầu can võ tướng ra binh/ Ất là trăm họ thái bình âu ca* (AP 197)

Thái Bạch giải thích Đại tướng Võ Nguyên Giáp ra binh năm giáp thân (1944).

(3). *Thánh nhân hương*

Có người theo bản Hương Sơn giải thích

1. Thánh nhân hương

2- Thủy trung tàng bảo cái (bài 19 và bài 26)

VI. KẾT LUẬN

Sau khi nghiên ngẫm khoảng 20 bản, tôi thấy quanh đi quẩn lại chỉ có ba phiên bản chính, được nhiều người sử dụng :

-Mai Lĩnh

-Anh Phương

-Hương Sơn.

Trong ba bản, theo thiển kiến, bản Mai Lĩnh tức bản Sở Cuồng là đáng tin cậy nhất. Hai bản kia có lẽ chỉ là ghi chép những câu sấm truyền trong dân gian. Đây cũng chỉ là giả thuyết chờ sau này ai đó nghiên cứu thêm nhiều bản nôm thì rõ hơn.

1. Mai Lĩnh:

Bản Mai Lĩnh chính là bản đầu tiên là bản Sở CUồng in năm 1930

2.Hương Sơn:

Đoạn kết giống Mai Lĩnh 2:Sau một thời gian sống với cộng sản (Ta hồ vô phụ vô quân), nước ta sẽ thái bình như thời hoàng kim.

3.Anh Phương:

Đoạn kết giống Mai Lĩnh 1: sau này có " thầy Nhân Thập" về cứu nước.

Các bản Sở Cuồng, Mai Lĩnh và Sơn TRung có liên quan đến Phùng Thượng Thư Ký. Bản này có chú thích của Tiền nhân trước 1937 là năm cụ Nghè Bân mất. Các bản khác cũng chỉ thêm thất và xáo trộn bản chính. Theo quyển Phùng Thượng Thư Ký, chủ yếu sấm ngữ là nói về giai đoạn Lê Mạc cho đến Trịnh Nguyễn và qua nhà Nguyễn. Như vậy có lẽ sấm không đi vượt thời gian 1945 là năm nhà Nguyễn mất.

Từ Đình đổi đời chí lực thất gian

(Sơn Trung ,4)

Chữ rằng lục thất nguyệt gian

Ai mà nghĩ được mới gan anh tài

Hễ nhân kiến đã đời đất cũ

*Thì phụ nguyên mới chỗ (trở) binh ra
Bốn phương chẳng động can qua
Quần hùng các xứ điều hoà làm tôi
Bấy giờ mở rộng qui khôi
Thần châu thu cả mọi nơi vạn toàn.
(SC, 117-124)*

*Quyển vàng mở thấy sấm trời
Từ Đĩnh đôi đời chí lục thất gian
(SC,483-84)*

*Hòa đao mộc lạc,
Thập bát tử thành,
Đông A nhật xuất,
Dị mộc tái sinh.
Chấn cung xuất nhật,
Đoài cung vẫn tinh.
Phụ nguyên chì thống,
Đế phé vi đình.
Thập niên dư chiến,
Thiên hạ cứu bình.
(Anh Phương, 7-16)*

*205. Kể từ đời Lạc Long Quân,
Đáp đối xoay vần đến lục thất gian.
(Anh Phương, 205-06)*

Nói chung, đa số nói về các sự lịch sử cho đến cuối nhà Nguyễn năm 1945. Tuy nhiên, nhiều nhà biên khảo cho rằng Sấm Trạng Trình có giá trị lâu dài. Việc này cũng tùy văn bản, như bản Anh Phương:

*" Ô hô thế sự tự bình bồng,
Nam Bắc hà thời thiết lộ thông.
Hồ ấn sơn trung mao tận bạch,
Kinh cư hải ngoại huyết lưu hồng.
Kê minh ngọc thụ thiên khuynh Bắc,
Ngưu xuất Lam điền nhật chính Đông.
Nhược đãi ung lai sư tử thượng,
Tứ phương thiên hạ thái bình phong
(95-102)*

Bài này đưa ra nhiều vấn đề. Thời Lê mạt, Nguyễn sơ, nước ta chưa có đường sắt và xe lửa. Pháp khởi công làm đường sắt năm 1881 đầu tiên đi từ cột cờ Thủ Thiêm đến bến xe Chợ Lớn dài 13 km. Chuyến tàu đầu tiên khởi hành ở Việt Nam là vào ngày 20 tháng 7 năm 1885. Trong chiến tranh từ 1945 cho đến 1975, cộng sản thực hiện tiêu thổ kháng chiến, phá cầu, phá đường, đắp mô, giật mìn gây trở ngại giao thông cho dân chúng. Thời chiến tranh, hai miền Nam Bắc phân ly, đường sắt đứt nối nhiều đoạn.

Năm 1975, Việt Nam thống nhất, năm 1986, Chính phủ Việt Nam tiến hành khôi phục lại các tuyến đường sắt chính và các ga lớn, đặc biệt là tuyến Đường sắt Bắc Nam. Tuy nhiên, vẫn có

câu hỏi: Phải chăng là đường sắt cao tốc mà Trung Cộng muốn làm? *Hồ ẩn sơn trung Mao tận bạch*, phải chăng là đường sắt này sẽ thực hiện , hay thực hiện xong sau khi HỒ CẨM ĐÀO về hưu? mao tận bạch là gì? Kinh cư hải ngoại huyết lưu hồng là gì? Là trận thủy chiến ngoài Trường Sa, Hoàng Sa năm 1974 giữa Trung Cộng và VNCH? Là cuộc chiến giữa Việt Cộng-Trung Cộng năm 1988? Và cuộc thế chiến ba ở biển Đông?

*Kê minh ngọc thụ thiên khuynh Bắc,
Ngưu xuất Lam điền nhật chính Đông.*
Câu này không rõ.

*Nhược đãi ung lai sư tử thượng,
Tứ phương thiên hạ thái bình phong.*

Chờ khi Hoa Kỳ (*chim ung*) đánh vào Hoa lục (sư tử) thì thiên hạ mới thái bình!

- (1). Trần Văn Giáp. *Tìm hiểu kho sách Hán Nôm , quyển I*, Thư viện Quốc Gia, Hà Nội, 1970, tr. 87).
- (2). Phạm Đan Quế, Giai Thoại và Sấm Ký Trạng Trình; Văn Nghệ TP HoChi Minh, 1992; 78-79)
- (3). Nguyễn Khuê. Nguyễn Bình Khiêm Qua Bạch Vân Am Thi Tập. Nhà xb.HochiMinh, 1997, 379-402

ĐIỀN SẤM TRẠNG TRÌNH



Sấm Trạng trình có nhiều bản khác nhau nhưng các bản này vẫn có những đoạn giống nhau. Trước đây, trong ấn bản Sơn Trung, chúng tôi đã chú thích các bản Sấm Trạng Trình. Như đã nói, chúng tôi đã có bản nôm Trình Quốc Công Ký và bản nôm Phùng Thượng Thư Ký mà bạn tôi, ông Trương Quang Gia đã phiên âm từ 1990. Nhưng người nghiên cứu vẫn để yên trong

ngăn tử, nay mới đem ra xem xét cẩn thận, thì thấy người xưa đã chú thích phần lớn. Nay đem cả chú thích mới và cũ tập hợp lại theo dạng tự điển để độc giả tiện tra cứu.



Bạch sĩ : chưa rõ
Bảo Giang (Lại nói sự Hoàng **Giang** sinh thánh
Sông Bảo Giang đã định ai hay): không rõ nghĩa

Bắc hữu kim thành tráng
Nam tạc ngọc bích thành
Hòa thôn đa khuyến phệ
Mục giả dục nhân canh
(Sở Cường, 426-429; TVThanh, 227-230)

Nói về kinh đô Thăng Long và kinh đô Phú Xuân hay thủ phủ Hà Nội và thủ phủ Sài Gòn?

Cưu, nhạn : chim cưu và chim nhạn, nói nhân dân.

Cửu cửu càn khôn dĩ định,
Thanh minh thời tiết hoa tàn.
Trực đảo dương đầu mã vĩ,
Hồ bình bát vạn nhập Trường An.
(Bản Anh Phương, 151-154; bản Sở Cường, 410-413, Trịnh Văn Thanh, 165-168))

Bản Phùng Thượng Thư nói về quân Mãn Thanh sang Việt Nam kỷ Dậu 1789 còn các bản sau này nói Cộng sản vào Hà Nội năm giáp ngọ 1954.

Cửu thiên hồng nhật: họ Trịnh 鄭 chữ Trịnh có chữ nhật.
Chấn cung nhật hiện: chỉ họ Mạc 莫, vì trong chữ Mạc có chữ nhật.
Dư đồ chia xẻ: Trịnh Nguyễn phân **tranh**.

Đạo: Xem Hòa đạo mộc lạc.

Điểm tuần: điểm là nơi **canh** gác, thường là cái chòi tranh để tuần phu ngồi trong lúc canh phòng. Tuần là đi rảo xung quanh làng xóm để xem xét kẻ gian phi.

Đình Hoàng sơn: (*Đình Hoàng Sơn tam liệt nữ phân.*) nói về chiến tranh giữa Trịnh, Nguyễn

và Tây Sơn tại miền Trung.

Đông A :là nhà Trần 陳. (Trong chữ Trần có chữ Đông và bộ phụ của chữ A 阿). Âm vị là con gái.
Trần Cảnh lấy Chiêu hoàng là nữ, là vợ truyền ngôi cho chồng.

Hòa đao mộc lạc chỉ họ Lê 梨, 黎. có chữ đao .Họ Lê lên thay họ Đinh.

Hoàng Giang: (Lại nói sự Hoàng Giang sinh thánh

Sông Bảo Giang đã (thiên) ai hay): không rõ nghĩa. Phải chăng chỉ dòng họ Nguyễn Hoàng ?

Kìa cơn gió thổi lá rung cây
Rung Bắc sang Nam Đông tới Tây
Tan tác kiến kiều an đất nước
Xác xơ cổ thụ sạch am mây
Sơn lâm nổi sóng mù thao cát
Hưng địa tràng giang hóa nước đầy
Một gió một yên ai sùng bái
Cha con người Vĩnh Bảo cho hay
(Bản Sở Cường, Mai Lĩnh, câu 379-386)

Các bản sau này giải thích việc Nguyễn Thái Học khởi nghĩa năm 1930, và việc Pháp dùng 5 máy bay ném bom triệt hạ làng Cổ Am, căn cứ của Việt Nam Quốc Dân Đảng trong cuộc khởi nghĩa ở Vĩnh Bảo. Hải Dương.

Kỳ mộc: cây lạ, chỉ họ Lê. Lê Lợi lên ngôi.(Xem Hòa Đao mộc lạc).

Khí hủ: hủ là hư nát trong nghĩa hủ bại. Các bản khác ghi là hư.

Long vĩ xà đầu khởi chiến tranh,
Can qua xứ xứ khổ đao binh.
Mã đề dương cước anh hùng tận,
Thân Đậu niên lai kiến thái bình.
(Anh Phương 171-174; Trịnh Văn Thanh, 185-188)

Bản Phùng Thượng Thư Ký và một số có đoạn này. Bản Phùng Thượng Thư không chú rõ. Các bản khác đều cho rằng đoạn này nói kỷ dậu 1945 chấm dứt thế chiến, nhưng điều này không đúng vì từ năm dậu 1945 nước ta bắt đầu với đại họa cộng sản chứ không được hưởng thái bình.

Lục thất , hay lục thất nguyệt gian (hay niên gian):

Lục thất cho biết ngày dầy (rày)

(Ngôn Nguyễn thị sanh ư bắc phương, cư tại Sơn Tây xứ).

Phụ nguyên ấy thực ở miền (rày) Tào Khê (SC. 260)

Bản Phùng Thượng Thư Ký chú là họ Nguyễn ở Sơn Tây . Tuy nhiên Tào Khê ở tỉnh Quảng Đông, là nơi Lục tổ Huệ Năng truyền đạo.

Lục thất 六七 ám chỉ họ Nguyễn vì Lục Thất có đồng âm 陸室. Lục là họ Nguyễn vì trong chữ lục có chữ Nguyễn. Thất là nhà. Lục thất là nhà Nguyễn. Họ Nguyễn làm vua thì giòng Nguyễn Gia Miêu là ở Thanh Hóa. họ Nguyễn (hay Hồ) nhà Tây Sơn ở Bình Định, chưa có vua nào ở Sơn Tây.

Mỗ cá: cái mõ bằng gỗ, hình con cá, thôn quê ngày xưa dùng báo hiệu. có đám cháy hay trộm

cướp.

Nhân Doãn: 允 :(Nhân Doãn tức là người Doãn, Duẫn, hoặc người tên Doãn, Duẫn) chỉ vua Lê Chiêu Thống 黎昭統 .Trong chữ Thống có chữ Duẫn cũng đọc là Doãn.

Nhân kiến : Chỉ Lê Chiêu Thống 黎昭統, 1765 – 1793), tên thật là Lê Duy Khiêm 黎維謙 tên là Duy Khiêm. Chữ Khiêm 謙 trong có chữ Kiến 建, 建 . Khi Lê Chiêu Thống theo quân Thanh chạy sang Trung Quốc, bỏ Thăng Long, sau đó thì Nguyễn Huệ đem binh đánh tan quân Thanh, và một thời gian nữa thì Nguyễn Ánh đem binh ra đánh tan Tây Sơn, thống nhất đất nước.

Ô hô thế sự tự bình bồng,
Nam Bắc hà thời thiết lộ thông.
Hồ ẩn sơn trung mao tận bạch,
Kinh cư hải ngoại huyết lưu hồng.
Kê minh ngọc thụ thiên khuynh Bắc,
100.Ngưu xuất Lam điền nhật chính Đông.
Nhược đãi ưng lai sự tử thượng,
Tứ phương thiên hạ thái bình phong "
(Bản Anh Phương, Trịnh Vân Thanh , 109-116)

Các bản giải thích là sau 1945, cộng sản phá hoại đường giao thông, trong đó có đường sắt. Đường sắt nối lại sau 1975 là lúc Mao Trạch Đông và Hồ Chí Minh đều chết. Sau đó là có chiến tranh ở Hoàng Sa, Trường Sa...

Phá điền : quốc phá, là nước mất bởi vì chữ điền 田 giống chữ Quốc 国, cả hai chữ thuộc bộ vi 阝. Cũng có người giải là năm Sửu vì chữ Sửu 丑 giống nửa chữ điền

Rau, rói: có bản ghi "giới". Rau, rói, giới, rười đều có nghĩa là rau. Có lẽ do từ Giới 芥 là rau, là đồ hèn hạ (rác rới, rác rưởi, rác rười)

Tái binh: binh ngoài biên cương, binh ngoại quốc: Chỉ quân Mãn Thanh.

Tam hiểm (Tìm nơi tam hiểm mà hầu lánh thân): Ba nơi hiểm trở có đủ yếu tố thiên thời, địa lợi và nhân hòa. Quyền Phùng Thượng Thư Ký cho biết ba nơi là vùng sơn động Thái Nguyên, Tản Viên (Sơn Tây), và Vị Khê (không rõ ở đâu.

Thập bát tử: họ Lý 李 . Chữ Lý chiết tự là Thập bát tử.

Thầy Nhân Thập : trước đây các vị đã giải đoán là chữ Tản 傘 vì có chữ Nhân 人 và 4 chữ Nhân nhỏ với chữ Thập 十 thành chữ Tản 傘 . Ba chữ Thầy Nhân Thập đọc và viết theo pháp âm chữ Nho là Thập Nhân Tử 人十子 (chữ Tử còn gọi là Thầy như Lão Tử, Trang tử, Khổng Tử ...). Chữ Thập Nhân Tử còn có nghĩa là chữ Lí 李 (họ Lý). Ông này tên Tản hay tên Lý? Hay tên gì?

Theo lời chú trong bản Phùng Thượng Thư Ký, ông này tuổi ngọc giúp vua trị vì dài lâu (Chữ 午 chiết tự thành nhân thập)

Trần công nãi thị phúc tâm
Giang hồ xử sĩ Đào Tiềm xuất du.
(Sở Cường, 482-483)

Không rõ họ Trần nào, xuất hiện vào lúc nào? Nước ta từ Lê Lợi đến nay có Nguyễn Huệ,

Nguyễn Ánh, Hồ Chí Minh, Ngô Đình Diệm... . làm vua, và các nhà chính trị nổi danh như Đào Duy Từ, Ngô Thời Nhậm, Phan Bội Châu, Trần Trọng Kim nhưng chưa có vua nào họ Trần.

BẢN I * SƠN TRUNG 2011



TRÌNH QUỐC CÔNG KÝ
tủ sách cụ Nghè Bân, Sơn Tây

LỜI NÓI ĐẦU

Đây là bản nôm tìm thấy trong thư viện cụ nghệ Nguyễn Văn Bân (1868- 1937.) Cụ nghệ Nguyễn Văn Bân , sinh năm mậu thìn (1868), quê làng Hữu Bằng, huyện Thạch Thất, Sơn Tây, đậu cử nhân khoa đình dậu (1897), đậu tiến sĩ khoa tân sửu, năm Thành Thái 13 (1901), đồng khoa với Ngô Đức Kế, Nguyễn **Sinh Huy** tức Nguyễn Sinh Sắc, và **Phan Chu Trinh**, hàm Hồng Lô tự khanh, sung Bắc kỳ thượng nghị viện , Tổng Đốc Hải Dương.

Cụ Nghệ Bân ở Sơn Tây , gần làng Phùng, cùng huyện Thạch Thất với Phùng Thượng Thư cho nên bản này rất đáng tin cậy vì ngày xưa các cụ thường mượn sách **nhau sao** chép, nghĩa là bản này có thể là sao chép từ tử sách quan thượng Phùng Khắc Khoan.

Đại tá Nguyễn Sùng đậu cử nhân luật bên Pháp, người Chàng Thôn, huyện Thạch Thất, tỉnh Sơn Tây, làm việc tại bộ Tổng Tham mưu quân đội VNCH, là tế tử của cụ nghệ.

Khoảng năm 1985, gia đình đại tá Nguyễn Sùng, sang định cư tại Pháp. Trước khi đi, hai ông bà tặng tôi một số sách cổ, trong có bản Trình Quốc công ký và Phùng Thượng thư ký. Tôi giữ từ đó đến nay, chỉ nhìn qua rồi cất kín vì lúc bấy giờ tôi đang tập trung tư tưởng và thời giờ viết bộ Văn Học Sử Việt Nam. Và lại lúc bấy giờ việc nước tang thương, ai cũng lo việc y thực và tìm tự do.

Nay có bạn đọc hỏi về Sám Ký, tôi bèn đem tất cả Sám Ký Quốc ngữ mà tôi đã sưu tập và bản Nôm này trình làng. Như vậy bản nôm chép tay đã có khoảng hơn một trăm năm, mà tôi cất giữ cũng đã 25 năm, nay mới ra mắt độc giả.

Hôm nay xem kỹ, và sau khi so sánh các bản Quốc ngữ, tôi xin thưa với các độc giả vài điều:

1. Sám Trạng Trình là có thực. Bản này có gốc tích rõ ràng từ một bậc danh gia ở Sơn Tây, đồng hương với Trạng Bùng, mà trạng Bùng lại là đệ tử của Nguyễn Bình Khiêm. Hơn nữa, hơn 20 bản nôm trong các thư viện cũng là một thực thể mạnh, không thua gì Kim Vân Kiều truyện của Nguyễn Du, trong đó có những dị bản, nhưng không thể phủ nhận sự hiện hữu của Trình Quốc Công ký.

2. Bản này giống phần thứ hai của Mai Lĩnh. Tôi chưa xem bản nôm AB 444 của Viện Hán Nôm Hà Nội, song có thể nghĩ rằng hai bản nôm này cùng nguồn gốc. Tuy nhiên, đọc kỹ thì thấy bản quốc ngữ của Mai Lĩnh và bản nôm này tuy ý từng câu, từng đoạn giống nhau, mà trong mỗi câu ít nhất là có một chữ bị sửa . Tuy nhiên phần cuối bản nôm này (từ câu 101) khác hẳn bản Mai Lĩnh.

Tôi chỉ phiên âm, còn phần chú thích tôi đã chú thích trong bản Mai Lĩnh, nay chỉ chú một đôi dòng cần thiết mà thôi. Xin tha thứ những sai lầm trong bản này.

Ottawa ngày 6-10-2010
Nguyễn Thiên Thu



BẢN NÔM TRÌNH QUỐC CÔNG KÝ

程園公說

披解庚子春頭清湖刺得竟勾假拔卷羅續續歲委自丁樹共至不七限艾與因
 夫確頑恭恭和德良安大年計白韶竟帝京戰世拱躬別擊情濕處園為別
 特經實情華為德信心之善點以果今時將及與男男思學廣丈夫因志長懷仍
 身丹日常推來勤勉於共時午日以別無世治別播其製計自人各應緣起隨清其別
 時响聲情名賢士籍義福乎勤誠研撰文公此未細提舉用才於拱踏英融融聯連基
 今桂層品眼雖平以經竟別吃雖為生時時忘權扶編起借德慈其油哈非日所新
 生沛繼哲已善書錄生帝知得此全養帝却鬼魔和春响聲時時事收重聯金沛其尼
 响聲時時事收重聯金沛其尼
 好日夜為增現東西君平日意為善士人不正下除作却健且春虛內輕某家院已既

rang 1



tr.4

NGUYỄN THIÊN THỤ

phiên âm

1. Vừa năm canh tý (1) xuân đầu
 Thanh nhàn ngồi tựa long câu (2) nghĩ đời
 Quển vàng mờ thấy sấm trời
 Từ Đĩnh đổi đời chí lực thất (3) gian
 5. Mỗi đời có một tôi ngoan
 Giúp chưng (4) giữ nước dân an thái bình

Kể từ Lạc Long đế kinh,
 Thế cùng xem biết sự tình thấp cao.
 Nhân vì biết được tơ hào
 10. Truyền chưng chép vào chẳng tiếc làm chi.
 Luận chung một tập kim thi (5)
 Tướng tài coi gẫm, nam nhi học đời
 Trượng phu có chí thời coi
 Những câu nhiệm nhặt đáng doi (6) cho cần
 15. Già nay cũng đáng hiện ngang

Biết chưng đời trị biết đường đời suy
Kể từ nhân duẩn (7) mà đi
Sau thì chưa đến biết thì nói ra.
Tiếc thay hiền sĩ tuổi già
20. Phúc bằng Bành Tổ cùng là Thái Công
Thử cho tay thước (8) ra dùng
Tài này cùng hẹn anh hùng xem sao

Trên trời chín chín tầng cao
Tai nghe bằng một tờ hào (9) biết hay
25. Hiềm vì sinh phải thời này
Rắp thù lỗi kiếp tiếc thay chưng đời

Dẫu hay tán chước (10) ngàn lời,
Sinh phải lỗi đời ắt cũng có dư.
Chẳng sinh phải kiếp người ta,
30. Sinh ra phải kiếp quý ma nhà trời.
Nói ra thì lộ sự đời,(11)

Che nghe (12) cho phải lụy này,
Nói ra ám chúa bội quân
Đương thời đời trị xoay vần được đâu
35. Chờ cho nhân duẩn về sau
Đến chừng đời ấy thật âu nhiều nản
Trời sinh ra những kẻ gian,
Nhật dạ đạo kiếp suy tàn đông tây.
Quân nào thần ấy làm vầy (13),
40. Thượng nhân bất chính hạ nay tác loạn.
Đua nhau bạo ngược làm càn,
Phá gia ba kẻ dân tàn khốn thay
Anh hùng gẫm được thời hay,
Xem chưng thời vận biết hay trong lòng.
45. Nam nhi có chí anh hùng,
Muốn làm tướng sủng lập công chưng đời.
Thời xem tuần vận điềm trời,
Cơ mưu nhiệm nhật nên trai anh hùng.
Đi tìm cho đến thánh công,
50. Để phù trợ trị nên công vẹn tuyền.
Trong ngoài cương kỷ cho bền,
Bốn phương điều vận cho yên trong ngoài.
Chờ khi chuyển đất động trời,
Bấy giờ mới biết mặt trai anh hùng.
55. Còn bận (14) thì nấu chưa xong,
Nhân lực chẳng đoạt thiên công đâu là.
Đời này những quỷ cùng ma
Chẳng phải người thể dân ta thiện hiền.
Trời cao đất rộng mộng minh,
60. Ngu dân đâu biết chân tình đế vương.
Thế gian ai chẳng biết tường,
Thánh thời ở tại khảm phương tuần này.
Ấy là lực thất gian nay,

Tuần hoàn đã định đến ngày hưng vương.
 65. Xem chưng tuần vận cho tường,
 Bảo giang thánh xuất trung ương thuở này.
 Vua ngự thạch bàn xa thay,
 Nhân (15) ngàn vắng vẻ những cây cùng rừng
 Chim kêu vượn hót vang lừng,
 70. Đường đi thỏ thẻ dặm chưng khôn ngờ.
 Nhân gian vắng vẻ bằng tờ
 Sơn lâm bát ngát đồ (16) nhờ khôn thay!
 Vua còn cuộc nguyệt cây mây
 Phong điều vũ thuận đợi ngày làm ăn
 75. Phong đăng hoà cốc chứa chan
 Vua ở trên ngàn có ngũ sắc vân.
 Khảm cung thời tiết mở vắn,
 Thực là thiên tử thánh nhân ra đời.
 Anh hùng ai có chí tài,
 80. Công phu chẳng ngại tìm đòi ra đi.
 Tìm đi đến Bàn thạch khe,
 Đất sinh thánh đế bên kia cuối làng.
 Nhìn đi nhìn lại cho tường,
 Do nay phỏng có sinh vương đâu là.
 85. Chẳng tin thì đến bản gia,
 Đất sinh thiên tử xem qua địa hình.
 Bốn bề phong cảnh cực thanh,
 Tả long triều lại uốn vành vũ khai.
 Hữu thời cứu khúc giang nay,
 90. Minh Đường thất diệu ra bày tay coi
 Trông xa thấy một đầu voi
 Đầu cúi cuốn lại phục triều nguyệt sơn .
 Ứng điềm thiên tử về châu,
 Tượng trời thánh đế thật âu trị dài.
 95. Song thiên nhật nguyệt sáng soi, (17)
 Sinh được tuổi ấy thật ngôi chảng cầu
 Đến tuần hưng vượng về sau,
 Chờ đến tam hợp thúc nhau mới làm
 Khuyên người Đông Bắc Tây Nam
 100. Muốn làm tướng sủng thì xem sấm này
 Anh hùng lượng được thời hay
 Chép làm một quyển để ngay chảng môn.
 Ai nên bia tạc biển son,
 Nguyệt đem phúc vận tử tôn ơn nhờ.
 105. Nay nhờ truyền bảo sau xưa,
 Những câu nhiệm nhật nên sơ tỏ tường
 Tìm đi cho đến khảm phương
 Hình dung thánh đế khiêm nhường tử bi.
 Chính trung diện mạo uy nghi,
 110. Râu rồng tóc phượng thật thì đế vương.
 Nhìn xem cho biết tỏ tường,
 Để hòa (mà) giúp rập đế vương tuần này.
 Quân thần hội họp rồng mây,
 Đạo trời hay chứa bàn tay nhưng là.

115. Cối tiên thế giới đất ta,
 Mông lung bốn bề ắt là giao lân.
 Trời xui thiên tử vạn dân,
 Rắp hết xa gần triều lục thất gian.
 Phò vua ra đến Tràng An,
 220. Bao nhiêu nguy đảng loài gian lại hiền.
 Đòi ấy những Phật cùng tiên,
 Sinh những người hiền trợ giúp trị dân.
 Lục thất dư ngũ vạn xuân,
 Bây giờ trời lại xoay vần chốn nao.
 225. Thấy sự thời để chép vào,
 Lâu thời chẳng biết nói sao nên lời.
 Ai mà độ lượng trí tài,
 Công phu chẳng ngại tìm thời đến này.
 Phò vua vực trị trợ đời,
 230. Ơn trên đức rộng cho trai ơn nhuần.
 Vũ thời phong đại tướng quân,
 Văn thời thất phẩm đại thần cao ngôi.
 Trông ân đức rộng bằng trời,
 Cả dung cho khắp thỏa người tôi con.
 235. Chớ nề bạch ốc chu môn,
 Nam nhi có chí khỏe khôn đều dùng,
 Quân minh lại gặp thần trung,
 Tướng vốn vô dùng điều dụng mới trai.
 Trảo nha những đứng trí tài,
 240. Bất vấn thạch phụng nào ai biết gì.
 Ai ai là chẳng nam nhi,
 Sinh chẳng kịp thì nên muện công danh.
 Trông ơn đức rộng cao minh,
 Tuất cập đến kẻ hết tình làm tôi.
 245. Quân thần tướng tá giúp đời,
 Quân minh thần hiệp mỗi điều cho tin,
 Trợ phù nhà nước khỏe bền.
 Công phu kiếp trước hữu duyên cùng người.
 Trời sinh lão tướng giúp đời,
 250. Khai quốc cùng toại cho đòi khám phương.
 Khác nào thuở trước nhà Đường,
 Quân minh lại gặp thần lương mới bền.
 Đòi xưa những đáng khá khen,
 Đòi nay những đáng tôi hiền ai so
 255. Xưa trượng phu, nay cũng trượng phu,
 Tài nay khá mượn tài xưa giúp đời.
 Mong ơn trên trị chưng đời,
 Chớ hề quên nghĩa phụ người công phu.
 Sống thời ăn bổng lộc vua,
 260. Thác thời ban cấp cho con thơ rày
 Trận tiền hết sức, ra tay,
 Cờ xây súng trở sắc rày ban cho.
 Hoặc là tử trận đương cô,
 Quan thời dân xã cấp cho bổng thờ.
 265. Quân thời cấp ruộng điền tô,

Làm cho con cháu ớn vua đời đời.
Đề cho nức lòng con trai.
Đến khi có giặc cho trai liều mình.
Thấy tặc nó hội phụng kinh
270. Anh hùng ai chẳng liều mình cướp nhau.
Sống thì chức trọng quyền cao,
Thác thì miếu duệ ân nhiều giàu sang.
Lập nên giếng mỗi kỷ cương.
Trong an ngoài cũng bốn phương thuận hòa,
275. Đâu đâu xướng thái bình ca,
Thiên thuận địa hòa, chủ quý thần vinh.
Tảo an thiên hạ thái bình,
Bây giờ sĩ mở lệ thư luật điều
Sĩ hiền biết bấy nhiêu điều,
280. Tiên bảo cùng sấm mỗi điều chép ra.
Khuyên người Nam Việt trai hiền,
Ai xem cho biết để mà làm công.



CHÚ THÍCH

- (1). Các bản ghi giáp tí, nhâm tí nhưng bản này ghi canh tí. Nguyễn Bình Khiêm 阮秉謙 sinh 1491 và mất năm 1585. Canh tí là năm 1540, nhâm tí là 1552; giáp tí là 1564. Năm canh tí là lúc ông 50 tuổi.
- (2). Câu: câu là câu lợn, bao lợn, hành lang.
- (3). Nguyên bản lục thất 六七 (lục thất nguyệt gian, lục thất niên gian) có lẽ cổ nhân dùng để chỉ lục thất 陸室 nhà Nguyễn vì trong chữ lục có chữ Nguyễn 阮.
- (4). Chưng: cũng như chi, sở là hư tự. Chưng ở đây là ở.
- (5). Kim thời: thời nay.
- (6). Doi: noi theo, theo dõi.
- (7). Nhân duẩn 人允 : duẩn, doãn , chỉ Lê Chiêu Thống, vì trong chữ Thống có chữ Duẩn, Doãn; nói việc Lê Chiêu Thống theo quân Thanh trở về Thăng Long thì bị Nguyễn Huệ đem binh đánh tan, sau đó Nguyễn Ánh đem quân ra Bắc..
- (8). tay thước : Thước là thanh gỗ dài hơn một thước, rộng khoảng 3 hay bốn cm. Thước là vũ khí của tuần phu ngày xưa.
- (9). ti hào: ti là sợi tơ, hào là sợi lông, nói những điều nhỏ nhặt.
- (10). Tấn chước: đưa ra mưu kế, kế hoạch.
- (11). Đoạn này bị sót
- (12). Che nghe : chẳng nghe.
- (13). làm vạy : làm tầm bậy, sai lầm. Vạy trong nghĩa giày vò, vạy vò, tà vạy.
- (14). Bận: vướng bận, bận bịu; còn vướng bận, không thể ra cứu nước.
- (15). Bản Mai Lĩnh ghi là Đại ngàn.
- (16). Ở: ở ở, ở ở.
- (17). Tuổi quý 癸.



Sơn Trung
sưu tập, hiệu đính và chú thích.
Thủ đô Ottawa ngày 29-9-2010

II * SỞ CUỒNG 1930 & MAI LĨNH 1939



NGUYỄN BÌNH KHIÊM

SẮM TRẠNG TRÌNH TOÀN TẬP

NGUYỄN THIÊN THỤ
sưu tập, hiệu đính và chú giải



BẢN THỨ NHẤT

■ **BẢN SẤM KÝ CỦA SỞ CUỒNG LÊ DƯ**

NAM KÝ 1930

■ **TIÊU THUYẾT NHẬT BÁO**

KHOA HỌC HUYỀN BÍ

Năm thứ hai số 250

18-7-1939 tr.770-772.

254 ngày 1-8 tr.805-827

số 256 ngày 8-8, 788-790

Mai Lĩnh xuất bản



1. Vận lành mừng gặp tiết lành
 Thấy trong quốc ngữ tập tành nên câu
 Một câu là một nhiệm màu
 Anh hùng gấm được mới hầu giá cao
 5. Trãi vì sao mây che Thái Ất
 Thủa cung tay xe nhật phù lên
 Việt Nam khởi tổ gây nên
 Lạc Long ra trị đương quyền một phương
 Thịnh suy bĩ thái chẳng thường
 10. Một thời lại một nhiều nhường nên lễ.
 Đến Đinh Hoàng là ngôi cửu ngũ
 Mở bản đồ rủ áo chấp tay
 Ngự đao phút chốc đổi thay
 Thập bát tử (giày) rày quyền đã nổi lên
 15. Đông A âm vị nhi truyền
 Nam phương kỳ mộc bỗng liền lại sinh
 Chấn cung hiện nhật quang minh
 Sóng lay khôn chống trường thành bền cho
 Đoàn cung vẽ rạng trắng thu
 20. Ra tay mở lấy đế đô vạn toàn
 Sáng cửu thiên ám vừng hồng nhật
 Dưới lẩn trên ăn vẫn uống quen
 Sửa sang muôn vật cầm quyền
 Ngồi không ai dễ chẳng nhìn giúp cho
 25. Kia liệt vương khí hủ đồ ủng
 Mặc cường hầu ông ổng tranh khôn.
 Trời sinh ra những kẻ gian
 Mặc khôn dối phép, mặc ngoan tham tài
 Áo vàng ám áp đà hay
 30. Khi sai đắp núi khi sai xây thành
 Lấy đạc điền làm công thiên hạ
 Được mấy năm đất lở riêng (giếng) mòn
 Con yết ạch ạch tranh khôn
 Vô già mở hội mộng tôn làm chùa
 35. Cơ trời xem đã mê đồ
 Đã đô lại muốn mở đô cho người
 Ấy lòng trời xui lòng bất nhẫn
 Suốt vạn dân cựu giận nhận than
 Dưới trên dốc trí lo toan
 40. Những đua bán tước bán quan làm giàu
 Thống ru nhau làm mỗi phú quý
 Mấy trung thần có ý an dân
 Đua nhau làm sự bất nhân

Đã tuần rồn bề lại tuần đầu non
45. Dư đồ chia rẽ càn khôn
Mối giường man mác khiếp mòn lòng nhau.
Vội sang giàu giết người lấy của
Sự có chẳng mặc nợ ai đòi
Việc làm bất chính tội bời
50. Minh ra bỗng lại thấy thôi bấy giờ
Xem tượng trời đã gia (giơ) ra trước
Còn hung hăng bạc ngược quá xưa
Cuồng phong cả sớm liền trưa
Đã đờn cửu khúc còn thơ thi đề
55. Ấy Tần Vương ngu mê chẳng biết
Đề vạ dân dê lại giết dê
Luôn năm chặt vật đi về
Âm binh ở giữa nào hề biết đâu
Thấy thành đô tiếng kêu ong ồng
60. Cũng một lòng trời chống khác nào
Xem người đường vững chiêm bao
Nào đâu còn muốn ước ao thái bình
Một góc thành làm tám chúng quỷ
Đua một lòng ích kỷ hại nhân
65. Bốn phương rờ rờ hồng trần
Làng khua mở cá, làng phân điểm tuần
Tiếc là những xuất dân làm bạo
Dục khua loài thỏ cáo tranh nhau
Nhân danh trọn hết đầu đầu
70. Bấy giờ thiên hạ âu sầu càng ghê
Hùm già lặc dấu khôn về
Mèo non chi chí tìm về cố hương
Chân dê móng khởi tiêu tường
Nghị nhau ai dễ sửa sang một mình
75. Nội thành hoảng hốt hư kinh
Đầu khỉ tin sứ chèo thành lại sang
Bỏ mồ hôi Bắc giang tái mã
Giữa hai xuân bỗng phá tổ long
Quốc trung kinh dụng cáo không
80. Giữa năm vả lại khiếm hung mùa màng
Gà đâu sớm gáy bên tường
Chẳng yêu thì cũng bắt tường chẳng không
Thủy binh cờ phất vàng hồng
Bộ binh tấp nập như ong kéo hàng
85. Đứng hiên ngang đó ai biết trước
Ấy Bắc binh sang việc gì chẳng ?
Ai còn khoe trí khoe năng

Cấm kia bắt nọ, tưng bừng đôi nơi
Chưa từng thấy đời nào sự lạ
90. Bổng khiến người giá họa cho dân
Muốn bình sao chẳng lấy nhân
Muốn yên sao chẳng dục dân ruộng cày
Đã nên si Hoàn Linh đời Hán
Đúc tiền ra bán tước cho dân
95. Xun xoe những rắp cạy quân
Chẳng ngờ thiên xoay vần đã công
Máy hoá công nắm tay dễ ngỏ
Lòng báo thù ai dễ đã nguôi
Thung thăng tưởng thấy đạo trời
100. Phù Lê diệt Mạc nghỉ dời quân ra
Cát làm bốn bể can qua
Nguyễn thì chẳng được sẽ ra lại về
Quân hùng binh nhuệ đầy khe
Kẻ xưng cứu nước kẻ khoe trị đời
105. Bấy giờ càng khốn ai ôi
Quý ma chật vật biết trời là đâu ?
Thương những kẻ ăn rau ăn rới
Gặp nước bung con cái ẩn đâu
Báo thù ấy chẳng sai đâu
110. Tìm non có rẫy chưng sau mới toàn
Xin những kẻ hai lòng sự chúa
Thấy đâu hơn thì phụ thừa ân
Cho nên phải báo trăm luân
Ai khôn mới được bảo thân đời này.

115. Nói cho hay khảm cung rồng dấy
Chí anh hùng xem lấy mới ngoan
Chữ rằng lục thất nguyệt gian
Ai mà nghĩ được mới gan anh tài
Hễ nhân kiến đã dời đất cũ
120. Thì phụ nguyên mới chỗ (trở) binh ra
Bốn phương chẳng động can qua
Quần hùng các xứ điều hoà làm tôi
Bấy giờ mở rộng qui khôi
Thần châu thu cả mọi nơi vạn toàn

125. Lại nói sự Hoàng Giang sinh thánh

Hoàng phúc xưa đã định tây phong
Lầu lầu thế giới sáng trong
Lồ lộ mặt rồng đầu có chữ vương
Rõ sinh tài lạ khác thường
130. Thuần Nghiêu là trí Cao Quang là tài
Xem ý trời có lòng khải thánh
Dốc sinh hiền điều đỉnh hộ mai
Chọn Đẩu, Thai những vì sao cả
Dùng ở tay phụ tá vương gia
135. Bắc phương chính khí sinh ra
Có ông Bạch sĩ điều hoà hôm mai
Song thiên nhật rạng sáng soi
Thánh nhân chẳng biết thì coi cho tường
Đời này thánh kế vi vương
140. Đủ no đạo đức văn chương trong mình
Uy nghi trạng mạo khác hình
Thác cư một góc kim tinh phương đoài
Cùng nhau khuya sớm dưỡng nuôi
Chờ cơ sẽ mới ra tài cứu dân
145. Binh thơ mấy quyển kinh luân
Thiên văn địa lý nhân luân càng màu
Ở đâu đó anh hùng hẳn biết
Xem sắc mây đã biết thánh long
Thánh nhân cư có thụy cung
150. Quân thần đã định gìn lòng chớ tham
Lại dặn đấng tú nam chí cả
Chớ vội vàng tất tả chạy rong
Học cho biết lý kiết hung
Biết phương hướng hội có dùng làm chi.
155. Hễ trời sinh xuống phải thì
Bất kỳ chi ngộ mạng gì tưởng trông
Kìa những kẻ vội lòng phú quý
Xem trong mình một tí đều không
Ví dù có gặp ngư ông
160. Lưới chài đâu sẵn nên công mà hòng
Xin khuyên đấng thời trung quân tử
Lòng trung nghì ai nhớ cho tinh.
Âm dương cơ ngẫu ngộ sinh
Thái nhâm thái ất trong mình cho hay
165. Văn thi luyện nghiên bài quyết thắng
Khen Tử Phòng cũng đấng Khổng Minh
Võ thông yên thủy, thần kinh
Được vào trận chiến mới rành biển cơ
Chớ vật vờ quen loài ong kiến

170. Biết ray tay miệng biển? nói không
Ngõ hay gặp hội mây rồng
Công danh chơi chới chép trong vân đài
Bấy giờ phỉ sức chí trai
Lọ là cho phải ngược xuôi nhọc mình

175. Nặng lòng thật có vĩ kinh
Cao tay mới gắm biết tình năm nao
Trên trời có mấy vì sao
Đủ no hiền tướng anh hào đôi nơi
Nước Nam thường có thánh tài
180. Ai khôn xem lấy hôm mai mới tường
So mấy lời để tàng kim quĩ
Chờ hậu mai có chí sẽ cho
Trước là biết nẻo tôn phò
Sau là cao chí biết lo mặc lòng

185. Xem đoàn cung đến thời bắt tạo
Thấy vĩ tinh liệu rạo (rạo, tháo?) cho mau
Ngươi lòng tham tước tham giàu
Tìm nơi tham (tam ?) hiểm mới hầu bảo thân
Trẻ con mang mệnh tướng quân

190. Ngõ oai đã dậy, ngõ nhân đã nhường
Ai lấy gương vua U thừa trước
Loạn ru vì tham ngược bắt nhân.

Đòi phượng ong khởi lần lần
Muôn sinh ba cốc cầm binh dấy loạn

195. Man mác một đỉnh Hoành Sơn
Thừa cơ liền mới nổi cơn phục thù
Ấy là những binh thù thái thái
Lòng trời xui ai nấy biết ru ?

Phá điền đầu khí cuối thu
200. Tái binh mới động thập thò liền sang
Lọ chẳng thường trong năm khôn xiết
Về lại thêm hung hiệt mất mùa
Lưu tinh hiện trước đôi thu
Bấy giờ thiên hạ mây mù đủ năm
Coi thấy những sương xâm tuyết lạnh
Loài bất bình tranh mạnh hung hăng
Thành câu cá, lửa tưng bừng
Kẻ ngàn Đông Hải người rừng Bắc Lâm
Chiến trường chốn chốn cát lằm
210. Kẻ nằm đầy đất kẻ trầm đầy sông
Sang thu chín huyết hồng tứ giả

Noi đàn dê tranh phá đôi nơi
Đua nhau đồ thán quần lê
Bấy giờ thiên hạ không bề tựa nương
215. Kẻ thì phải thừa hung hoang
Kẻ thì binh hỏa chiến trường chết oan
Kẻ thì mắc thừa hung tàn
Kẻ thì bận của bổng toan khốn mình
Muông vương dựng tổ cần tranh
220. Điều thì làm chước xuất binh thủ thành
Bời bời đua mạnh tranh giành
Ra đâu đánh đấy đem binh sớm ngày
Bể thanh cá phải ẩn cây
Đất bằng nổi sấm cát bay mịt mù
225. Nào ai đã dễ nhìn u
Thủy chiến bộ chiến mặc dù đòi cơn
Cây bay lá lửa đôi ngàn
Một làng còn mấy chim đàn bay ra
Bốn phương cùng có can qua
230. Làm sao cho biết nơi hòa bảo thân
Đoài phương thực có chân nhân
Quần tiên khởi nghĩa chẳng phân hại người
Tìm cho được chốn được nơi
Thái nguyên một giải lần chơi trú đình
235. Bốn bề núi đá riều quanh
Một đường tiểu mạch nương mình đầy an
Hế Đông Nam nhiều phen tàn tặc
Lánh cho xa kéo mắc đao binh
Bắc kinh mới thật đế kinh
240. Giấu thân chưa dễ giấu danh được nào
Chim hồng vỗ cánh bay cao
Tìm cho được chốn mới vào thần kinh.
Ai dễ cứu con thơ sa giếng
Đua một lòng tranh tiếng giục nhau.
245. Vạn dân chịu thừa âu sầu
Kể dư đôi ngũ mới hầu khoan cho
Cấy cây thu đãi thời mùa
Bấy giờ phá ruộng lọ chờ mượn ai
Nhân ra cận duyệt viễn lai
250. Chẳng phiền binh nhọc chẳng nài lương thêm
Xem tượng trời biết đường đời trị
Gẫm về sau họ Lý xưa nên
Giòng nhà để thấy dấu truyền
Gẫm xem bốn báu còn in đời đời
255. Thần qui cơ nở ở trời

Để làm thần khí thừa nơi trị trường

Lại nói sự Hoàng Giang sinh thánh
Sông Bảo Giang thiên định ai hay
Lục thất cho biết ngày dầy (rày)
260. Phụ nguyên ấy thực ở giầy (rày) Tào Khê
Có thầy Nhân thập đi về
Tả phụ hữu trì cây cỏ làm binh
Giốc hết sức sửa sang vương nghiệp
Giúp vạn dân cho đẹp lòng trời
265. Ra tay điều đình hộ mai
Bấy giờ mới biết rằng tài yên dân
Lộ là phải nhọc kéo quân
Thấy nhân ai chẳng mến nhân tim về
Năm giáp tý vẽ khuê đã rạng
270. Lộ Ngũ tinh trình tượng thái hanh
Ân trên vũ thí vân hành
Kẻ thơ ký tuý kẻ canh xuân đài
Bản đồ chẳng sót cho ai
Nghìn năm lại lấy hội nơi vẹn toàn
275. Vững nền vương cha truyền con nối
Dối muôn đời một mối xa thư
Bể kinh tắm lạng bằng tờ
Trắng thanh ai chẳng ơn nhờ gió xuân
Âu vàng khỏe đặt vững chân
280. Càng bền thế nước vạn xuân lâu dài

II

281. Vừa năm giáp tý xuân đầu
Thanh nhàn ngồi tựa hương câu nghĩ đời
Quyển vàng mở thấy sấm trời
Từ Đĩnh đổi đời chí lục thất gian
285. Một thời có một tôi ngoan
Giúp trong việc nước gặp an thái bình
.....
.....
Luận chung một tập kim thời
Tướng quyền tử sĩ nam nhi học đời
Trượng phu có chí thời coi

290. Những câu nhiệm nhặt đáng đôi nhành vàng

Tài này nên đáng vẽ vang

Biết chừng đời trị biết đường đời suy

Kể từ nhân doãn mà đi

Số chưa gặp thì biết hoà (mà) chép ra

295. Tiếc thay hiền sĩ bao già

Ước bằng Bành Tổ ắt là Thái Công

Thử cho tay giúp ra dùng

Tài này so cùng tài trước xem sao

Trên trời kể chín tầng cao

300. Tai nghe bằng một ti hào biết hay

Hiềm vì sinh phải thời này

Ráp phù mở nước tiếc thay chưng đời.

Hợp đà thay thánh nghìn tài

Dáng sinh rủi kiếp quỷ ma nhà trời

305. Nói ra thì lậu sự đời

Trái tai phải lụy tài trai khôn luận

Nói ra ám chúa bội quân

Đương thời đời trị xoay vần đặng đâu.

Chờ cho nhân doãn hết sau ,

310. Đến chừng đời ấy thấy âu nhiều nản

Trời xui những kẻ ắt (ác?) gian

Kiếp đời đạo thiết làm loạn có hay

Vua nào tôi ấy đã bày

Trên đầu bất chính dưới nay dấy loạn

.....

.....

.....

315. Đua nhau bội bạn nghịch vi

Ích gia phi kỹ dân thì khốn thay

Tiếc tài gẫm đượ thời hay

Đã sao như vậy ra tay sẽ dùng

Tài trai có chí anh hùng

320. Muốn làm tướng sủng lập công chưng đời

Khá xem nhiệm nhặt tội trời

Cơ mưu nhiệm nhặt mấy trai anh hùng

Đi tìm cho đến đế cung

Ráp phù xuất lực để cung đượ toàn.

325. Bảo nhau cương kỷ cho tường

Bốn phương cũng đượ cho yên trong ngoài

Chờ cho động đất chuyển trời

Bấy giờ thánh sẽ nên trai anh hùng

Còn bên thì nấu chưa xong
330. Nhân lực cướp lấy thiên công những là
Đời ấy những quỷ cùng ma
Chẳng còn ở thật người ta đâu mà
Trời cao đất rộng bao xa
Làm sao cho biết cửa nhà đế vương
335. Dù trai ai chữa biết tường
Nhất thổ thời sĩ Khảm Phương thuở này
Ý ra lực thất gian nay,
Thời vận đã định thời này hưng vương
Trí xem nhiệm nhật cho tường
340. Bảo Giang thánh xuất trung ương thuở này
Vua ngự thạch bàn xa thay
Đại ngàn vắng vẻ những cây cùng rừng
Gà kêu vượn hót vang lừng
Đường đi thỏ thẻ dặm chơn khôn dò
345. Nhân dân vắng mặt bằng tờ
Sơn lâm vào ở ổ nhờ khôn thay
Vua còn cuộc nguyệt cày mây
Phong điều vũ thuận thú rày an dân
Phong đăng hoà cốc chứa chang
350. Vua ở trên ngàn có ngũ sắc mây
Chính cung phương khảm vân mây
Thực thay thiên tử là nay trị đời
Anh hùng trí lượng thời coi
Công danh chẳng ngại tìm đòi ra đi
355. Tìm lên đến thạch bàn Khê
Có đất sinh thánh bên kia cuối làng
Nhìn đi nhìn lại cho tường
Dường như chữa có sinh vương đâu là
Chẳng tìm thì đến bình gia
360. Thánh chưa sinh thánh báo ca địa bình
Nhìn xem phong cảnh cũng xinh
Tả long triều lại có thành đọt vây
Hữu hổ uẩn khúc giang này
Minh Đường thất diệu trước bày mặt ta.
365. Ở xa thấy một con voi
Cúi đầu quen bụi trông hồ sau
Ấy điềm thiên tử về châu
Tượng trưng đế thánh tộ lâu trị đời
Song thiên nhật nguyệt sáng soi
370. Sinh đặng chùa ấy là ngôi chẳng cầu
Đến thời thịnh vượng còn lâu
Đành đến tam hợp chia nhau sẽ làm

Khuyên cho Đông Bắc Tây Nam
Muốn làm tướng súy thì xem trông này

375. Thiên sinh thiên tử ư hỏa thôn
Một nhà họ Nguyễn phúc sinh tôn
Tiền sinh cha mẹ đà cách trở
Hậu sinh thiên tử Bảo Giang môn

Kìa cơn gió thổi lá rung cây
380. Rung Bắc sang Nam Đông tới Tây
Tan tác kiến kiều an đất nước
Xác xơ cỏ thụ sạch am mây
Sơn lâm nổi sóng mù thao cát
Hưng địa tràng giang hóa nước đầy
385. Một gió một yên ai sùng bái
Cha con người Vĩnh Bảo cho hay

Con mừng búng tít con quay
Vù vù chong chóng gió bay trên đài
Nhà cha cửa đóng then cài
390. Âm âm sấm động hỏi người đông lân
Tiếc tám lạng thương nửa cân
Biết rằng ai có dù phần như ai
Vắt tay nằm nghỉ đồng dài
Thương người có một lo hai phận mình.

395. Canh niên tàn phá
Tuất hội phục sinh
Nhị ngũ dư binh

Long hổ xà đầu khởi chiến tranh
Can qua tứ xứ khởi đao binh
400. Mã đề dương cước anh hùng tận
Thân đậu niên lai kiến thái bình.

Non đoài vắng vẻ bấy nhiêu lâu
Có một đàn xà đánh lộn nhau
Vượn nọ leo cành cho sỉ bóng
405. Lợn kia làm quái phải sai đầu
Chuột nọ lăm le mong cắn tổ
Ngựa kia đứng đỉnh bước về tầu

Hùm ở trên rừng gằm mới dậy
Tìm về quê cũ bắt ngựa a tâu.

410. Cữu cữu kiên khôn dĩ định
Thanh minh thời tiết hoa tàn
Trực đáo dương đầu mã vĩ
Hồ binh bát vạn nhập trường an.

Bảo Giang thiên tử xuất
415. Bất chiến tự nhiên thành
Lê dân đào bảo noãn
Tứ hải lạc âu ca
Dục thức thánh nhân hương
Qua kiều cư Bắc phương
420. Danh vi Nguyễn gia tử
Kim tịch sinh ngư lang

Thượng đại nhân bất nhân
Thánh ắt dĩ vong ân
Bạch hổ kim đai ấn
425. Thất thập cổ lai xuân

Bắc hữu kim thành tráng
Nam tạc ngọc bích thành
Hỏa thôn đa khuyến phệ
Mục giả dục nhân canh

430. Phú quý hồng trần mộng
Bàn cùng bạch phát sinh
Anh hùng vương kiếm kích
Man cổ đồ thái bình
Nam Việt hữu Ngư tinh
Quá thất thân thủy sinh
Địa giới sĩ vị bạch
Thủy tâm nhi bắc kinh
Ký mã xu dương tẩu
Phù kê thẳng đại minh
440. Chư thử giai phong khởi
Thìn mảo xuất thái bình

Phân phân tòng Bắc khởi
Nhiều nhiều xuất Đông chinh
Bảo sơn thiên tử xuất
Bất chiến tự nhiên thành

Thủy trung tàng bảo cái
Hứa cập thánh nhân hương
Mộc hạ châm châm khẩu
Danh thể xuất nan lường

450. Danh vi Nguyễn gia tử
Tinh bản tại Ngư lang
Mại dữ lê viện dưỡng
Khởi nguyệt bộ đại giang
Hoặc kiều tam lộng ngạn
Hoặc ngụ kim lăng cương
Thiên dữ thần thực thụ
Thụy trình ngũ sắc quang
Kim kê khai lựu điệp

Hoàng cái xuất quý phương
460. Nhân nghĩa thù vi địch.

Đạo đức thù dữ đương
Tộ truyền nhị thập ngũ
Vận khái ngũ viên trường
Vận đảo dương hầu ách
Chấn đoài cương bất trường
Quần gian đạo danh tự
Bách tính khổ tại ương
Can qua tranh đấu khởi
Phạm địch thán hung hoang.

470. Ma vương sát đại quỉ
Hoàng thiên tru ma vương
Kiền khôn phú tái vô lường
Đào viên đình phát quần dương tranh hùng (40)

Cơ nhị ngũ thư hùng vị quyết
Đảo Hoàn Sơn tam liệt ngũ phân
Ta hồ vô phụ vô quân
Đào viên tán lạc ngô dân thủ hành.
Đoài phương phúc địa giáng linh
Cửu trùng thụy ứng long thành ngũ vân.

480. Phá điền thiên tử giáng trần
Dũng sĩ nhược hải mỵ thần như lâm.
Trần công nãi thị phúc tâm
Giang hồ xử sĩ Đào Tiềm xuất du
Tướng thần hệ xuất y chu
Thứ ky phục kiến Đường ngu thi thành
Hiệu xưng thiên hạ thái bình
487. Đông Tây vô sự Nam thành quốc gia .

Nguyễn Bình Khiêm

Sơn Trung chú thích:

Bản này là bản phổ biến nhất. Gốc là bản AB.444 tại viện Hán Nôm Hà Nội. BẢN ĐÔNG NAM Á, Saigon 1964 (1962?) cũng giống bản này chỉ khác vài chữ vì đánh máy sai hoặc đọc sai. Các bản khác cũng vậy. Thực ra, bản Mai Lĩnh phiên âm sai (sẽ nói rõ ở bản nôm Trình Quốc Công Ký trong thư viện của cụ nghệ Nguyễn Văn Bản do Sơn Trung sưu tập, phiên âm và chú giải sau đây).

Ngày xưa chữ nôm không đánh số La mã, bản Sở Cường và Mai Linh có đánh số , chứng tỏ bản này là tập hợp hai bản khác nhau, không biết cùng của Trọng Trình hay của ai. Bản Trình Quốc Công Ký tại nhà cụ Nghệ Bản là đoạn thứ hai.

Sơn Trung
sưu tập và chú thích.
Thủ đô Ottawa ngày 29-9-2010

BẢN III * HƯƠNG SƠN 1950?



SẤM TRẠNG TRÌNH

THIÊN PHÚC NGUYỄN PHÚC ẤM LỤC NHÂM BÁT SÁT ĐỘN THÁI ẤT

PHỤ THÊM

SẤM TRẠNG TRÌNH HƯƠNG SƠN-HÀ NỘI

70 trang

Hương Sơn tổng phát hành

6 Đại lộ Gia Long, Hà Nội.

Bản này gồm nhiều nhiều bài thơ, khởi đầu ghi là có ngạn rằng, có thơ rằng. Để tiện việc nghiên cứu, Sơn Trung xin đánh số các đoạn theo phân đoạn của nhà xuất bản.



I

Nước Nam thường có thánh tài (tr.48)
Sơn hà vững đặt mấy ai rõ ràng
Kia Nhị thủy nọ Đào sơn
Bãi ngọc đất nổi âu vàng trời cho
Học cách vật mới dò tới chốn
Chép ghi làm một bản xem chơi
Muôn việc cũng bởi tại trời
Suy thông mới biết sự đời nhường bao
Khéo chẳng sai tơ hào cũng vậy
Truyền hậu thế ai nấy xem cho
Những lời nghiêm ngặt khôn lo
Ai mà biết được trượng phu nên người.
Nay xem chữ một nghĩa mười
Nói xuôi cũng được ngược thời cũng nên
Kể từ Lạc Long Quân dựng nước
Sang Hùng Vương được 18 đời
Tiên Hoàng ngày trước mở ngôi
Cờ lau lập trận thay trời trị dân
Mão được 12 dư xuân (tr.49)
Lê Hoàn kế vị xa gần âu ca
Truyền đã được mười ba rằm lẻ
Đến Ngọa triều nào kể tài năng
(2) Ngôi trời truyền đến Lý nay
Long thành bát diệp đến ngày dực phân
Chiều Hoàng là ả nữ quân
(3) Mê về nhan sắc trào Trần thái tôn
.....
.....
Trăm bảy mươi in dấu thất niên
Đông A chốn ấy còn bền
Quý Ly tiếm thiết thay quyền đã cam
Thái ngu được mười bốn năm
Hậu thập nhị để lại trăm đố hời

Suy ra mới biết sự trời
Lam Sơn khởi nghĩa là đời Lê gia
Mười đời ngồi ngự ngai vàng
Lại phải Mạc thị thiêu tàn kinh su
Xưa làm lực sỹ đồ du
Trời cho nên trị làm vua một đời
Sáu mươi năm bắt tái hồi
Tống Sơn chốn ấy có đời thạch công
Định mưu phù lập Trang Tôn
Phù Lê diệt Mạc anh hùng ai đương
Lại bàn binh chính Sóc Sơn
Trịnh Vương toan chiếm ngai vàng Lê gia
Tây Sơn sừng sực kéo ra
Nghiệm xem thế tục gọi là hiệu chi ?



II

Lại có ngạn rằng:

(tr.50) Đầu cha chấp lấy đầu con
Mười bốn năm tròn hết số thì thôi.



III

Có thơ rằng:

Cha nhỏ đầu con lại nhỏ chân
Nào ai có biết nguy quân cầm quyền
Phụ nguyên chính thống hẳn hỏi
Yêu dê lại phải theo đòi đàn dê
Nợ nào ngang dọc trong huê
Mà cho thiên hạ khôn bề làm ăn
Chó mừng chủ, gà cũng cục tác
Lợn ăn no tha rác, chuột chơi.



IV

Ngạn lại có câu rằng:

Gà bỏ con kêu cục tác
Chó vấy đuôi mừng thánh chúa
Lợn ăn no ủn ỉn nằm
Mới kể là đời thịnh thế
Mà thiên hạ sao nỡ sẻ làm hai
Bởi Tần Vương u mê chẳng biết
Rồi phen này dề lại giết dề
Tới khi thực tận binh bì
Âm binh ở giữa ai thì biết sao!
Trời cho ta gươm dao giết quý
Khắp dưới trời bằng quý khur khur
Ai từng cứu con thơ sa giếng
Giốc một lòng chinh chiến đua nhau
Muôn dân chịu thuở âu sầu
Kể dư dôi ngũ mới hầu khoan cho
Chốn đông nam là nơi khổ ải
Lánh cho xa kẻ phải đao binh
Bắc kinh mới thực đế kinh,
Giấu thân chưa dễ dấu danh được nào
Vả mình là đấng anh hào
Đánh làm sao được ước ao đêm ngày
Bò men lên núi Vu Sơn
Thừa cơ mới nổi một cơn phục thù
Ấy những quân phụ thù thui thủi
Lòng trời xui ai lại biết đâu...



V

Có thơ rằng:

Dần Mão chư dương giai vị cập (tr. 51)
Lai chiêu lục thất xuất minh quân
Hồng Lam ngũ bách niên thiên hạ
Hưng tộ diện trường ức vạn xuân.



VI

Có thơ rằng:

Hầu đảo kê lai khởi chiến qua
Thùy tri thiên hạ chuyển như sa
Anh hùng mai thảo mã
Tướng suý tận tiêu ma
Phá điền thiên tử xuất
Tràng võ tảo sơn hà
Gà kia bên tường khuya sớm gáy
Chẳng yêu ra áy náy bất bình.



VII

Có thơ rằng:

Một đám mây xanh đứng giữa trời
Ba thằng nho nhỏ đánh nhau chơi
Thiên hạ mười phần còn có một
Bây giờ Bạch Sỷ mới ra đời
Thầy tăng mở nước trời không bảo.
Thấy vĩ tinh thì tháo cho mau
Chớ có tham của tham giàu
Tìm nơi tam hiểm mới hầu an thân (tr. 52)
Đằng giang chốn ấy cũng gần
Kim ngư chốn ấy cũng lần tới nơi.
VIII Thơ rằng: Ba thực riêng một góc trời
Thái Nguyên một giải là nơi trú đình
Bốn bề núi đá mọc xanh
Có đường tiểu mạch nương mình ai hay
Bốn mùa chim núi đá cây
Trời xanh cỏ biếc hoa bay ngạt ngào
Khuyên ai là đáng anh hào
Đợi chờ Nghiêu, Thuấn ngày nào sẽ hay
Bốn bụi xuất thế đã chầy
Chưa chọn được ngày ra cứu muôn dân.



IX

Thơ rằng:

Ấy là điềm xuất thánh quân
Hễ ai tìm thấy thì thân mới tường
Chữ rằng “Hữu xạ tự nhiên hương”
Có dễ tầm thường thuốc dẫu bán rao
Nắng lâu ắt có mưa rào
Vội chi tát nước xô xao cày bừa
Nắng rồi thì phải có mưa
Buồm đang đợi gió cày bừa đợi cơn
Tuần này thánh xuất khám phương
Sự thật đã tường chẳng lọ phải say
Tuần này thiên địa chuyển hồi
Thiên sâu địa thẳm lòng người chẳng yên
Trời sai quỷ sứ dọn đường
Để cho thánh xuất khám phương sau này
Vội chi đưa sức ra tay
Người vội cày bừa ta sẽ cấy chơi
Suy cho thấu biết sự đời
Sấm ký mấy lời sự thực chẳng ngoa.



X

Thơ rằng:

- 1- Tích nhất đương lang khởi bộ thuyền
- 2- Ưng tri hoàng thước tại thân biên (tr.53)
- 3- Tước bị lạm nhân cung đạn đã
- 4- Lạp nhân cách tự hổ lang huyền
- 5- Tuệ tinh xuất long xà
- 6- Thần xuất cứu cứu gia
- 7- Ngư mã thiên hạ động
- 8- Đinh hạ nãi Đông A.

Rời ra mới biết thánh minh
Mừng rằng gặp hội hiển vinh kêu hò
Nhị Hà một giải quanh co
Chính thức chốn ấy cố đô hoàng bào

Khấp hoà thiên hạ nghêu ngao
Có bến mưa rào có thú cùng chằng
Nói đến độ Thầy Tăng mở nước
Đánh quỷ sứ xuôi ngược đi đâu
Bấy lâu những cậ phép màu
Bây giờ phép ấy để đâu không hào ?
Cũng có kẻ non trèo biển lội
Lánh mình chơi vào quận Ngô Tề.



XI

Thơ rằng:

- 1- Di lặc giáng sinh
- 2- Sa phù dĩ chỉ
- 3- Lục thất dĩ thành
- 4- Kiến long sào kinh
- 5- Nhật xuất điện thượng (tr.54)
- 6- Thiên hạ thái bình



XII

Thơ rằng:

Giang Nam nổi trận mạt thù
Bảy mươi hai tướng phò vua ngắt trời
Phùng trời nay gặp thái lai
Can qua chiến trận để người phong công
Trẻ già được hết sự lòng
Ghi làm một bản nội phòng mở xem
Rước vua về đến Tràng An
Bao nhiêu nguy đảng loài gian diệt tàn
Đời ấy cùng thánh, cùng tiên
Sinh những người hiền giúp nước yên dân.
Này những lúc thánh nhân chưa ra đời
Chó còn nằm đầu khỉ cuối thu
Lợn nằm cũng thấy lợn lo
Thái bình mới động thập thò liềm sang
Ngang cung văn vũ khác thường
Chẳng yêu thì cũng bất tường chẳng không
Thủy binh cờ xí vùng hồng

Bộ binh rầm rập như ong kéo đàn
Đứng hiên ngang nào ai biết trước
Bắc kinh sang có việc gì chẳng?
Ai còn khoe trí khoe năng
Cấm kia bắt nọ tưng bừng đòi nơi
Chưa từng thấy nay đòi sự lạ
Bỗng khiến người vu vạ cho dân
Muốn bình sao chẳng lấy nhân
Muốn yên sao chẳng giục dân cày bừa
Đã ngu dại Hoàn Linh đời Hán
Đúc tiền ra bán tước cho dân
Xun xoe những cây thánh thần
Ai ngờ thiên địa xoay vần đã công
Ngẫm hoá công sẵn tay khôn ví
Xưa phục thù ai sửa ngôi cho (tr.55)
Mạc kia cũng muốn nên trò
Dấy binh hai Quảng cơ đồ ghê thay!
Kẻ thì tự xưng Lê nay
Tam phân rồi chẳng được gì cả ba.
Bốn phương cũng có can qua
Mạc thì chẳng được đã ra lại về
Quân hùng binh dấy giang khê
Kẻ khoe cứu nước, người khoe trị vì...



XIII

Thơ rằng:

- 1- Hầu đáo kê lai vị chính kỳ
 - 2- Quốc dân hãm nịch quốc dân di
 - 3- Nhà giãn dục dĩ chu nhi Tống
 - 4- Phong nghị tung hoàng thị mạc vi
- XIV Thơ rằng (1) Hạ huyền thượng đảo nhân vô thủ
(2) Tài tận dân hao thế lực suy
(3) Huyết chiến dê đầu nhân huyết chiến
(4) Kham tiểu không huyền tiêm thất kỵ
Xem thấy những sương sam tuyết lạnh
Loài bất bình tranh cạnh hung hăng
Thành ao cá nước tưng bừng
Kẻ xiêu Đông hải người tàn Bắc lâm

Chiến trường chốn chốn cát lằm
Kẻ nằm đầy đất người nằm đầy sông.
Sang thu chín huyết vùng hồng
Kẻ mong ngày hạ người mong mưa nhuần
Trẻ con mang lệnh tướng quân
Ngõ uy đã sợ ngõ nhân đã nhường
Dùng uy bát là đường ngũ bá (tr.56)
Cũng tưởng rằng đế tá dân hoan
Cỏ cây lá rụng đầy ngàn
Một làng còn mấy chim đàn bay ra
Bốn phương cùng có can qua
Làm sao còn biết có nhà Đà giang
Tả bạch hạc, Hữu thuỷ trường
Kiều môn án trước cao bành tựa sau
Thái nguyên cận bắc đường sau
Hể mà tìm thấy mới hầu thần cơ
Cùng nhau gặp mặt bây giờ
Trúc mong kỳ úc thung chờ non đông
Vui mừng gặp mặt tam công
Cá được hoá rồng trăm trăm ngôi cao
Mai kia cùng đấng anh hào
Ba người làm bạn ngôi cao lộc lành
Vậy nên một áng phong tình
Mới hay phú quý hiển vinh lạ lùng
Bỏ khi chém lợn vẽ rồng
Bỏ khi vay mượn điều cùng trượng phu
Bỏ khi kẻ viết người Hồ
Bỏ khi kẻ Sở người Ngô xa đường
Ngày thường trông thấy quyển vàng
Của riêng quốc bảo xé mang xem chơi.
Tinh thái ất giờ đời là thực
Sấm trời xem vô giá muôn phần
Kể từ đời Lạc Long Quân
Đắp đổi xoay vần đến lục thất gian
Một đời có một tôi ngoan
Giúp chưng nhà nước dân an thái bình
Thấy đâu bò đái thất thanh
Ấy điềm sinh thánh rành rành chẳng nghi
Phá điềm than đến đàn dê
Hể mà chuột rúc thì dê về chuồng
Dê đi dê lại tuôn buồn
Đàn ghi nó cũng một môn phù trì.



XV

Thơ rằng:

Ghê thay thau lẫn với vàng, (tr.57)

Vàng kia thử lửa càng cao giá vàng

Thánh ra tuyết tán mây tan

Bây giờ đuốc sáng rõ ràng mọi nơi

Can qua việc nước bời bời. Trên thuận lòng trời dưới đẹp lòng dân

Lục thất dư ngũ bách xuân

Bây giờ trời mới xoay vẫn nơi nao

Thấy sấm tự đấy chép vào

Một chút tơ hào chẳng dám sai ngoa.



XVI

Thơ rằng:

Quân hùng binh kéo đầy khe

Kẻ xưng cứu nước người khoe trị đời

Bấy giờ càng khốn ai ơi

Quý ma chật vật biết trời là đâu ?

Thương những kẻ ăn rau, ăn muối.

Gặp nước buông con cái ẩn đâu ?

Báo thù ấy chẳng sai đâu

Đạo trời chẳng trước thì sau chẳng nhằm

Kia những kẻ hai lòng sự chủ

Thấy đâu hơn thì phụ sở ân

Cho nên phải kiếp trầm luân

Ai khôn mới giữ được thân đời này

Nói cho hay khảm cung ong dậ

Chí anh hùng chiếm lấy mới ngoan

Chữ rằng lục thất nguyệt gian

Ai mà nghĩ được mới nên anh tài

Hễ nhân kiến là đời đất cũ

Thì phụ nguyên mới trở binh ra

Bốn phương chẳng động can qua

Quân hùng nổi dậy điều hoà làm tôi

Bấy giờ ruộng mở quy khô
Thần châu thu cả mọi nơi vẹn toàn.
Lại nói sự Hoàng giang sinh thánh
Hoàng phúc kia đã định tay phong
Lồng lộng thế giới rạng trong, (tr.58)
Lồ lộ mặt rồng đầu có chữ Vương
Giời sinh tài lạ khác thường
Thuấn Nghiêu là chí Cao Quang là tài
Xem ý trời có lòng khả thánh
Giốc sinh hiền điều đỉnh hộ mai
Trên trời thấy những vì sao lạ
Dùng ở tay phụ tá vương gia
Bắc phương chính khí sinh ra
Có ông Bạch Sỷ điều hoà hôm mai
Song thiên nhật tượng sáng soi
Thánh nhân chẳng biết thì coi cho tường
Đời này thánh kế vi vương
Thu cả đạo đức văn chương trong mình
Uy nghi trạng mạo khác thường
Thác cư một góc kim tinh phương đoài
Cùng nhau khuya sớm chăn nuôi
Chờ cơ sẻ mới ra đời cứu dân
Binh thư mấy quyển kinh luân
Thiên văn địa lý nhân luân càng màu.
Khắp đâu đâu anh hùng hẳn biết
Xem sắc mây vẽ rõ vẻ rồng
Thánh nhân cư có thủy cung
Quân thần đã định gìn lòng chớ tham
Lại dặn đừng tú man chi cả
Chớ vội vàng tất tả chạy rong
Học cho biết nhẽ cát hung
Biết phương hướng đúng, chớ đừng lầm chi
Hễ trời sinh xuống phải thì
Bất kỳ nhi ngô tưởng gì đợi mong
Kìa những kẻ vội lòng phú quý
Xem trong mình một tý đều không
Ví dù có gặp Ngư Ông
Lưới chăng đầu sẵn nên công mà hòng
Xin khuyên đứng trời trung quân tử
Lòng trung nghĩa hãy chứa cho tinh
Âm dương cơ ngẫu ngộ sinh
Thái âm, thái ất trong mình cho hay

Văn thi luyện nghiên bài quyết thắng (tr.59)

Học Tử Phòng cùng với Khổng Minh
Võ thông yên thuỷ thần kinh
Được vào chiến trận mới lành biết cơ
Chớ vật vờ quen loài ong kiến
Biết trao tay miệng tiếng nói không
Ngộ may gặp hội mây rồng
Công danh rục rở chếp trong vân đài
Bấy giờ phí sức chí tài
Lọ là đâu phải ngược xuôi nhọc mình
Vương lương thực có vĩ kinh
Cao tay mới biết ngẫm tình năm nao.
Trên trời có mấy vì sao
Đủ cả hiền tướng anh hào đôi nơi.
Nước Nam thường có thánh tài
Ai khôn học lấy hôm mai mới tương.
So mấy lẽ để tàng kim quỹ
Chờ sau này có chí mới cho.
Trước là biết nẻo tôn phù
Sau là cao trí biết lo mặc lòng
Xem đoài cung thiên thời bất tạo
Thấy vĩ tinh thì tháo cho mau
Chớ có tham tước, tham giàu
Tìm nơi tam hiểm mới hầu bảo thân.
Đôi phen ong dấy rầm rầm
Muông sinh ba góc kéo quân dấy loạn
Man mác một lĩnh Hoành sơn
Thừa cơ liền mới nổi cơn phục thù
Ấy là quân phục thù thai thái
Lòng trời xui ai lại biết chi
Phá điền đầu khỉ cuối thu
Tái binh mọi giống thập thò liền sang
Nọ chẳng thương trong nam khôn xiết
Vả lại thêm hung kiệt mất mùa
Lưu tinh hiện trước đôi thu
Bấy giờ thiên hạ mây mù đủ năm
Sang thu chín huyết hồng tứ giả
Nổi đàn dê tranh phá đòi nơi (tr.60)
Đua nhau quần thán đồ lê
Bấy giờ thiên hạ khôn bề tựa nương
Kẻ thì phải thừa hung hoang
Kẻ thì binh lửa chiến tràng chết oan.

Kẻ thì mắc phải hung tàn,
Kẻ thì bận của bổng toan khốn mình
Muông sinh giông tố cạnh tranh
Điều thì làm trước xuất binh thủ thành
Bời bời đua mạnh tranh hành
Ra đâu đánh đấy xuất binh sớm ngày
Bể thành cá phải ẩn cây
Đất bằng nổi sấm cát bay mịt mù
Nào ai đã dễ nhìn ru
Thủy chiến bộ chiến mặc dầu đòi cơn.
Cây bay lá cháy đôi ngàn
Một làng còn thấy chim đàn bay ra.
Bốn phương cùng có can qua,
Làm sao còn biết nơi hoà bảo thân
Đoài phương thật có chân nhân
Quần tiên dĩ nghĩa chẳng phân hại người.
Hễ đông nam nhiều phen tàn tặc
Lính cho xa kéo mắc đao binh
Bắc kinh mới thật đế kinh,
Giấu thân chưa dễ giấu danh được nào!
Chim hồng vỗ cánh bay cao
Tìm cho được chốn mới vào thần kinh.
Cấy cày tu dải thời mùa
Bây giờ cấy ruộng lo chờ mướn ai
Nhân ra cận duyệt viễn lai
Chẳng phiền binh nhọc chẳng phiền lương thêm.
Xem tượng trời biết đường đời trị
Ngẫm về sau họ lý xưa nên
Dòng nhà đã thấy dấu truyền
Ngẫm xem thế giới còn in đời đời
Thần quy có nó ở trời
Để làm thần khí sửa nơi trị trường.



XVII

DÂN BỊ KHỔ CHIẾN TRANH TRONG 10 NĂM

Lại nói sự Hoàng giang sinh thánh, (tr.61)

Sông Bảo giang thiên định ai hay ?

Lục thất cho biết ngày rày

(1) Phụ nguyên ấy thực ở đây (rày) Tào Khê

Có thầy nhân thập đi về
Tả hữu phủ trì cây cỏ là quân
Dốc hết sức sửa sang vương nghiệp
Giúp vạn dân cho đẹp lòng trời
Ra tay điều đình hộ mai
Bấy giờ mới biết rằng tài an dân
Nợ là phải nhọc kéo quân
Thấy nhân ai chẳng mến nhân tìm về



XVIII

Những bài sấm ngắn

Trời sinh thiên tử ở hỏa thôn
Một nhà họ Nguyễn phúc sinh tôn
Tiền sinh cha mẹ đà cách trở
Hậu sinh thiên tử bảo giang môn
Canh tân tàn phá
Tuất hợi phục sinh
Nhị ngũ dư bình.

Nhân sinh ngộ tuế vi sư
Tị nhân vị tướng
Thìn tuất vị tôn sư



XIX

Thơ rằng

- 1- Thánh nhân hương
- 2- Thuỷ chung tàng bảo cái
- 3- Thánh nhân chu xứ (tr.62)
- 4- Tử bích hoàn nhiểu, long hổ châu vào
- 5- Chỗ thánh nhân sinh ra
- 6- Cận bảo giang thuỷ
- 7- Thuỷ nhiểu chu toàn
- 8- Thánh nhân danh
- 9- Mộc hạ liên đình khẩu

- 10- Thánh nhân diện bộ đạo đức
- 11- Nghi quảng tầm chương trích cú
- 12- Thánh nhân dĩ hữu niên
- 13- Thủy năng thức đắc yên
- 14- Dẫn nhân bất chúc nhĩ
- 15- Nhập ba thực xuất thái nguyên
- 16- Thánh nhân sinh ư bách sĩ tự tối linh
- 17- Thử nhật thiên giáng ngũ sắc vân xích quang màn tự
- 18- Tự trung dị hương, tam nhật bất tán
- 19- Thầy tăng tu tại thử, dĩ vị thánh nhân thị
- 20- Toại chưởng dưỡng chi
- 21- Thánh mẫu diện xú như lam
- 22- Niên tam thập lục sinh thánh nhân (tr.63)
- 23- Hoài nhâm chi nhật
- 24- Tam nhật thực nhất lý ngư
- 25- Cư ư giang thượng
- 26- Quần ngư tranh dực
- 27- Mỗi trạch kỳ, mỗi tiểu chữ thực thực chi
- 28- Hậu thường tầm thực chi vu bạch sĩ.
29. Tự nhi sinh thánh nhân yên.
- 30- Nhược ấu thời, cư tại nam nhị thủy huyện
- 31- Cận gia quan thời cư ư Thái nguyên viên sơn
- 32- Thất thập nhị hiền diệc tại thử yên

DỊCH

- 1- Nơi sinh ra ông Thánh nhân
- 2- Trong làn nước biếc chứa tàn lọng quý
- 3- Chỗ trú ngụ của Thánh nhân
- 4- Long hổ bốn bên chầu cả vào
- 5- Nơi sinh ra Thánh nhân
- 6- Gần sông Bảo giang
- 7- Xung quanh đều có nước
- 8- Tên hiệu của Thánh nhân
- 9- Chữ mộc ở dưới chữ đình là quẻ ly
- 10- Ông thánh nhân diện mạo rất có đạo đức
- 11- Nên tìm rộng từng bài chọn từng câu
- 12- Thánh nhân sinh ra đã lâu năm
- 13- Ai đã dễ biết được
- 14- Vì người ta chẳng biết vậy
- 15- Vào Ba Thực, ra Thái Nguyên
- 16- Thánh nhân sinh ở chùa Bạch sĩ rất thiêng
- 17- Ngày ấy sinh ra ông thánh nhân trời có năm sắc mây

- 18- Đổ sáng khắp cả chùa
- 19- Chùa trong có mùi thơm ba ngày không hết
- 20- Lúc bấy giờ có ông sư tu cho điềm lạ có thánh nhân.
- 21- Sư bản tự nuôi lớn cho đến trưởng thành
- 22- Mẹ ông thánh nhân mặt xấu như đổ chàm
- 23- Bà mẹ 36 tuổi sinh ông thánh nhân
- 24- Tính từ ngày có thai
- 25- Trong ba ngày lại ăn một con cá chép
- 26- Trú ở bên sông
- 27- Lũ cá tranh nhau nhảy vào
- 28- Chọn xem con nào bé thì nấu ăn
- 29- Sau thường đi kiếm ăn quanh chùa Bạch Sĩ
- 30- Rồi sinh ra ông thánh nhân
- 31- Lúc nhỏ sinh ở Nam nhị thủy huyện
- 32- Lúc lớn ở Thái Nguyên núi Viên Sơn.



XX

Thơ vận niên bằng tên các súc vật

Non đoài vắng vẻ bấy nhiêu lâu
Có một đàn xà đánh lộn nhau
Vượn nọ leo cành cho hả dạ
Lợn kia làm quá phải xoay đầu
Chuột nọ lăm le mong cắn tổ
Ngựa kia đủng đỉnh chạy về tàu
Hùm ở trên rừng gầm mới dậy
Tìm về chốn cũ bắt vào tàu
Lợn nằm cũng thấy tên thù
Đại binh đã động phục thù nghênh ngang
Thánh chúa đang ở hang vàng
Khi nào chuột bắc cầu sang mới về.



XXI

Cửu cửu kiên khôn dĩ định
Thanh minh thời tiết hoa tân
Trực đáo dương đầu mã vĩ
Hồ binh bát vận nhập Tràng An (tr.64)



XXII

Thực vị lai tại thực vi lai
Nam môn vị toả, bắc môn khai
Phong suy ngọc điện lai lai vãng
Nghĩ tỵ kim thành khứ khứ hồi
Bách tính âu ca thiên vũ dạ
Cửu châu hoa thảo mã (?) liên đôi
Thử hồi nhị ngũ thiên chu tống
Hảo bá sơn đầu tửu nhất bôi.



XXIII

Thiên địa tuần hoàn âm phục dương
Tứ phương binh khởi tứ phương cường
Tây dương cảnh giới tây dương chủ
Nam quốc sơn hà, nam quốc vương
Lý đỉnh tương huyền, hiềm đỉnh trọng
Mạc thành dục chúc, khủng thành trường
Hoành sơn lộc tấu nhân dân cộng
Thái lĩnh long phi thực cảm đương

XXIV

Có thơ rằng

- 1- Long vĩ xà đầu khởi chiến tranh (tr.65)
- 2- Can qua xứ xứ khởi đao binh
- 3- Mã đầu dương cước anh hùng tận
- 4- Thân dậu niên lai kiến thái bình .

XXV

Thơ rằng

- 1- Bảo giang thiên tử xuất
- 2- Bất chiến tự nhiên thành

- 3- Lê dân đào bảo noãn
- 4- Tứ hải lạc âu ca
- 5- Dục thức thánh nhân hương
- 6- Quá kiều cư bắc phương
- 7- Danh vị Nguyễn gia tử
8. Kim tịch sinh Ngư lang
- 9- Bắc hữu kim thành tráng
- 10- Nam tạc ngọc bích thành
- 11- Hoả thôn đa khuyến phệ
- 12- Mục giã dục nhân canh
- 13- Phú quý hồng trần mộng
- 14- Bần cùng bạch phát sinh
- 15- Anh hùng vương kiếm kích
- 16- Minh cổ đồ thái bình .

XXVI

Thơ rằng:

- 1- Việt Nam hữu Ngư tinh
- 2- Quá thất thân thuỷ sinh
- 3- Địa giới sĩ vị bạch
- 4- Thuỷ trầm nhĩ bất kinh
- 5- Kỵ mã khu dương tẩu
- 6- Phù kê thắng đại minh
- 7- Trư thử giai phong khởi
- 8- Thìn mảo xuất thái bình
- 9- Thuỷ trung tàng bảo cái
- 10- Hứa cập thánh nhân hương
- 11- Mộc hạ trâm trâm khẩu
- 12- Danh thế xuất nan lường
- 13- Danh vị Nguyễn gia tử
- 14- Tinh bản tại ngư lang
- 15- Mạ dữ liên viên dưỡng
- 16- Khởi nguyệt hộ đại giang
- 17- Hoặc kiều tam lộng ngạn
- 18- Hoặc ngụ kim lăng cương
- 19- Thiên dữ thần thực thuy
- 20- Thuy trình ngũ sắc vân
- 21- Kim kê khai lực diệp
- 22- Hoàng cái xuất quý phương
- 23- Nhân nghĩa thuy vi địch
- 24- Đạo đức thực dữ đương

- 25- Tô truyền nhi thập ngũ
- 26- Vận khải ngũ duyên trường
- 27- Vận đáu dương hầu cách
- 28- Chấn đoài cương bất chấn
- 29- Quần gian đạo danh tự
- 30- Bách tính khổ tai ương
- 31- Can qua tranh đấu khởi
- 32- Phạm địch thán hung hăng
- 33- Ma vương sát đại quý
- 34- Hoàng thiên chu ma vương
- 35- Kiến khôn phú tải khôn lường
- 36- Đào viên đỉnh phú quần dương tranh hùng
- 37- Cơ nhị ngũ thư hùng vị quyết
- 38- Nẻo Hoàn sơn tam liệt ngũ phân
- 39- Ta hồ vô chủ vô quân
- 40- Đào viên tan tác ngô dân thủ thành
- 41- Đoài phương phúc địa giáng linh
- 42- Cửu trùng thuy ứng long thành ngũ vân
- 43- Phá điền thiên tử giáng trần
- 44- Dũng sỹ như hai mưu thần nhược lâm
- 45- Trần công nãi thị phúc tâm
- 46- Đào Tiềm, xử sỹ giang hồ xuất du
- 47- Tướng thần hệ xuất y chu
- 48- Chư cơ phục kiến, đường ngu thị thành
- 49- Hiệu xứng thiên hạ thái bình
- 50- Đông tây vô sự nam thành quốc gia
- 51- Phân phân đông bắc khởi
- 52- Nhiều nhiều xuất đông kinh
- 53- Bảo giang thiên tử xuất
- 54- Bất chiến tự nhiên thành
- Tên treo ba mối phục thù (tr.68)
- 55- Khen thay Khắc Dụng bày trò cho con
Ngọn cờ nhô nhấp đầu non
- 56- Thạch thành mèo lại bon bon chạy về.

Dặm trường lai lảng máu dê
Con quay ngã trắng ba que cuộc tàn
Trời nam giờ lại đế vương
Thần nhân không phải là phùng thầy tăng
Đồng giao đã có câu rằng
57- Non xanh mà mọc trắng răng mấy kỳ
Bấy giờ quét sạch thử ly

Xin ai nhớ lấy sấm ghi kẻ lầm
Đương khi sấm chớp âm âm
Chẳng qua khó số để găm trị bình
Thất phu giám chống thư sinh
Sông ô chấp cả mấy anh thuỷ hoàng
Nực cười những lũ bàng quan
59- Cờ tàn lại muốn toan đường đấm xe
Thôi thôi mặc lũ thằng hề
Gió mây ta lại đi về gió mây

BẢN IV * ANH PHƯƠNG 1960?



SẨM TRẠNG TRÌNH
Hoàng Xuân sưu tập
Anh Phương Saigon, 1960?
tr.29-58

SẨM TRẠNG TRÌNH
THỜI TẬP CỦA VIÊN LINH,
SAIGON, 1973

CẨM ĐỀ

1. Thanh nhàn vô sự là tiên,
Năm hồ phong nguyệt ruổi thuyền buông chơi.
Cơ tạo hóa,
Phép đổi dời,
Đầu non mây khói tỏa,
Mặt nước cánh buồm trôi.
Hương Tần mặc kệ ai xua đuổi,
Lầu Hán trắng lên ngấm mệnh trời.
Tuổi già thua kém bạn,
Văn chương gửi lại đời.
Dở hay nên tự lòng người cả,
Bút nghiên soi hoa chép mấy lời.

Bí truyền cho con cháu,
14. Dành hậu thế xem chơi.

SĂM KÝ

1. Nước Nam từ họ Hồng Bàng,
Biển dâu cuộc thế, giang sơn đổi vắn.
Tự Đinh, Lê, Lý, Trần thưở trước.
Đã bao lần ngôi nước đổi thay,
Núi sông thiên định đặt bày,
Đồ thư một quyển xem nay mới rành.

Hòa đao mộc lạc,
Thập bát tử thành,
Đông A nhật xuất,
10. Dị mộc tái sinh.
Chấn **cung** xuất nhật,
Đoài cung vẫn tinh.
Phụ nguyên chì thống,
Đế phé vi đình.
15. Thập niên dư chiến,
Thiên hạ cửu bình.

Lời thần trước đã ứng **linh**,
Hậu lai phải đoán cho mình mới tường.
Hòa đao mộc hồi dương sống lại,
20. Bắc Nam thời thế đại nhiều nhưương.
Hà thời biện lại vi vương, (1)
Thử thời Bắc tận Nam trường xuất bôn.
Lê tồn Trịnh tại,
Trịnh bại Lê vong.
25. Bao giờ ngựa đá sang sông,
Thì dân Vĩnh Lại Quận Công cả làng. (2)
Hà thời thạch mã độ giang,
Thử thời Vĩnh Lại nghênh ngang công hầu.
Chim bằng cất cánh về đâu ?
30. Chết tại trên đầu hai chữ Quận Công (3)
Bao giờ trúc mọc qua sông, (4)
Mặt trời sẽ lại đỏ hồng non Tây.
Đoài cung một sớm đổi thay,
Chấn cung sao cũng sa ngay chẳng còn.
35. Đầu cha lộn xuống thân con, (5)
Mười bốn năm tròn hết số thì thôi.

Phụ nguyên chính thống hẳn hoi, (6)
Tin dê lại phải mắc mồi đàn dê.
Dục lòng chinh chích u mê,
40.Thập trên tứ dưới nhất đề chữ tâm.(7)
Đề loài bạch quỷ Nam xâm,
Làm cho trăm họ khổ trầm lưu ly.
Ngai vàng gặp buổi **khuyh nguy**.
Gia đình một ở ba đi dần dần.
45.Cho hay những gã công hầu,
Giàu sang biết gởi nơi đâu chuyến này.
Kìa kìa gió thổi lá rung cây, (8)
Rung Bắc rung Nam Đông tới Tây.
Tan tác Kiến kiều An đất nước.
50.Xác xơ Cổ thụ sạch Am mây.
Lâm giang nổi sóng mù Thao cát,
Hưng địa tràn dâng Hóa nước đầy.
Một ngựa một yên ai sùng bái ?
Nhấn con nhà Vĩnh bảo cho hay.

55.Tiền ma bạc quỷ trao tay,
Đồ, Môn, Nghệ, Thái dầy đầy can qua.(9)
Giữa năm hai bảy mươi ba,
Lửa đâu mà đốt tám gà trên mây. (10)
Rồng nằm bể cạn để ai hay,
60.Rắn mới hai đầu khó chịu thay.

Ngựa đã gác yên không người cỡi,
Dê khôn ăn lộc ngoảnh về Tây.
Khỉ nọ ôm con ngồi khóc máu,
Gà kia vỗ cánh trập trùng bay,
65.Chó nọ vẫy đuôi mừng thánh chúa
Ăn no ủn ỉn lợn kêu ngày.
Nói cho hay khảm cung ong dậy,
Chí anh hào biết đấy mới ngoan,
Chữ rằng lục thất nguyệt gian,
70.Ai mà giữ được mới nên anh tài.
Ra tay điều đình hộ mai,
Bấy giờ mới rõ là người an dân
Lọ là phải nhọc kéo quân,
Thấy nhân ai chẳng mến nhân tìm về.
75.Phá điền than đến đàn dê,
Hễ mà chuột rúc thì dê về chuồng,
Dê đi dê lại tuần luôn.
Đàn đi nó cũng một môn phù trì.

Thương những kẻ nam nhi chí cả,
80.Chớ vội sang tấp tả chạy rong,
Học cho biết chữ cát hung,
Biết phương hướng đứng chớ đừng làm chi.
Hễ trời sinh xuống phải thì,
Bất kỳ nhi ngộ tưởng gì đợi mong.
85.Kìa những kẻ vội lòng phú quý,
Xem trong mình một tí đều không.
Ví dù có gặp ngư ông,
Lưới giăng đâu dễ nên công mà hồng.
Khuyên những đáng thời trung quân tử,
90.Lòng trung nghi nên giữ cho mình.
Âm dương cơ ngẫu hộ sinh,
Thái âm, thái ách mình cho hay..
Chớ vật vờ quen loài ong kiến,
Hư vô bàn miệng tiếng nói không.

95." Ô hô thế sự tự bình bằng,(11)
Nam Bắc hà thời thiết lộ thông.
Hồ ẩn sơn trung mao tận bạch,
Kinh cư hải ngoại huyết lưu hồng.
Kê minh ngọc thụ thiên khuynh Bắc,
100.Ngưu xuất Lam điền nhật chính Đông.
Nhược đãi ưng lai sư tử thượng,
Tứ phương thiên hạ thái bình phong "

Ngõ may gặp hội mây rồng,
Công danh rạng rỡ chép trong vân đài
105.Nước Nam thường có thánh tài,
Sơn hà vững đặt ai hay tỏ tường ?
So mấy lẽ để tàng kim quĩ,
Kể sau này ngu bỉ được coi,
Đôi phen đất lở cát bồi,
110.Đó đây ong kiến dậy trời quĩ ma.
Ba con đổi lấy một cha,
Làm cho thiên hạ xót xa vì tiền.
Mão, Thìn, Tý, Ngọ bắt yên,
Đợi tam tứ ngũ lai niên cũng gần.

115.Hoành sơn nhất đái,(12)
Vạn đại dung thân.
Đến thời thiên hạ vô quân,
Làm vua chẳng dễ, làm dân chẳng lành
Gà kêu cho khỉ dậy nhanh,

120. Phụ nguyên số đã rành rành cáo chung.

Thiên sinh hữu nhất anh hùng,
Cứu dân độ thế trừ hung diệt tà.
Thái Nguyên cận Bắc đường xa,
Ai mà tìm thấy mới là thần minh.
125. Uy nghi dung mạo khác hình,
Thác cư một góc kim tinh phương Đoài.
Cùng nhau khuya sớm chăn nuôi,
Chờ cơ mới sẽ ra đời cứu dân.
Bình thư mấy quyển kinh luân,

130. Thiên văn, địa lý, nhân dân phép màu.

Xem ý trời ngõ hầu khai thánh,
Dốc sinh ra điều đình hộ mai.
Song thiên nhật nguyệt sáng soi,
Thánh nhân chẳng biết thì coi cho tường,
135. Thông minh kim cổ khác thường,
Thuần Nghiêu là trí, Cao Quang là tài.
Đấng hiền ngang nào ai biết trước,
Tài thao lược yêm bác vũ văn.
Ai còn khoe trí khoe năng,

140. Cấm kia bắt nợ hung hăng với người,

Chưa từng thấy nay đời sự lạ,
Chốc lại mỏng gá vạ cho dân.
Muốn bình sao chẳng lấy nhân,
Muốn yên sao lại bắt dân ghê mình.
145. Đã ngu dại Hoàn, Linh đời Hán,
Lại đua nhau quần thần đồ lê.
Chức này quyền nợ say mê,
Làm cho thiên hạ khôn bề tựa nương.
Kẻ thì phải thờ hung hoang,

150. Kẻ thì bận của bổng toan khốn mình.

Cửu cửu cần khôn dĩ định,
Thanh minh thời tiết hoa tàn.
Trực đáo dương đầu mã vĩ,
Hồ binh bát vạn nhập Trường An.
155. Nực cười những kẻ bàng quan,
Cờ tan lại muốn toan đường chống xe.
Lại còn áo mũ xum xoe,
Còn ra xe ngựa màu mè khoe khoang.
Ghê thay thau lẫn với vàng,

160. Vàng kia thử lửa càng cao giá vàng.

Thành ra tuyết tán mây tan,
Bấy giờ mới sáng rõ ràng nơi nơi.

Can qua việc nước tới bờ,
Trên thuận ý trời, dưới đẹp lòng dân.
165. Oai phong khắp quĩ kinh thần,
Nhân nghĩa xa gần bách tính ngợi ca.
Rừng xanh núi đỏ bao la,
Đông tàn Tây bại sang gà mới yên.
Sửu, Dàn thiên hạ đảo điên,
170. Ngày nay thiên số vận niên rành rành.
Long vĩ xà đầu khởi chiến tranh,
Can qua xứ xứ khổ đao binh.
Mã đề dương cước anh hùng tận,
Thân Đậu niên lai kiến thái bình.
175. Sự đời tính đã phân minh,
Thanh nhàn mới kể chuyện mình trước sau :
Đầu thu gà gáy xôn xao,
Mặt trăng xua sáng tỏ vào Thăng Long.
Chó kêu ầm ỉ mùa Đông,
180. Cha con Nguyễn lại bé bỏng nhau đi.
Lợn kêu tình thế lâm nguy.
Quỹ dương chết giữa đường đi trên trời..
Chuột sa chĩnh gạo nằm chơi,
Trâu cày gốc lại chào đời bước ra.
185. Hùm gầm khắp nẻo gần xa.
Mèo kêu rợn tiếng quĩ ma tới bờ,
Rồng bay năm vẻ sáng ngời,
Rắn qua sứa soạn hết đời sa tăng,
Ngựa lồng quĩ mới nhả răng,
190. Cha con dòng họ thầy tăng hết thời.
Chín con rồng lợn khắp nơi,
Nhện giăng lưới gạch đại thời mắc mưu.
Lời truyền để lại bấy nhiêu,
Phượng Đoài giặc đã đến chiều bại vong.
195. Hậu sinh thuộc lấy làm lòng,
Đến khi ngộ biến đường trong giữ mình.
Đầu can võ tướng ra binh,
Ất là trăm họ thái bình âu ca.
Thần Kinh Thái Ất suy ra,
200. Để giành con cháu đem ra nghiệm bàn.
Ngày thường xem thấy quyển vàng,
Cửa thiên bảo ngọc để tàng xem chơi.
Bờ Thái Ất thấy lạ đời,
Ấy thườ sấm trời vô giá thập phân.
205. Kể từ đời Lạc Long Quân,

Đáp đổi xoay vần đến lục thất gian.
Mỗi đời có một tội ngoan,
Giúp chung nhà nước dân an thái bình.
Phú quý hồng trần mộng,
210. Bần cùng bạch phát sinh.
Hoa thôn đa khuyến phệ,
Mục giả giục nhân canh.

Bác hữu Kim thành tráng.
Nam hữu Ngọc bích thành,
215. Phân phân từng bách khởi,
Nhiều nhiều xuất Đông chinh,
Bảo giang thiên tử xuất,
Bất chiến tự nhiên thành.
Rồi đây mới biết thánh minh,
220. Mừng đời được lúc hiển vinh reo hò.
Nhị hà một dải quanh co,
Chính thực chốn ấy để đô hoàng bào.
Khắp hòa thiên hạ nao nao.
Cá gặp mưa rào có thích cùng chãng ?
225. Nói đến độ thầy tặng ra mở nước,
Đám quý kia xuôi ngược đến đâu ?
Bấy lâu những cậy phép màu,
Bây giờ phép ấy để lâu không hào..

Cũng có kẻ non trèo biển lội,
230. Lánh mình vào ở nội Ngô, Tề.
Có thầy Nhân Thập đi về,
Tả hữu phù trì, cây cỏ thành binh.
Những người phụ giúp thánh minh.
Quân tiên xướng nghĩa chẳng tàn hại ai.

235. Phùng thời nay hội thái lai,
Can qua chiến trận để người thường công.
Trẻ già được biết sự lòng,
Ghi làm một bản để hồng dờ xem.
Đời này những thánh cùng tiên,
240. Sinh những người hiền trị nước an dân.
Này những lúc thánh nhân chưa lại,
Chớ còn nằm đầu khải cuối thu.
Khuyên ai sớm biết khuông phù,
Giúp cho thiên hạ Đường, Ngu ngỗ hầu
245. Cơ tạo hóa phép màu khôn tỏ,
Cuộc tàn rồi mới rõ thấp cao.

Thấy sấm từ đây chép vào,



248. Một mảy tơ hào chẳng dám sai ngoa.

SƠN

TRUNG

sưu tập, hiệu đính và chú thích,

Bài này được truyền tụng nhiều, là bản A của trường Viễn Đông Bác cổ nay là Thư Viện Khoa Học Xã Hội Hà Nội. Tôi chưa xem bản chữ nôm cho nên không rõ bản này có từ đời nào và so với bản quốc ngữ có khác nhau không. Và bản quốc có do ai bịa ra đoạn nào. Tại Sài Gòn có bản in của Hoàng Xuân sưu tập, Anh Phương xuất bản trong khoảng 1960, và Thời Tập. Không biết trước đó có bản quốc ngữ nào không?

Từ câu 1 đến 16 là nói tổng quát, sau đó là nói rõ từng thời kỳ. Bắt đầu nói về nhà hậu Lê của Lê Lợi. Đời Lê mạt, chiến tranh liên miên.

(1). Biện lại vì vương: Nguyễn Nhạc làm biện lại: Nhà Tây Sơn nổi lên, chiến tranh liên miên.

(2). *Lê tồn Trịnh tại,*

Trịnh bại Lê vong.

..Bao giờ ngựa đá sang sông,

Thì dân Vĩnh Lại Quận Công cả làng.

Hà thời thạch mã độ giang,

Thử thời Vĩnh Lại nghênh ngang công hầu.

Trịnh Khải bị Tây Sơn giết, họ Trịnh mất thì nhà Lê cũng mất theo. Khi Trịnh Khải xuất biên, qua làng Vĩnh Lại, kêu gọi cần vương, những ai giúp công giúp của đều được ban quận công cho nên cả làng Vĩnh Lại được phong quận công.

(3). *Chim bằng cất cánh về đâu ?*

30. Chết tại trên đầu hai chữ Quận Công .

Nói việc Bằng Quận công Nguyễn Hữu Chỉnh bị giết.

(4). *Bao giờ trúc mọc qua sông,*

Mặt trời sẽ lại đỏ hồng non Tây.

Chưa rõ là gì.

(5). *.Đầu cha lộn xuống thân con,*

Mười bốn năm tròn hết số thì thôi.

Nói về nhà Tây Sơn vì vua Quang Trung , chữ Quang có ba nét trên đầu 光 nhưng đến con là Cảnh Thịnh, chữ Cảnh 景 có ba nét giống đầu chữ Quang mà lại nằm dưới. Nhà Tây Sơn tồn tại trong 14 năm kể từ 1788 là năm Nguyễn Huệ lên ngôi hoàng đế đến năm 1802 nhà Tây Sơn bị diệt vong, Nguyễn Ánh lên ngôi. Nếu kể từ năm tân mao (1771), Tây Sơn khởi nghĩa cho đến

1801 thì 31 năm.

(6). *Phụ nguyên chính thống hẳn hoi,
Tin dè lại phải mắc mồi đàn dè.*

Nguyễn Ánh tin vào Pháp (người Tây dương, dương là bễ, dương cũng đồng âm với dương là dè , dè chỉ người Pháp) cho nên sau mất nước vào tay Pháp.

(7). *Dục lòng chinh chích u mê,
Thập trên tứ dưới nhất đề chữ tâm.
Để loài bạch quỷ Nam xâm,
Làm cho trăm họ khổ trăm lưu ly.
Ngai vàng gặp buổi khuynh nguy.
Gia đình một ở ba đi dần dần.*

Nói vua Tự Đức 嗣德 (thập trên tứ dưới nhất đề chữ tâm là chữ 德 chỉ vua Tự Đức) và sau đó Dục tông (Dục Đức 育德) để cho Pháp (bạch quỷ) xâm chiếm Việt Nam. Sự thật thì ta yếu địch mạnh phải thua mặc dù vua quan đã hết sức chiến đấu. *Gia đình một ở ba đi dần dần* là nói việc sau khi vua Tự Đức băng, ba vị vua nối tiếp bị phế và bị giết là Dục Đức, Hiệp Hòa, và Kiến Phúc . Vua Hàm Nghi lên ngôi sau chống Pháp bị đày.

(8). Câu 47-54

*Kìa kìa gió thổi lá rung cây,
Rung Bắc rung Nam Đông tới Tây.*

.....

*Một ngựa một yên ai sùng bái ?
Nhấn con nhà Vĩnh bảo cho hay.*

Nói việc Nguyễn Thái Học khởi nghĩa và VNQĐ bị tàn sát.

(9). *Tiền ma bạch quỷ trao tay,
Đò, Môn, Nghệ, Thái dầy đầy can qua..*

Cộng sản nổi dậy năm 1930 tại Nghệ An (Sô Viết Nghệ Tĩnh)

(10). *Giữa năm hai bảy mươi ba,
Lửa đầu mà đốt tám gà trên mây.*

Đầu năm 1934, âm lịch có hai tháng bảy thành ra có 13 tháng, Toàn quyền Pasquier (Bát Kê :Tám Gà) bị cháy máy bay mà chết.

(11). *" Ô hô thế sự tự bình bồng,
Nam Bắc hà thời thiết lộ thông.
Hồ ẩn sơn trung mao tận bạch,
Kinh cư hải ngoại huyết lưu hồng.
Kê minh ngọc thụ thiên khuynh Bắc,
Ngưu xuất Lam điền nhật chính Đông.
Nhược đãi ưng lai sư tử thượng,*

Tứ phương thiên hạ thái bình phong .

Bao giờ đường sắt được thông thương?

Sau 1945, cộng sản phá cầu đường, thiết lộ bị phá hủy. Sau 1954, miền Nam khôi phục xe lửa trong Nam. Mãi đến sau 1975, đường sắt mới thông suốt.

Lúc này thì Hồ Chí Minh (1890 – 1969) đã chết mà Mao Trạch Đông (1893 – 1976) cũng không còn (*Hồ ẩn sơn trung mao tận bạch*).Lúc này cũng xảy ra cuộc hải chiến ở Trường Sa, Hoàng Sa giữa quân Trung Cộng và VNCH (*Kinh cư hải ngoại huyết lưu hồng*). Hoặc sắp tới có hải chiến tại biển Đông? Và Mỹ Trung Cộng sẽ đánh nhau (Ừng lai sư tử thượng: Ừng là Mỹ, Sư tử: Trung Quốc), lúc đó Việt Nam và thế giới mới hòa bình.

Nhược đãi ưng lai sư tử thượng,

Tứ phương thiên hạ thái bình phong .

(12).*Hoành sơn nhất đái,*

Vạn đại dung thân.

Đến thời thiên hạ vô quân,

Làm vua chẳng dễ, làm dân chẳng lành

Gà kêu cho khí dậy nhanh,

Phụ nguyên số đã rành rành cáo chung.

Hoành sơn nhất đái nói về họ Nguyễn xưng vương xưng đế nhưng đến thời cộng sản (vô quân) thì họ Nguyễn cáo chung. Thật vậy, năm ất dậu (1945), vua Bảo Đại thoái vị.

BẢN V * TRỊNH VĂN THANH 1966



CẢM Ồ

Nguyễn Bình Khiêm

1- Thanh nhàn vô sự là tiên
Năm hồ phong nguyệt rủ thuyền buồng chơi
Cơ tạo hoá
Phép đổi dời
Đầu non mây khói tỏa
Mặt nước cánh buồm trôi
Hươu Tần mặc kệ ai xua đuổi
Lầu Hán trắng lên ngẫm mệnh trời
Tuổi già thua kém bạn
Văn chương gửi lại đời
Dở hay nên tự lòng người cả
Nghiên bút soi hoa chép mấy lời
Bí truyền cho con cháu
Dành hậu thế xem chơi.

SẤM KÝ

15- Nước Nam từ họ Hồng Bàng
Biển dâu cuộc thế, giang sơn đổi dời
Từ Đinh, Lê, Lý, Trần thưở trước
Đã bao lần ngời nước đổi thay
Núi sông thiên định đặt bày
Đồ thư một quyển xem nay mới rành

21- Hoà đao mộc lạc,
Thập bát tử thành.
Đông A xuất nhập

Dị mộc tái sinh.

25- Chấn **cung** xuất nhật
Đoài cung vẫn tinh.
Phụ nguyên trì thống,
Phế đế vi đình.

29- Thập niên dư chiến,
Thiên hạ cứu bình.
Lời thần trước đã ứng linh,
Hậu lai phải đoán cho minh mới tường.

33- Hoà đao mộc hồi dương sống lại
Bắc Nam thời thế đại nhiều nhương.
Hà thời biện lại vi vương,
Thử thời Bắc tạn Nam trường xuất bôn.

37- Lê tồn, Trịnh tại,
Lê bại, Trịnh vong.
Bao giờ ngựa đá sang sông,
Thì dân Vĩnh Lại quận công cả làng.
Hà thời thạch mã độ giang.
Thử thời Vĩnh Lại nghênh ngang công hầu.

43- Chim bằng cất cánh về đâu?
Chết tại trên đầu hai chữ quận công.
Bao giờ trúc mọc qua sông,
Mặt trời sẽ lại đỏ hồng non Tây.

47- Đoài cung một sớm đổi thay,
Chấn cung sao cũng **sa ngay** chẳng còn.
Đầu cha lộn xuống chân con,
Mười bốn năm tròn hết số thời thôi.

51- Phụ nguyên chính thống hẳn hoi,
Tin dê lại phải mắc mồi đàn dê.
Dục lòng chim chích u mê,
Thập trên tứ dưới nhất đề chữ tâm.

55- Để loại quý bạch Nam xâm,
Làm cho trăm họ khổ trăm lưu ly
Ngai vàng gặp buổi **khuyh nguy**

Gia đình một ở ba đi dần dần.
Cho hay những gã công hầu,
Giàu sang biết gửi nơi đâu chuyến này.

61- Kìa kìa gió thổi lá rung cây
Rung Bắc, rung Nam, Đông tới Tây
Tan tác kiến kiều an đất nước
Xác xơ cổ thụ sạch am mây.

65- Lâm giang nổi sóng mù thao cát,
Hưng địa tràn dâng hóa nước đầy.
Một ngựa một yên ai sùng bái?
Nhấn con nhà vĩnh bảo cho hay.

69- Tiền ma bạc quý trao tay
Đồ, Môn, Nghệ, Thái đầy đầy can qua,
Giữa năm hai bảy mươi ba,
Lửa đâu mà đốt tám gà trên mây.

73- Ròng nằm bể cạn dễ ai hay,
Rắn mới hai đầu khó chịu thay,
Ngựa đã gác yên không người cưỡi
Dê không ăn lộc ngoảnh về Tây.

77- Khí nọ ôm con ngồi khóc mếu
Gà kia vỗ cánh chập chùng bay
Chó nọ vẫy đuôi mừng thánh chúa
Ăn no ủ ỉn lợn kêu ngày.

81- Nói cho hay khám cung ong dậy,
Chí anh hùng biết đấy mới ngoan.
Chữ rằng lục, thất nguyệt gian
Ai mà giữ được mới nên anh tài.

85- Ra tay điều độ hộ mai
Bấy giờ mới rõ là người an dân
Lộ là phải nhọc kéo quân,
Thấy nhân ai chẳng mến nhân tìm về.

89- Phá điền than đến đàn dê
Hễ mà chuột rúc thì dê về chuồng
Dê đi dê lại tuần luôn

Đàn đi nó cũng một môn phù trì

93- Thương những kẻ nam nhi chí cả
Chớ vội sang tất tả chạy rong
Học cho biết chữ cát hung
Biết phương hướng đứng chớ đừng lầm chi
Hễ trời sinh xuống phải thì
Bất kỳ nhi ngộ tưởng gì đợi mong.

99- Kìa những kẻ vội lòng phú quý
Xem trong mình một tí đều không
Ví dù có gặp ngư ông
Lưới dăng đâu dễ nên công mà hòng.

103- Khuyên những đấng thời trung quân tử
Lòng trung nghi nên giữ cho mình
Âm dương cơ ngẫu hộ sinh
Thái Nhâm, Thái Ất trong mình cho hay.
Chớ vật vờ quen loài ong kiến
Hư vô bàn miệng tiếng nói không.

109- Ô hô thế sự tự bình bằng
Nam Bắc hà thời thiết lộ thông
Hồ ẩn sơn trung mao tận bạch
Kình ngư hải ngoại huyết lưu hồng.

113- Kê minh ngọc thụ thiên khuy nh bắc
Ngư xuất lam điền nhật chính đông
Nhược đãi ưng lai sư tử thượng
Tứ phương thiên hạ thái bình phong.

117- Ngỡ may gặp hội mây rồng
Công danh rạng rỡ chép trong vân đài
Nước Nam thường có thánh tài
Sơn hà đặt vững ai hay tỏ tường?

121- So mấy lẽ để tàng kim quỹ
Kể sau này ngu bỉ được coi
Đôi phen đất lở, cát bồi
Đó đây ong kiến, dậy trời quỷ ma

125- Ba con đổi lấy một cha
Làm cho thiên hạ xót xa vì tiền

Mão Thìn Tí Ngọ bất yên
Đợi tam tứ ngũ lai niên cùng gần.

129- Hoàn Sơn nhất đá
Vạn đại dung thân
Đến thời thiên hạ vô quân
Làm vua chẳng dễ, làm dân chẳng lành.

133- Gà kêu cho khỉ dậy nhanh
Phụ nguyên số đã rành rành cáo chung
Thiên sinh hữu nhất anh hùng
Cứu dân độ thế trừ hung diệt tà.

137- Thái Nguyên cận Bắc đường xa
Ai mà tìm thấy mới là thần minh
Uy nghi dung mạo khác hình
Thác cư một góc kim tinh non đoài

141- Cùng nhau khuya sớm chăn nuôi
Chờ cơ mới sẽ ra đời cứu dân
Binh thư mấy quyển kinh luân
Thiên văn địa lý, nhân dân phép màu

145- Xem ý trời ngõ hầu khai thánh
Dốc sinh ra điều đỉnh hộ mai
Song thiên nhật nguyệt sáng soi
Thánh nhân chẳng biết thì coi như tường

149- Thông minh kim cổ khác thường
Thuấn Nghiêu là trí, Cao Quang là tài
Đấng hiên ngang nào ai biết trước
Tài lược thao uyên bác vũ văn
Ai còn khoe trí khoe năng
Cấm kia bắt nọ hung hăng với người.

155- Chưa từng thấy nay đời sự lạ
Chốc lại mòng gá vạ cho dân
Muốn bình sao chẳng lấy nhân
Muốn yên sao lại bắt dân ghê mình?

159- Đã ngu dại Hoàn, Linh đời Hán
Lại đua nhau quần thán đồ lê

Chức này quyền nọ say mê
Làm cho thiên hạ khôn bề tựa nương
Kẻ thì phải thuở hung hoang
Kẻ thì bận của bổng toan, khổn mình

165- Cửu cửu càn khôn dĩ định
Thanh minh thời tiết hoa tàn
Trực đáo dương đầu mã vĩ
Hồ binh bát vạn nhập Trùng An

169- Nực cười những kẻ bàng quang
Cờ tam lại muốn toan đường chống xe
Lại còn áo mũ xun xoe
Còn ra xe ngựa màu mè khoe khoang.

173- Ghê thay thau lẫn với vàng
Vàng kia thử lửa càng cao giá vàng
Thánh ra tuyết tán mây tan
Bây giờ mới sáng rõ ràng nơi nơi.

177- Can qua, việc nước bời bời
Trên thuận ý trời, dưới đẹp lòng dân
Oai phong khắp quĩ kinh thần
Nhân nghĩa xa gần bách tính ngợi ca

181- Rừng xanh, núi đỏ bao la
Đông tàn, Tây bại sang gà mới yên
Sửu Dần thiên hạ đảo điên
Ngày nay thiên số vận niên rành rành.

185- Long vĩ xà đầu khởi chiến tranh
Can qua xứ xứ khổ đao binh
Mã đề dương cước anh hùng tận
Thân dậu niên lai kiến thái bình

189- Sự đời tính đã phân minh
Thanh nhàn mới kể chuyện mình trước sau
Đầu thu gà gáy xôn xao
Mặt trăng xưa sáng tỏ vào Thăng Long.

193- Chó kêu ầm ỉ mùa đông
Cha con Nguyễn lại bế bồng nhau đi

Lợn kêu tình thế lâm nguy
Quý vương chết giữa đường đi trên gò

197- Chuột sa chĩnh gạo nằm chơi
Trâu cày ngốc lại chào đời bước ra
Hùm gầm khắp nẻo gần xa
Mèo kêu rợn tiếng, quỷ ma tươi bời.

201- Rồng bay năm vẻ sáng ngời
Rắn qua sửa soạn hết đời sa tăng
Ngựa hồng quý mới nhả răng
Cha con dòng họ thầy tăng hết thời

205- Chín con rồng lợn khắp nơi
Nhện giăng lưới gạch đại thời mắc mưa
Lời truyền để lại bấy nhiêu
Phượng đoài giặc đã đến chiều bại vong
Hậu sinh thuộc lấy làm lòng
Đến khi ngộ biến đường trong giữ mình.

211- Đầu can Võ tướng ra binh
Ất là trăm họ thái bình âu ca
Thần Kinh Thái Ất suy ra
Để dành con cháu đem ra nghiệm bàn

215- Ngày thường xem thấy quyển vàng
Của riêng bảo ngọc để tàng xem chơi
Bởi Thái Ất thấy lạ đời
Ấy thuở sấm trời vô giá thập phân

219- Kể từ đời Lạc Long Quân
Đắp đổi xoay vần đến lục thất gian
Mỗi đời có một tôi ngoan
Giúp chung nhà nước dân an thái bình

223- Phú quý hồng trần mộng
Bần cùng bạch phát sinh
Hoa thôn đa khuyến phệ
Mục giã giục nhân canh
Bắc hữu Kim thành tráng
Nam hữu Ngọc bích thành
Phân phân từng bách khởi
Nhiều nhiều xuất đồng chinh

Bảo giang thiên tử xuất
Bất chiến tự nhiên thành

233- Rồi ra mới biết thánh minh
Mừng đời được lúc hiển vinh reo hò
Nhị Hà một dải quanh co
Chính thực chốn ấy đế đô hoàng bào
Khắp hoà thiên hạ nao nao
Cá gặp mưa rào có thích cùng chăng?

239- Nói đến độ thầy tăng mở nước
Đám quý kia xuôi ngược đến đâu
Bấy lâu những cậy phép màu
Bây giờ phép ấy để lâu không hào

243- Cũng có kẻ non trèo biển lội
Lánh mình vào ở nội Ngô Tề
Có thầy Nhân Thập đi về
Tả hữu phù trì, cây cỏ thành binh

247- Những người phụ giúp thánh minh
Quân tiên xướng nghĩa chẳng tàn hại ai
Phùng thời nay hội thái lai
Can qua chiến trận để người thưởng công

251- Trẻ già được biết sự lòng
Ghi làm một bản để hòng giữ xem
Đời này những thánh cùng tiên
Sinh những người hiền trị nước an dân

255- Này những lúc thánh nhân chưa lại
Chớ còn nằm đầu khải cuối thu
Khuyên ai sớm biết khuông phù
Giúp cho thiên hạ Đường, Ngu ngổ hầu.

259- Cơ tạo hoá phép màu khôn tỏ,
Cuộc tàn rồi mới tỏ thấp cao.
Thấy sấm từ đây chép vào
Một mảy tơ hào chẳng dám sai ngoa.

Trịnh Văn Thanh. Thành ngữ, điển tích, danh nhân từ điển” (tập 2) - Sài Gòn – 1966

BẢN VI * MINH ĐIỀN 1948



SẨM TRẠNG TRÌNH

**Cư Sĩ Minh Điền
Xuất Bản tại Saigon năm Mậu Tí 1948.**



LỜI NÓI ĐẦU

Vì sao có quyển sách này ra đời ? - Không dám vọng ngữ , quyển sách này cần phải ra đời vì nó quý báu bằng tất cả kho tàng của một nước Đại Việt và hơn nữa, đã đến giai đoạn cần thiết của thời cuộc hiện tại mà lời sách đã ghi đúng đắn từng li từng tí mỗi một cuộc biến cố xảy ra trong nước.

Bắt đầu từ Cổ Am bị tàn phá cho đến ngày lịch sử cách mạng tháng 8, kể đến giai đoạn Hoàng Đế Bảo Đại về nước, mỗi mỗi đều nhốt tất cả trong 487 câu thơ mà Đức Trọng Nguyễn Bình Khiêm, với một bầu tâm sự đầy nhiệt huyết nhả ngọc phun châu cho vạn cổ anh hùng suy nghiệm.

Hỡi các chí sĩ anh hùng trong thiên hạ ! Chớ nên quá ư căn cứ vào khoa học mà chê những truyện sấm giảng là **hoang** đường, vì có những sấm giảng và sấm giảng. Hoang đường là lời nói vu vơ, ảo mộng không biết bao giờ xuất hiện như lời đã nói. Còn quyển sấm này viết từ 400 năm nay mà mỗi mỗi đều ứng nghiệm ngoài đời thực tế cho đến những cái tên riêng của những người chủ trương trong mấy phong trào quá khứ, hiện tại và vị lai cũng đều ứng nghiệm ghi rõ .

Nó là môn khoa học huyền bí vì Trạng chuyên môn lý số nhờ ở bộ " Thái Ất Thần Kinh " mà ghi chép ra chứ nó đâu phải ngất ngưỡng như bóng với đồng. Nếu không phải khoa học, sao cụ lại được tặng câu " Annam lý học hữu học Trình truyền " của Tàu là một nước bao giờ cũng tự hào rằng mình cao hơn hết về khoa lý số.

TỰU TRUNG :

Cũng vì lòng từ bi, bác ái mà đức Trạng có quyển sấm này ra cốt để cho các vị trượng phu anh hùng xem lấy mà tránh cái nạn cốt nhục tương tàn.

Cũng vì lòng yêu nước thiết tha mà Đức Trạng có quyển sấm này ra là cốt để **cho trong** tôn giáo, ngoài xã hội xem lấy biết nẻo tôn phò " lòng trung nghi ai nhớ **cho tinh** " và cũng vì lòng hiếu kỳ mà soạn giả khởi đọc quyển sấm này hồi 1930 sau cuộc biến động Cổ Am do Quốc Học Tùng San xuất bản. Soạn giả cũng không nệ hà tài hèn hiển cho bạn đọc những đoạn dịch chánh bản và phụ trương mong rằng thích đúng trong muôn một.

Viết ở Sài-Thành mùa đông năm Mậu Tí 1948.
Cư Sĩ MINH ĐIỀN



PHẦN THỨ NHẤT

Dục thức thánh nhân xứ
Đa xuất ứng Bảo giang
Dục thức thánh nhân hương
Thủy lam bảo trung tàng
Dục thức thánh nhân tính
Mộc hạ liên đình khẩu
Dục thức thánh nhân diện
Tu tầm trương cú kiến
Giang nam nhị thủy huyện
Tại sơn vô hổ lang
Thất thập nhị hiền tướng
Phụ tá thánh quân vương

Phá điền thiên tử xuất
Bất chiến tự nhiên thành.

.....

.....

Tự tâm dục thức thánh nhân diện
Lưỡng biên bàn ngạt tùy nhất khối
Thủ túc chánh vương tam lương tự.



PHẦN THỨ HAI

Cuộc đời ai dễ biết đâu
Yêu tinh gian trá bóp hầu thần tiên
Quan làng ý thế ý quyền
Dân khôn giả dại mới yên phận mình
Mặc ai chia rẽ thị khinh
Việc làng việc nước làm thình chớ bàn
Ta tin ta mới đặng an
Luận bàn bè bạn chỉ đàng cho nhau
Việc người thì mặc người âu
Nghiêng tai giả điếc lác đầu làm ngơ
Muốn yên môn lặng như tờ
Luận bàn việc nước thì khô xác hình
Bởi đời quốc thể bù nhìn
Quan làng tàn bạo sanh linh tơi bời
Lương dân than khổ đòi nơi
Quốc hồn mờ ám hỏi ôi thế quyền
Nước nhà nghiêng ngửa ngửa nghiêng
Tham quan hại nước lợi riêng cho mình
Biết chi là ám với mình
Sớm ư trưa ghét dân tình đời ni
Kim tiền quyền thế tương tri
Không quyền không thế người khi ngu đần
Chớ hà hiếp nhớ siêng cần
Đến nơi Tiên Phật Thánh Thần mới an
Nghèo nàn bỗng chốc giàu sang
Đưa ngu đội bạc ra đường dại khôn

Bởi đời toàn lũ vô hồn
Khinh khi nhân nghĩa trọng tôn bạc tiền
Dốt ngu đội lốt Thánh Hiền
Mở miệng thì rặc đồ điên một dòng
Chừng nào cây sắt trở bông
Đường đen như mực Lạc Hồng tai phi
Trung thần ái quốc dễ khi
Phản thần mãi quốc nên ghi để đời
Thức thời quốc sử bỏ rơi
Ngay không nhằm lúc dĩ hơi hại mình
Vô quân vô tướng vô binh
Trung không cùng chúa cúng kính ích gì
Chừng nào lú mọc trên chì
Voi đi trên giấy đến kỳ Đông Chu
Trí thời giả điếc giả ngu
Khôn thời giả dại mà tu lấy mình
Cầm quyền toàn lũ yêu tinh
Quan nhiều Mãng Tháo cùng sinh hại đời
Mua quan bán tước lấy lời
Hại dân hại nước coi trời như không
Bì trung cốt nịnh rặc rông
Kết phe kết đảng giết giòng phải nguy
Nòi da xáo thịt ngộ thay
Miễn mình béo bở mặc ai ốm gầy
Cáo kia mượn thể hại cầy
Mẹ cha ưa nịnh ghét bầy con ngu
Động tâm Thượng Đế dạy ru
Xuống nhiều tai họa xuân thu sửa lần
Gió sầu mưa thảm cõi trần
Thiên luân địa chấn quân thần nó xem
Canh tân sục nức mùi hèm
Mâm quý bằng lạng ngoại binh đem vào
Giáp thời thấy rõ binh đao
Ất niên chiến họa xâm vào tràn lan
Thiên tai chiến sự đa đoan
Quốc gia nghiêng ngựa tham quan hại đời
Phản thần bán nước khi trời
Gọi rằng trung trực hỏi ôi thế quyền

Nhứt hữu liên sơn nhứt hữu bình
Tam giang khí địa nhụ giang kinh
Tu châu tai lạc thế châu khổ
Ngu lại hườn chung khổ hại mình

Xác dân xung tận cung đình
Thiên oai chấn nỗ luật hình ban ra
Mười phần mất bảy còn ba
Mất hai còn một mới ra thái bình
Trục kia chọi với đồng minh
Hai sông khô cạn nhứt tinh tổ ngại
Ra oai đánh dẹp mọi nơi
Năm châu bốn bể thầy phôi chập chùng
Mùa xuân gió bắc lạnh lùng
Cua kinh trở gọng về cùng lũ dê
Cuộc đời như thể trò hề
Nực cười lũ chó còn mê lợi quyền
Sinh ương khó nướng xào chiên
Quốc gia nghiêng ngửa đảo điên bốn bề
Ra đi thì khó nổi về
Xe kia hết bánh thả rề sông trôi
Chừng nào Chợ Lớn hết với
Bề Đông cá đặt cuộc đời lao đao
Lò rèn thiếu thép rèn dao
Hết đồng đúc đỉnh hết thau bán nồi
Chợ đen vốn một lời mười
Gạo châu củi quế lời người than van
Vải bô giá sánh bằng vàng
Kẻ đói người rách lan tràn chợ quê



Tiết trời đánh đổ bông huê
Nhân dân phải chịu thảm thê họa sâu
Theo Âu nên phải lo âu
Mấy ai hiểu nghĩa Bá Di-Thúc Tề
Khỉ đàn vừa gặp lũ dê
Bắc trung phải chịu thảm thê họa đầu
Đại bàng xung phá đài lầu
Ngạc ngư phóng toát thuyền cầu tan hoang
Rồi Nam cũng chịu lầm than
Phương đông ba tỉnh phải mang họa sâu
Trở trên cảnh sắp nhiệm mầu
Phồn hoa đô hội thảm sâu đớn đau
Cuộc đời gấm thiết cơ cầu

Trung thua quyền nịnh tiên hầu quỷ ma
Khỉ đàn gặp cặp mãng xà
Trăng tròn thiếu một thì ta xuống hầm
Yêu đương cũng phải lạc lầm
Sáu nơi khói lửa sấm gấm Sài môn
Nghèo nàn không có quách chôn
Gian tham quyền thế biết khôn lánh rồi
Nhưng mà họa có đâu thôi
Bồng con bé cái nổi trôi đầy đàng
Đến hồi quốc vận lâm nàn
Chi tiêu ăn mặc cường quan độc quyền
Càng ngày càng đảo càng điên
Dân ta như thể đàn chiên đánh vòn
Ô hô giống khéo giống khôn
Vay thời phải trả xác hồn lia xa
Thịt rơi xương nát máu sa
Thầy tăng chẳng chịu ở nhà phù tang

Sưu cao thuế nặng ta mang
Đàng xa mới biết xa đàng nặng cân
Thân dậu lánh việc nương thân
Miên thành Sài trấn đến gần bờ tây
Khỉ bày bị một gà khi
Cuộc đời như vậy tham chi mà bòn
Gà mừng gặp lúa túc con
Miễn con no dạ mắt còn kẻ chi
Cái năm chiến họa loạn ly
Mưa to gió họa hại gì tham quan
Nhơn dân khốn khổ đa đoan
Mọi điều khốn khổ lại càng bằng hai
Tu hành hiền hậu chết hoài
Sai ngoa gian trá sống dai chặt đàng
Cơ trời định vậy chớ than
Tương vong yêu nghiệt hành tàng đầy ư !
Đầu xuân gà gáy hăm tư
Thầy tăng đến hạn họa trư tuyệt kỳ

Thiên cơ máy tạo huyền vi
Tuần hườn máy tạo ai thì có hay
Nực cười cho lũ vô tài

Tôi tôi chúa chúa hôm mai Sở Tần
Xuân phân cho đến thu phân
Quốc gia điên đảo thần dân rối nhiễu
Buồn buồn tủi tủi vui vui
Tiếng thì để tiếng muốn lui lắm lần
Rồi đây bày tỏ trung can
Trời cho Tiên Phật xuống trần trị yêu
Văn minh cơ khí đủ điều
Cọp đồng gấu sắt phi phiêu thủy hành
Phong luân họa giáng lôi oanh
Kết phe lập đảng tranh giành thế ni
Năm châu nổi sóng một khi
Chuồn bay khói tỏa tử thi như bèo
Mưa dầu nắng lửa sấm reo
Hai loài xâu xé họa gieo dân lành
Đảng dân đại bại tan tành
Cầu cùng đảng Cộng ra tranh chiến cùng
Tu binh mãi mãi chiêu hùng
Núp lưng đảng cộng trung hưng nước nhà
Rồi sau sanh sự bất hòa
Lại cùng đảng cộng can qua chiến trường
Non cao bể cả đôi đường
Phân ranh biên giới tổ tường mới an
....

Đảng dân đại bại tan tành
Cầu cùng đảng Cộng ra tranh chiến cùng
Tu binh mãi mãi chiêu hùng
Núp lưng đảng cộng trung hưng nước nhà
Rồi sau sanh sự bất hòa
Lại cùng đảng cộng can qua chiến trường
Non cao bể cả đôi đường
Phân ranh biên giới tổ tường mới an

Vàng hồng rọi khắp bốn phang
Tây phang cuốn gió tìm đàng đào vong
Bập bồng Tần quốc bập bồng
Là nơi chiến địa huyết hồng tràn lan
Hải hồ rửa máu nghĩ an
Tiền Âu hậu Á Thiên Hoàng định thu

Thân gà dạ khí đầy chừ
Thì là ngọn lửa mới thu dịu làn
Kỳ phang thay đổi cuộc trần
Chó kia gặp chủ nó cần sửa tru
Quân minh dân sự ôn nhu
Heo kia thông thả ngao du đầy đàn
Chuột mừng gặp cảnh bình an
Trâu kia thông thả nghênh ngang đồn điền
Cọp rày làm chúa lâm điền

CHÓ kia GẶP CHỦ nó cần sửa tru
UÂN MINH dân sự ôn nhu
HEO kia THÔNG THẢ ngao du đầy đàn
CHUỘT mừng gặp cảnh BÌNH AN
TRÂU kia THÔNG THẢ nghênh ngang đồn điền
CỌP rày LÀM CHÚA lâm điền
QUÂN THẦN CỘNG LẠC MIÊN MIÊN CỨU TRƯỜNG.

TRẦN CÔNG nãi thị phúc tâm
GIANG HỒ SỬ SĨ đào tiềm XUẤT DU
Tướng thần hệ xuất Y CHU
Thứ ky PHỤC KIẾN ĐƯỜNG NGU thi thành
Hiệu xưng THIÊN HẠ THÁI BÌNH
487.ĐÔNG TÂY VÔ SỰ NAM THÀNH QUỐC GIA.

Thiên cơ máy tạo huyền vi
Tuần hườn máy tạo ai thì có hay
Nực cười cho lũ vô tài
Tôi tôi chúa chúa hôm mai Sở Tần
Xuân phân cho đến thu phân
Quốc gia điên đảo thần dân rối nuôi

...



KHẢO DỊ

Ngày nay bản Minh Điền có khác vài điểm .

1. Một độc giả cho biết phần I và II của bản này là ở phần Phụ trương của Minh Điền.

Phần I .

Dục thức Thánh nhân xứ

Đa xuất ứng Bảo Giang,

Phần 2:

Cuộc đời ai dễ biết dâu,

Yêu tinh gian trá bóp hầu thần tiên,

Quan làng ý thế ý quyền,

Dân khôn giả dại mới yên phận mình,

Mặc ai chia rẽ thị khinh,

Việc làng việc nước làm thình chớ bàn,

Ta tinh ta mới dựng an,

Luận bạn bè bạn chỉ đàng cho nhau,

Việc người thì mặc người âu,

Nghiêng tai giả điếc lác đầu làm ngơ

Muốn yên mồm lặng như tờ,

Luận bàn việc nước thì khô xác hình . . .

Ông bạn cũng cho biết bản Minh Điền cũng tam sao thất bản, tôi không rõ là do chép tay hoặc in đi in lại mà ra thế!

Các bản đều có câu kết giống nhau:

Hiệu xưng THIÊN HẠ THÁI BÌNH

ĐÔNG TÂY VÔ SỰ NAM THÀNH QUỐC GIA.

Theo Phạm Đăng Quế, bản Minh Điền có 487 câu, chỉ có 22 câu giống bản Mai Lĩnh từ câu 374 đến 431, còn lại là khác hoàn toàn. Ông đã trích 50 câu đầu và 30 câu cuối của Mai Lĩnh thì thấy 80 câu này hai bản giống nhau. Tôi chỉ có bản sao của Minh Điền nhưng không có bản chính nên không rõ sự thực như thế nào.



BẢN NÔM NGUYỄN VĂN SÂM * SƠN TRUNG PHIÊN ÂM



古庵先生識歌文

CỔ AM TIÊN SINH SẨM CA VĂN



SẨM TRẠNG TRÌNH

Sơn Trung phiên âm và chú thích



1. Nước Nam thường có thánh tài
- Sơn hà vững đặt mấy ai rõ ràng
- Kìa Nhị thủy nọ Đảo sơn
- Bãi ngọc đất nổi âu vàng trời cho
5. Học cách vật mới dò tới chốn
- Chép ghi làm một bản xem chơi
- Muôn việc cũng bởi tại trời
- Suy thông mới biết sự đời như lòng bao
- Khéo chẳng sai tơ hào cũng vậy
10. Truyền hậu thế ai nấy xem cho

Những lời nghiêm ngặt khôn lo
Ai mà biết được trượng phu nên người.
Nay xem chữ một nghĩa mười
Nói xuôi cũng được ngược thời cũng nên
15. Kể từ Lạc Long Quân dựng nước
Sang Hùng Vương được 18 đời
Tiên Hoàng ngày trước mở ngôi
Cờ lau lập trận thay trời trị dân
Mão được 12 dư xuân
20. Lê Hành (1) kể vị xa gần âu ca.

Truyền đã được mười ba năm lẻ
Đến Ngọa triều nào kể tài năng
Ngôi trời truyền đến Lý nay
Long thành bát diệp đến ngày dực phân
25. Chiều Hoàng là ả nữ quân
Mê về nhan sắc trao Trần thái tôn
Mười hai đời một lòng nhân hậu.(2)
Trăm bảy mươi in dấu thất niên
Đông A chốn ấy còn bền
30. Quý Ly tiếm thiết thay quyền đã cam.

Thái ngu được mười bốn năm
Hậu thập nhị để lại trăm đố hồi
Suy ra mới biết sự trời
Lam Sơn khởi nghĩa là đời Lê gia
35. Mười đời ngồi ngự ngai vàng
Lại phải Mạc thị thiêu tàn kinh sư.
Xưa làm lực sỹ đồ du
Trời cho nên trị làm vua một đời.
Sáu mươi năm bắt tái hồi
40. Tống Sơn chốn ấy có đời Thạch công (3)

Định mưu phù lập Trang Tôn
Phù Lê diệt Mạc anh hùng ai đương
Lại bàn binh chính Sóc Sơn
Trịnh Vương toan chiếm ngai vàng Lê gia
Tây Sơn sùng sục kéo ra
46. Nghiệm xem thế tục gọi là phương ngôn. (4)



Phần sau đây là các bài thơ, người chú giải xin đánh số để tiện khảo cứu

Bài thơ số I

Thơ rằng:

Lê tồn Trịnh tại, Lê bại Trịnh vong.
Đầu cha chấp lấy đầu con
Mười bốn năm tròn hết số thì thôi.
Kẻ sau này ngu Trịnh được lâu

Bài thơ số II

Lại có thơ rằng:

Cha nhỏ đầu con lại nhỏ chân
Nào ai có biết nguy quân cầm quyền
Phụ nguyên chính thống hẳn hoi
Yêu dê lại phải theo đòi đàn dê
Nọ nào ngang dọc trong (5) huê
Mà cho thiên hạ khôn bề làm ăn
Chó mừng chủ, gà cũng cục tác
Lợn ăn no tha rác, chuột chơi.



Bài thơ số III

Ngạn lại có câu rằng:

Gà bỏ con kêu cục tác
Chó vẫy đuôi mừng thánh chúa
Lợn ăn no ủn ỉn nằm
Mới kể là đời thịnh thế
Mà thiên hạ sao nở sẻ làm hai
Bờ Tàn Vương u mê chẳng biết
Rồi phen này dê lại giết dê
Tới khi thực tận binh bì
Âm binh ở giữa ai thì biết sao!
Trời cho ta giờ dao giết quỷ
Khắp dưới trời bằng quỷ khư khư
Ai từng cứu con thơ sa giếng
Giốc một lòng chinh chiến đua nhau
Muôn dân chịu thưở âu sầu
Kẻ dư dôi ngũ mới hầu khoan cho
Chốn đông nam là nơi khổ ải
Lánh cho xa kéo phải đao binh
Bắc kinh mới thực đế kinh,

Giấu thân chưa dễ dấu danh được nào
Vả mình là đáng anh hào
Đánh làm sao được ước ao đêm ngày
Bò men lên núi Vu Sơn
Thừa cơ mới nổi một cơn phục thù
Ấy những quân phụ thù thui thủi
Lòng trời xui ai lại biết đâu...



Bài thơ số IV

Có thơ rằng:

Dần Mão chur dương giai vị cập
Lai chiêu lục thất xuất minh quân
Hồng Lam ngũ bách niên thiên hạ
Hưng tộ diện trường ức vạn xuân.



Bài thơ số V

Có thơ rằng:

Hầu đảo kê lai khởi chiến qua
Thùy tri thiên hạ chuyển như sa
Anh hùng mai thảo mã
Tướng suý tận tiêu ma
Phá điền thiên tử xuất
Tràng võ tảo sơn hà
Gà kia bên tường khuya sớm gáy
Chẳng yêu ra áy náy bất bình.



Bài thơ số VI

Có thơ rằng:

Một đám mây xanh đứng giữa trời
Ba thằng nho nhỏ đánh nhau chơi
Thiên hạ mười phần còn có một
Bây giờ Bạch Sỷ mới ra đời
Thầy tặng mở nước trời không bảo.
Thấy vĩ tinh thì tháo cho mau

Chớ có tham của tham giàu
Tìm nơi tam hiểm mới hầu an thân
Đằng giang chốn ấy cũng gần
Kim ngưu chốn ấy cũng lần tới nơi.



Bài thơ số VII

Thơ rằng: Ba thực riêng một góc trời
Thái Nguyên một giải là nơi trú đỉnh
Bốn bề núi đá mọc xanh
Có đường tiểu mạch nương mình ai hay
Bốn mùa chim núi đá cây
Trời xanh cỏ biếc hoa bay ngạt ngào
Khuyên ai là đáng anh hào
Đợi chờ Nghiêu, Thuấn ngày nào sẽ hay
Bốn bụi xuất thế đã chầy
Chưa chọn được ngày ra cứu muôn dân.



Bài thơ số VIII

Thơ rằng:

Ấy là điềm xuất thánh quân
Hễ ai tìm thấy thì thân mới tưng
Chữ rằng “Hữu xạ tự nhiên hương”
Có dễ tầm thường thuốc dẫu bán rao
Nắng lâu ắt có mưa rào
Vội chi tát nước xôn xao cày bừa
Nắng rồi thì phải có mưa
Buồm đang đợi gió cày bừa đợi cơn
Tuần này thánh xuất khám phương
Sự thật đã tường chẳng lọ phải say
Tuần này thiên địa chuyển hồi
Thiên sàu địa thăm lòng người chẳng yên
Trời sai quỷ sứ dọn đường
Để cho thánh xuất khám phương sau này
Vội chi đưa sức ra tay
Người vội cày bừa ta sẽ cấy chơi
Suy cho thấu biết sự đời

Sấm ký mấy lời sự thực chẳng ngoa.



Bài thơ số IX

Thơ rằng:

- 1- Tích nhất đương lang khởi bộ thuyền
- 2- Ứng tri hoàng thước tại thân biên
- 3- Tước bị lạm nhân cung đạn đả
- 4- Lạp nhân cách tự hổ lang huyền
- 5- Tuệ tinh xuất long xà
- 6- Thần xuất cứu cứu gia
- 7- Ngưu mã thiên hạ động
- 8- Đinh hạ nãi Đông A.

Rồi ra mới biết thánh minh
Mừng rằng gặp hội hiển vinh kêu hò
Nhị Hà một giải quanh co
Chính thức chốn ấy cố đô hoàng bào
Khấp hoà thiên hạ nghêu ngao
Có bến mưa rào có thú cùng chằng
Nói đến độ Thầy Tăng mở nước
Đánh quỷ sứ xuôi ngược đi đâu
Bấy lâu những cậy phép mầu
Bây giờ phép ấy để đâu không hào ?
Cũng có kẻ non trèo biển lội
Lánh mình chơi vào quận Ngô Tề.



Bài thơ số X

Thơ rằng:

- 1- Di lạc giảng sinh
- 2- Sa phù dĩ chỉ
- 3- Lục thất dĩ thành
- 4- Kiến long sào kinh
- 5- Nhật xuất điện thượng
- 6- Thiên hạ thái bình



Bài thơ số XI

Thơ rằng:

Giang Nam nổi trận mạt thù
Bảy mươi hai tướng phò vua ngắt trời
Phùng trời nay gặp thái lai
Can qua chiến trận để người phong công
Trẻ già được hết sự lòng
Ghi làm một bản nội phòng mở xem
Rước vua về đến Tràng An
Bao nhiêu nguy đảng loài gian diệt tàn
Đời ấy cùng thánh, cùng tiên
Sinh những người hiền giúp nước yên dân.
Này những lúc thánh nhân chưa ra đời
Chó còn nằm đầu khỉ cuối thu
Lợn nằm cũng thấy lợn lo
Thái bình mới động thập thò liền sang
Ngang cung văn vũ khác thường
Chẳng yêu thì cũng bắt tường chẳng không
Thủy binh cờ xí vừng hồng
Bộ binh rầm rập như ong kéo đàn
Đứng hiền ngang nào ai biết trước
Bắc kinh sang có việc gì chẳng?
Ai còn khoe trí khoe năng
Cấm kia bắt nọ tượng bưng đòi nơi
Chưa từng thấy nay đời sự lạ
Bỗng khiến người vu vạ cho dân
Muốn bình sao chẳng lấy nhân
Muốn yên sao chẳng giục dân cày bừa
Đã ngu dại Hoàn Linh đời Hán
Đúc tiền ra bán tước cho dân
Xun xoe những cây thánh thần
Ai ngờ thiên địa xoay vần đã công
Ngẫm hoá công sẵn tay khôn ví
Xưa phục thù ai sửa ngôi cho
Mạc kia cũng muốn nên trò
Dấy binh hai Quảng cơ đồ ghê thay!
Kẻ thì tự xưng Lê nay
Tam phân rồi chẳng được gì cả ba.
Bốn phương cũng có can qua
Mạc thì chẳng được đã ra lại về
Quân hùng binh dấy giang khê
Kẻ khoe cứu nước, người khoe trị vì...



Bài thơ số XII

Thơ rằng:

- 1- Hầu đáo kê lai vị chính kỳ
- 2- Quốc dân hãm nịch quốc dân di
- 3- Nhân giãn dục dĩ chu nhi Tống
- 4- Phong nghị tung hoàng thị mạc vi

Bài thơ số XIII

Thơ rằng

Hạ huyền thượng đảo nhân vô thủ
Tài tận dân hao thế lực suy
Huyết chiến dê đầu nhân huyết chiến
Kham tiểu không huyền tiệp thất ky
Xem thấy những sương sam tuyết lạnh
Loài bất bình tranh cạnh hung hăng
Thành ao cá nước tung bùng
Kẻ xiêu Đông hải người tàn Bắc lâm
Chiến trường chốn chốn cát lằm
Kẻ nằm đầy đất người nằm đầy sông.
Sang thu chín huyết vừng hồng
Kẻ mong ngày hạ người mong mưa nhuần
Trẻ con mang lệnh tướng quân
Ngõ uy đã sợ ngõ nhân đã nhường
Dùng uy bát là đường ngũ bá
Cũng tưởng rằng đế tá dân hoan
Cỏ cây lá rụng đầy ngàn
Một làng còn mấy chim đàn bay ra
Bốn phương cùng có can qua
Làm sao còn biết có nhà Đà giang
Tả bạch hạc, Hữu thủy trường
Kiều môn án trước cao bành tựa sau
Thái nguyên cận bắc đường sau
Hễ mà tìm thấy mới hầu thần cơ
Cùng nhau gặp mặt bây giờ
Trúc mong kỳ úc thung chờ non đồng
Vui mừng gặp mặt tam công
Cá được hoá rồng trăm trăm ngôi cao
Mai kia cùng đứng anh hào
Ba người làm bạn ngôi cao lộc lành
Vậy nên một áng phong tình
Mới hay phú quý hiển vinh lạ lùng
Bổ khi chém lợn vẽ rồng
Bổ khi vay mượn điều cùng trượng phu

Bõ khi kẻ việt người Hồ
Bõ khi kẻ Sở người Ngô xa đường
Ngày thường trông thấy quyển vàng
Của riêng quốc bảo xé mang xem chơi.
Tinh thái ắt giờ đời là thực
Sấm trời xem vô giá muôn phần
Kể từ đời Lạc Long Quân
Đáp đổi xoay vần đến lục thất gian
Một đời có một tôi ngoan
Giúp chưng nhà nước dân an thái bình
Thấy đâu bò đái thất thanh
Ấy điềm sinh thánh rành rành chẳng nghi
Phá điền than đến đàn dê
Hễ mà chuột rúc thì dê về chuồng
Dê đi dê lại tuôn buồn
Đàn ghi nó cũng một môn phù trì.



Bài thơ số XIV

Thơ rằng:
Ghê thay thau lẫn với vàng,
Vàng kia thử lửa càng cao giá vàng
Thánh ra tuyết tán mây tan
Bây giờ đuốc sáng rõ ràng mọi nơi
Can qua việc nước bời bời.
Trên thuận lòng trời dưới đẹp lòng dân
Lục thất dư ngũ bách xuân
Bây giờ trời mới xoay vần nơi nao
Thấy sấm tụ đầy chếp vào
Một chút tơ hào chẳng dám sai ngoa.



CHÚ THÍCH:

- (1). Nguyên bản viết Lê Hành, các bản phiên là *Lê Hoàn*
- (2). *Mười hai đời một lòng nhân hậu*. Các bản thiếu câu này.
- (3). *Tổng Sơn chốn ấy có đời Thạch công*
Định mưu phù lập Trang Tôn: Nói việc Nguyễn Kim phò Lê Trang Tông.
- (4). Các bản phiên là *hiệu chi*.
- (5). Chữ nôm là trung. Phải chăng là tung huê?



PHỤ LỤC I * BẢN NÔM PHÙNG THƯỢNG THƯ KÝ



SẨM KÝ TRẠNG TRÌNH PHỤ LỤC SẨM TRẠNG BÙNG

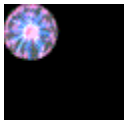


Lời nói đầu

Đây là bản nôm Phùng Thượng thư ký tìm thấy trong thư viện cụ Nghè Bân, người Hữu Bằng Sơn Tây. Bản chép tay này đã tồn tại hơn trăm năm, và đã 20 năm nằm trong tủ sách của tôi nay đem ra trình cùng bạn đọc. Điều này cho thấy nhiều người viết Sẩm ký chứ không phải riêng Nguyễn Bình Khiêm. Chúng tôi xin trình làng, sau sẽ phiên âm và chú thích.

Canada ngày 14 tháng 10 năm 2010.

Nguyễn Thiên Thụ



I. TIỂU SỬ TÁC GIẢ

Phùng Khắc Khoan 馮克寬 (1528-1613) sinh năm 1528 tại Phùng thôn (tục gọi là làng Bùng), xã Phùng Xá - huyện Thạch Thất - tỉnh Hà Tây. Thân phụ của Phùng Khắc Khoan là Phùng Quý

Công từng làm quan dưới triều Lê Sơ, là người tinh thông thuật **phong** thủy,. Ngay từ thừa nhỏ, ông đã tỏ ra thông minh, có khí chất. Lúc nhỏ ông ở nhà được cha dạy dỗ , đến năm 16 tuổi ông sang Hải Dương theo học Nguyễn Bình Khiêm. Năm 1552, ông đi thi ở đất Mạc chỉ đỗ Tam trường. Nhưng ông không làm **quan cho** nhà Mạc. Năm 25 tuổi, ông vào **Thanh** Hoá, giúp nhà Lê thực hiện công cuộc Trung hưng. Năm 1557, ông thi Hương ở triều Lê và đỗ đầu. Phùng Khắc Khoan được Trịnh Kiểm giữ lại và được giữ nhiều chức vụ quan trọng trong triều Lê - Trịnh. Sau đó, vì trái ý vua, ông bị đày ra Thành Nam, nay là xã Bồng Khê - huyện Con Cuông - Nghệ An. Sau đó ông được triệu về cho phục chức. Năm Canh Thìn 1580, ông tham dự **khoa thi** Hội và đỗ thứ hai. đỗ Đệ nhị giáp tiến sĩ, tức là Hoàng giáp vào năm Quang Hưng thứ 3 (1580). Năm 1597, ông được cử làm chánh sứ dẫn đầu một sứ bộ sang triều Minh và cuộc đi sứ của ông đã thành công lớn. Ông được phong nhiều chức vụ quan trọng như Đặc tiến Kim tử vinh lộc đại phu Tán trị Thừa chính sứ ty, Thừa chính các xứ Thanh Hóa, Tả thị lang bộ Công, Thượng thư bộ Công, Thượng thư bộ Hộ.khi đi sứ Trung Quốc, ứng đối xuất sắc, nên được vua nhà Minh đặc cách phong làm Trạng nguyên.

Mặc dù ông chỉ đỗ Hoàng giáp nhưng người đời quen gọi ông là trạng Bùng. Sau đó, ông xin về trí sĩ tại quê nhà,.Ông mất ngày 24/9/1613, thọ 86 tuổi. Ông là một công thần có nhiều thành tích với nhà Lê trong công cuộc chống nhà Mạc Năm 1613, ông qua đời, thọ 86 tuổi. Tương truyền, ông là em cùng mẹ khác cha của Trạng trình Nguyễn Bình Khiêm.

TÁC PHẨM

- + Tập thơ Vạn thọ - viết trong thời gian ông đi sứ nhà Minh được hoàng đế nhà Minh là Minh Thần Tông cho khắc in để ban hành khắp cả Trung Quốc. Sứ thần Cao Ly là Lý Toái Quang (이수광/Yi Su-gwang) là người viết tựa cho tập thơ.
- +Ngôn chí thi tập
- +Lâm tuyền văn
- +Mai Lĩnh sứ hoa thi tập.

II. BẢN NÔM PHÙNG THƯỢNG THƯ KÝ



tr. 1

長德閉石道三頂靈山岸葉繁北掃樣廣敷大葉敬二舖侯也番備衛至春勸散軍
 節起仍成高節為世守身朱儀忠臣左別事情願地弟別至君兜律及反未疎
 作執若尋朱與國各龍用木門紫旗高封河此龍昭顯洞中常詞惠活結此迦
 油油約特選美明前得在可露使查督治活傷民治哉
 大明東南朝會 九龍神已定清明長節而先宜到牛頭過馬胡其萬回家 詩集
 美盤運雲純神玉忽能強地打能剛除信崇德聖德潤陽白燕余聲於 詩云雲雲漸
 出在龍蛇神氣道來在二象牛馬尺長天下定龍來云河出河 詩云五十三兒栢水枯月平
 暗象神地都雙燕美山河纒一去龍牙日月無 詩云紛紛從北起屢自來水能實江天子出不
 戰自然成 詩云氣吞三地氣黃泥家室得一男龍國君長天下定一也感座立龍蛇定大禁
 多此矣有氣道在云方有氣餘時上詩云已卷龍龍能制 以諸地地也 詩云云云云
 艾句與文共年 艾句與文共年 艾句與文共年 艾句與文共年 艾句與文共年
 祖穰穰踏意治活當維艾方厥發至春在常艾辰得艾據備慎例希丁先官廳明權款
 九五龍跋捻標花披拾刀伴連其生實官日出死能宮撲坤摩長城下朱兌宮廳明權款
 器神地帝帝萬全座九天脂索紅日漸連連海湧吐真所部段於權紛似堤易認
 飾朱與到美器虛徒據野野龍龍花多坤生君得九好整坤術法野頑貪就權款
 凡後德故吹喇尚欺三翔德地度由公天下信買物坦泥雅珉裝陳瑞唯守坤始運
 疑會運與龍所配春能也雲雲雲能也都吏何朝御奉儀慈意慈喜不想平因臨賜

tr.4

父句與文高年英雄特異侯爵高祖特異去七朝五帝身日得道初成
祖極誠懇也治治當權大方欲凌否泰庶常文辰得文據懷例希丁先
九女艱駭檢模花執於刀俸連止生實宮日出兌旺宮邊坤膠成下朱
器純細地帝却萬全座九天瞻景紅日軒連道噴物唯真師師况殺於
務朱紫對靈器虛旋橫點解純羅多坤卷卷皆仍凡好數坤術法數預
凡後世振振吹揚美觀地度而公天下德買鐵想泥滑形孩疎燥噴
編會獨高朝所祝祭帖也聖聖教也都天回朝却未傳意意喜略香
恨鳩寒軒連驚悉竹算仍和半萬千官而異朝乳鏡內推富貴余對
御鏡白字不仁色回瀉瀉重頭懸圓從交枝乾坤星意莫山極意
秘殿事因否默怒怒推後白失指雷鎮令齊律是儀催湖陰就兼委
也如融燭

tr.5

群凶與暴虐除遺狂奇靈連是群解九曲群詩御題
 底洞民教手新執輪離秋力仍殘陰去於神帝時別未
 探得常居和那兒古邑苦難群國約約太平又城半性
 方晴之紅塵腐警秀昭廟遊店因謂本仍率民自景
 聞陳天下歐為強權地落開寺街獨據之滋權術鬼
 所迎又命內城淮之虛擊頭燈檣城信在過祀只宮
 中擊用苦守執離鬼之元氣務茫術虎嘯最邊權在伏
 泉江步兵八只如蜂擁行身年另始城別離意任無
 松燈燈好隱尼活留留覺興常事深律道最極禍米
 易投易報謝琴吹易巽易春升和傳道是使使使
 莫辰金特化養史梅群離畢起浩漢凡移教若最
 勿別登岸兜信仍九噬噬咬果逐活危眼可臨兜
 點貫全噴仍九在若餘主兜兜兜連負所恩在米
 朱別坎宮趨趨英雄松視實鐵浪六七高城和
 願時附元連攜兵靈視解單方左動十文群離
 神州高海尾萬金。史地事黃江生黃福初能定地

tr.6

松陰... 易... 莫... 勿... 點... 朱... 廟... 神... 蟻... 戶... 月...

tr.7



tr.9



tr.10



tr. 12

北魏院買市內因流出野獸既捕於窟巖馬於哭石得寶指坊文家
 區能治和區縣縣天馬降生衛氣度見郎國志皆安傳乃國捐也
 戶黎立石誌得寶後於是限定陶部按疑天馬將星極輝中得漢書
 氏戶陶錦江山圖史國鄭黃各衛洞使應所位是謂之王佐聖時
 及辰時風流會類於仍得易極定國垣國福買保備職預訪劉文
 生親奏意為至太平寶物恬飲玉本能定惡情期本清情期燕去
 意尾蛇頭起戰象自巳年十月為端羊皮盡休兵自平年六月
 年間尋太平自年十月詩云五子元百水枯平年免暗掃成都
 詩云三造作似天西海伏其混二同日月鷄鳴常出卯兔中嘆
 詩云黃江噴水在穴城誰試天心已 equal 出嶺 然高獲丈天無
 驚鳥口不傷人

tr. 15



tr.16

PHỤ LỤC II * PHÙNG THƯỢNG THƯ KÝ (PHIÊN ÂM)



PHÙNG THƯỢNG THƯ KÝ (SẤM KÝ của quan thượng thư PHÙNG KHẮC KHOAN)

Phiên âm: Trương Quang Gia

Chú giải: Nguyễn Thiên Thụ



Ông Trương Quang Gia, hậu duệ của Trương Đăng Quế, đỗ Cao Học Văn Chương Việt Hán, trường Đại học Văn Khoa Saigon, từng sự tại Phủ Quốc Vụ Khanh đặc trách Văn Hóa, mất năm 1996 tại Saigon.



PHÙNG THƯỢNG THƯ KÝ

Thuận Đức niên hiệu (1)

1. Vận trung nguyên lấy năm canh tý (2)
Tiết tiểu hàn vừa thuở đông thiên.
(Thập nhị nguyệt thượng tuần)
Hội cung sửa việc cầm quyền,
Nhưng sửa một trận mới yên bốn bề.

5. Lộ lộ bóng tỏ nghiêng kè,
Chiêng vàng ló thấy vừa khi mặt rờng.
Tản lửa giăng che thái ất
Thuở tay xe nhật phù lên,
Lậu lậu ngọc chánh đương thiên,
10. Rạng soi thế giới sơn xuyên xa gần.
Vẹn nhà trạch ấm đượm nhuần,
Nghiêng thùng rượu cúc đòi tuần mời khuyển.
Hợp bạn hiền những người tri kỷ,
Mở đồ xem luận lý xưa nay,
15. Những câu châu báu là hay,
Bằng dao chẻ nước bẩy nay khôn tìm.
Vàng ấy cao giá dư ngàn,
Càng nhìn, càng thắm càng in càng màu.
Nếm mùi đạo gẫm lâu mới biết,
20. Tạc công lòng mở tiết mở không.
Ai hòa học được thần kinh
Ắt là gặp lối thánh minh tuần này.
Thánh hiền chén chuốc rượu say,
Nước vui bâng bạc vỗ tay reo cười.
25. Lại xem thấy sự đời thượng cổ,
Lạc Long quân là tổ nước ta,
Sửa sang bốn bể gần xa,
Làm vua Nam Việt khắp hòa đâu đâu.
Tuổi già hưởng được sang giàu,
30. Ngàn năm sức khoẻ trị lâu, ngôi dài.
Giản biên nói chưng đời ngoài
Kỷ luân chính thống mới kể từ Đinh.
Tiên hoàng tuổi còn phù sinh
Cờ lau tập trận dụng binh giữa đồng.
35. Ứng điềm từ thuở sang sông,
Ngang sông cao ngự hoàng long thụ lành.
Thiên thư đã định rành rành,
Mộc sơn đồng chữ tập tành nên câu:

39. "Mộc căn đập đập,(3)
Mộc biểu thanh thanh,
Hòa đao mộc (4) lạc
Thập bát tử (5) thành
Đông A (6) nhập địa
Dị mộc (7) tái sinh,
Chấn cung hiện nhật (8)

Đoài cung ẩn tinh (9)
Lục thất(10) nguyệt gian
Thiên hạ thái bình".

49. Một câu là một hữu tình
50. Đời đời nước có diêm lành đế vương.

Ra tay võ trị bốn phương
Đời đời nước có đế vương ở trời.
Hòa đao mộc lạc Lê dân
Thập bát tử thành họ Lý đổi thay.
55. Đông A nhập địa Trần danh,
Họ Trần từ đế đời tay Chiêu hoàng
Trên ngôi vẹn nghiệp Đào Đường,
Giúp tay rủ áo âu vàng đặt an.
Đất Lam sơn vua Lê Thái tổ,
60. Thiên giúp uy cây cỏ dụng binh,
Ấy là kỳ mộc tái sinh,
Ra tay giúp lại đế kinh vẹn toàn.
Sửa sang tám cõi đều an,
Man di củng phục bể thuyền non cao.
65. Sự lạ thay chốn cung hiện nhật,
Bên đông phương giữa đất Cổ Trai
Thái tử bửu vị lên ngôi,
Thần kinh thoát lại năm đời thánh minh.

Lại nói " Đoài cung ẩn tinh
70. Tây đô Trịnh thị đặc danh tướng tài.
Tướng tinh về ẩn phương đoài.
Tây đô chốn ấy tượng trời định vi
Quý ma chật vật đổi dời.
Bây giờ thiên hạ xem ngày bằng đêm.
75. Ngồi thấy những sương nghiêm tuyết lạnh
Loài cừ khôi cậy mạnh hung hăng.
Đua nhau làm sự bất bằng
Giết người lấy của nhưng nhặng đã buồn.
Khoe khoang sức mạnh tài khôn,
80. Nào hay nhân nghĩa nào còn ái ân.
Chí toan mưu độc hại nhân.
Trên đầu chẳng hổ trời thần phủ che.
Những xưng xe phù Lê diệt Mạc
Cái oan gia người khác giết nhau.

85. Nào ai đã nhện ai đâu,
Thủy chiến, bộ chiến mặc dầu sấm sanh.
Đêm ngày tập trận dụng binh,
Làm cho thiên hạ thương sanh hối lằm.
Chưa từng thấy cổ kim sự lạ,
90. Một đũa man giá họa muôn dân,
Cư toan lòng độc dữ muôn phân.
Đua nhau quái độc muôn dân từ này.
Trăm họ ai chẳng chau mày,
Anh hùng ai chẳng cau mày lẳng xăng.

95. Thư đường nhân thuở ngoài hiên,
Chép làm một tập để làm mai ngay.
Tân vị (11) thoáng ấy năm nay.
Truyền lên mây đã che rày về đông.
Nhật cung đoài khuyết giao long,
100. Năm hồ thuyền dạng (rặng?) khảm cung tịnh đồng.

Sấm ran tự bắc chí đông,
Đà giang nam mộc dưới dòng Nam kha.
Giang nam chốn ấy Vĩnh Gia,
Đà giang chốn ấy tên là Vĩnh Giang.
105. Côn sơn phủ đá thạch sàng ở trên.
Sau đền núi mọc bày ngang,
Bảy mươi hai núi ở liền,
Giang Nam là chốn thánh hiền tiên cung.
Ứng binh sửa trụ làm song,
110. Lò niên lọc thánh liểu trong ai ngờ.
Nối đời vương đế phen xưa,
Đường Ngu tam đại còn chờ đến nay.
Nho, Đạo, Thích cũng biết hay.
Học lấy trường học để nay anh dùng.
115. Ước gặp ông Lữ Thái công,
Cùng Trương Tử Phòng rặng che.
Giả làm thầy Sãi ông nghề,(11b)
Kẻ tôn người báng thị phi chẳng thường.
Dân quê chẳng biết đế vương,
120. Báng kia sàm nọ vua đâu đến mình.
Mặc ai ký ký quyền hành,
Miễn người đắc chi xin xin vui vầy.
Gặp thời, gặp thế, gặp người

Trời cho mới biết được hay sự tình.
125. Trung thu vọng nguyệt đêm thanh.
Ngưỡng lên trông thấy đẩu tinh giữa trời.
Bảng vàng chói chói các bày,
Kim ngư , Hòang lận ở ngoài âm cung.
Trương đà tự bắc chí đông,
130. Cõi bờ vức vức phò không lâu lâu.
Nhiệm trao nhân thế biết đâu,
Nhân dân quý tiện nguồn sâu khôn dò.
Nhĩ hà nước chảy quanh co,
Tưởng rằng chốn ấy cố đồ hoàng bào.
135. Muôn dân thiên hạ khát khao,
Cá cạn gặp nước ai nào chẳng mong.
Từ ông Phật tử dạy ra,
Hoàng giang chốn ấy ai từng bảo ai.
Tào Khê chốn ấy chẳng xa,
140. Ai ai đến đấy thực là đế vương.
Đến nơi thực biết tỏ tường
Tả biên bạch hạc thủy trường ức muôn.
Hữu biên tam đỉnh ngôi sơn
Ngàn oanh nước chảy áp đường mái sau.
145. Đại Lương số số chư hầu,
Vào ra ấp Vệ thánh quân giúp đời.
Tân quận khởi những mậu dần
Răn bảo người thế giữ thân cho lành.
Ngu dân chẳng biết sự tình,
150. Ngóng trông nào biết thánh quân đâu là.

Gặp thời có tuổi tác già,
Cũng tìm cho đến quốc gia giúp dùng.
Chu môn vinh hiển cao phong,
Muôn đời con cháu nối dòng cân đai.
155. Từ ngu chớ lấy xem chơi,
Dầu ai biết được gặp đời thánh minh.
Biết thời chẳng khá lộ trần.
Thánh ra trị nước, trị dân, trị đời.

Đại Minh, An Nam triều hội.
160. CỬ CỬ CÀN KHÔN ĐĨ ĐỊNH,
Thanh minh thòi tiết khai hoa.
Nghĩ đáo ngưư đầu quá mã.
Hồ binh bát vạn hồi gia.(12)

Thi vân:

Một áng mây che quáng giữa trời,
165. Nhìn xem đàn trẻ đánh nhau chơi.
Chờ thấy thầy tăng ra mới được,
Bấy giờ Bạch xỉ mới ra đời.

Thi vân

Ngũ thập tam đoài bách mộc khô,
Nguyệt tân ám thổ tảo thành đô.
170. Song thiên thịnh mỹ sơn hà uest,
Nhất sĩ nghi hồ nhật nguyệt vô.(13)

Thị vân:

Phân phân từng bách khởi,
Nhiều nhiều tự đồng chinh,
Bửu giang thiên tử xuất
175. Bất chiến tự nhiên thành.(14)

Thi vân:

Thiên khí thương thương địa khí hoành,
Nguyễn gia sanh đắc nhất nam lang.
Quốc quân thời chánh thiên hạ định,
Nhất tịch thịnh sàng lập kỷ cương. (15)

180. Giang thái thủy hồng đa tài tậ,
Lục nguyệt huỳnh hoặc tại sửu phương. (16)

Lão viên mẫn ngữ ca:

Bổ thượng thi vân:

Ba góc ruộng, bốn người cày
185. Người hãy cày, ta mạ (17) tranh.
Chữ thiên cơ trời tỏ định,
Đến câu lục thất thị thái bình.

Vận nay minh chánh tiết lành, (Bản Sở Cuồng câu 1)

Thấy trong sấm ký tập tành nên câu.

190. Một câu là một nhiệm màu,
Anh hùng gẫm được mới hầu đứng cao.
Trải khắp sao che mây thái ất, (18)
Thuở tây cung xe nhật phò lên,
Việt Nam khởi tổ gây nền

195. Lạc Long ra trị đương quyền một phương
Thịnh suy bỉ thái chẳng thường
Một thời là một nhiều nhưong hằng lẽ.
Vua Đinh tiên hoàng trong đời cứu ngũ
Mở bảng rủ áo chấp tay
200. Lê đao bổng liền lại sinh.

Chấn cung nhật xuất đoàn cung khoẻ phò.
Khôn chống trường thành bền cho.
Đoàn cung về rặng rừng thu,
Ra tay mở lấy đế đô vẹn toàn.
205. Tòà cứu thiên ám vùng hồng nhật
Dưới liềm trên ăn vút nhằm chân.
Sửa sang muôn việc cầm quyền.
Nằm nhưng ai dễ nhận giúp cho
Kìa liệt vương khí hư đồ ủng
210. Mặc quần hùng phong úng tranh khôn.

Trời sinh ra những kẻ gian,
Mặc khôn đổi phép, mặc ngoan tham tài.
Áo vàng mặc kẻ bỉ bai
Khi xui đắp núi khi sai mở đường.
215. Lấy độ điền làm công thiên hạ
Cậy mào nên đất nẻ cạn mòn
Con thơ ong óng tranh khôn
Vô già mở hội , Độc tôn mở chùa.
Cơ trời xem đã che mùa

220. Đã đô lại muốn mở đô cho người.
Ấy trời ý hẳn lòng bất nhẫn
Suốt muôn dân cư hận cư hàn
Dưới trên dốc trí lo toan
Những đua bán tước bán quan làm giàu.

225. Lại rủ nhau làm mỗi phú quý,
Mấy đấng hiền có chí an dân,
Đua nhau làm sự bất nhân,
Đã tuần biến nước lại tuần đầu non.

Quốc đồ chia rẽ càn khôn,
230. Mỗi giềng man mác làm buồn lòng nhau.

Vội sang giàu giết người lấy của
Sự có chẳng mặc nợ ai suy
Sự làm thất thế lòi thoi,
Lệnh ra bổng lại thấy thoi bấy giờ.

235. Xem tượng trời đã như ra trước
Còn hung hăng bạo ngược chẳng xa.
Gió cuồng cả sớm liền đêm
Còn đờn cửu khúc còn thi ngự đề
Ấy Tần hoàng hôn mê bất biết
240. Để muôn dân dè lại giết dè
Luôn năm chặt vật những đi
Âm binh ở giữa nào thì biết cho
Thấy thành đô tiếng kêu ong ỏ
Cũng một lòng trời chống khác nào
245. Đêm ngày xem vững chiêm bao
Nào ai còn có ước ao thái bình
Một góc thành lao xao chúng quỷ
Đều một lòng ích kỷ hại nhân
Bốn phương bời bời hồng trần
250. Làng kinh củi lửa , làng phân điểm tuần.

Quen vốn những suất dân làm bạo,
Khu đòi loài cáo quỷ tranh nhau
Nhân danh trọn hết đầu đầu (Nhân đoài soạn hết tự đầu)
Bấy giờ thiên hạ âu sầu càng ghê
255. (Hùm) Lợn khôn lặc dẫu khôn về
Mèo con chi khắp tiêu về quỷ dương. (Mèo non chi chí tìm về cố hương)
Chân dê đầu khỉ leo tường
Nghỉ nhau ai dễ sửa sang một mình
Nội thành chốn chốn hư kinh
260. Đầu khỉ leo thành tin sứ đã sang.
Rễ mậu dần Bắc giang tái mã
Trong hai xuân bỗng phá tổ long,
Quốc trung kinh dụng cáo không
Giữa năm vả lại khiếm hung (hung hoang) mùa màng
265. Gà đầu gáy sớm bên tường
Chẳng yêu thì quái (cũng) bắt tường chẳng không.
Thủy binh cờ phất vàng hồng
Bộ binh bát ngát (tấp nập) như ong kéo hàng (SC.84)
Đứng (ngọ ngang) hiên ngang đố ai biết trước
270. Ấy Bắc binh sang việc dĩ chi (gì) chẳng ?
Ai còn khoe trí khoe năng
Cấm kia bắt nọ, tương bưng đòi nay (19)

Chưa từng thấy đời nào sự lạ
Bỗng khiến người vu (giá) họa cho dân

275. Muốn bình sao chẳng lấy nhân
Muốn yên sao chẳng bảo (dục) dân (ruộng) cày bừa.
Đã nên đại (si) Hoàn Linh đời Hán
Đúc tiền ra buôn bán nó ăn (bán tước cho dân)
Xưng xe mong khắp đôi quân,(Xun xoe những rắp cày quân) (SC.95)

280.Chẳng ngờ thiên ý xoay vần đã công
Máy tạo hóa nặng tay dễ nói (hoá công nắm tay dễ ngỏ)
Lòng báo thù ai dễ sửa ngôi (đã nguôi)
Thung thăng ban bổng (tưởng thấy) đạo trời
Phù Lê diệt Mạc (19b) cắt dời (nghỉ dời) quân ra

285. Cát lằm bốn bể can qua
Anh (Nguyễn) thì chẳng được hóa(sẽ) ra lại về (20)
Còn (Quân) hùng quân nổi (binh nhuệ) đầy khe
Kẻ xưng cứu khổ (nước) người (kẻ) khoe trị đời
Bấy giờ Lê bấy khó thôi,(Bấy giờ càng khốn ai ôi)
290.Quí ma chật vật biết trời là đâu ?

Thương những kẻ ăn rau ăn quả (rói) ,(21)
Gặp nước nguy (bung) con cái cày (ẩn) đâu
Báo thù ấy chẳng sai đâu,
Tìm non có chốn (rẫy) chùng sau mới toàn
295.Chê (Xin) những kẻ hai lòng sự chúa
Thấy đâu hơn thì phụ thừa ân
Vây Cho (nên) phải trụ (báo) trầm luân
Ai khôn mới được an thân (bảo thân) đời này.
Nói cho biết (hay) khảm cung rồng dấy
300. Đấng (Chí) anh hùng gẫm (xem) lấy mới ngoan.

Sấm (Chữ) rằng lục thất nguyệt gian
Ai mà nghĩ được mới gan thánh (anh) tài
Hễ nhân doãn (kiến) ai về (đã dời) đất cũ
Thì phụ nguyên mới lữ (trở) binh ra (SC. 120) (22)

305. Bốn phương chẳng động can qua
Quần hùng ong dậy (các xứ) điều hoà làm tôi
Bấy giờ mở rộng qui khô
Thần châu thu cả mọi nơi vẹn (vạn) toàn
Lại nói sự Hoàng Giang sinh thánh

310. Hoàng phúc xưa đã định tây phong
Lầu lầu thế giới rạng (sáng) trong
Lồ lộ râu (mặt) rồng đầu có chữ vương

Trở (Rõ) sinh tài lạ khác thường
Thuần Nghiêu ấy lượng (là trí) Cao Quang ấy (là) tài
315. Xem thiên ý (trời) có lòng sinh (khải) thánh
Dốc sinh hiền điều đỉnh hộ mai
Soạn đầu tinh sanh vị sao (Chọn Đầu, Thai những vì sao cả)
Cả dùng chung phụ tá vương gia (Dùng ở tay phụ tá vương gia).
Bắc phương chính khí sinh ra
320.Có ông Bạch sĩ điều hoà sáng (hôm) mai (Sở Cường 136)

Song thiên nhật rạng sáng soi (Ngôn Quý mảo tuế) (22b)
Thánh nhân chẳng biết xem (thì) coi tỏ (cho) tường
Đời này thánh phục (kế) vi vương
Đô kiêm (Đủ no) đạo đức văn chương trong mình
325. Uy nghi dạng mạo (trạng mạo) dị (khác) hình
Thác cư một dải (góc) kim tinh phương đoài
Đêm ngày tinh nhuệ (Cùng nhau khuya sớm) dưỡng nuôi
Ẩn cư sĩ (Chờ cơ sẽ) mới ra tài giúp (cứu) dân
Bình thơ mấy quyển kinh luân
330. Thiên văn địa lý kinh (nhân) luân càng màu

Lộ là phải mượn tài đâu, (Ở đâu đó anh hùng hẳn biết)
Mới biết vân sắc thức âu long thành.(Xem sắc mây đã biết thánh long)
Thánh nhân ở (cư) có thụy tinh (cung)
Quân thần đã định chiền (gìn) mình (lòng) chớ tham
335.Lại khuyên (dặn) đấng chí (tú) nam hào (chí cả)
Chớ say sưa tham trọng tham lòng (Chớ vội vàng tất tả chạy rông)
Học cho biết lẽ (lý) kiệt hung
Biết phương hướng hội chớ nhằm (có dùng) làm chi.
Hễ trời sinh xuống tế tài (phải thì)
340.Bất kỳ nhi (chi) ngộ màng (mòng) gì tưởng trông (bắc đông)
Chê (Kìa) những kẻ vội lòng phú quý
Xem trong (lòng) mình một thí (tí) hư (đều) không
Ví dù có gặp ngư ông
(Lướn) Chài đâu mà vãi (sẵn) nên công mà hồng
345. Xin khuyên đấng hiền (thời) trung quân tử
Hãy mang lòng trung nghĩa (ai nhớ) cho tinh.
Âm dương cơ ngẫu ngộ sinh (ngũ hành)
Thiên văn độn giáp (Thái nhâm thái ất) trong mình cho hay
Văn thì luyện tỏ bày (nghiên bài) quyết thắng
350.Trương (Khen) Tử Phòng , Gia Cát (cũng đấng) Khổng Minh.(SC.166)

Võ thời thông yên thủy, thần kinh

Thời (Được) vào trận chiến mới lành (rành) biển cơ
Chớ vật vờ quen loài ong kiến
Biết lay (ray) tay bẽ miệng nói không
355. Ngổ mai (hay) gặp hội mây rồng
Công danh lừng lẫy (chọi chọi) chép trong vân đài
Bấy giờ phỉ sức chí trai
Lộ cho (là) đến phải ngược xuôi nhọc mình
Nặng lòng thật có vĩ kinh
360.Cao tay mới gấm biết tình năm nao (SC.176)
Trên trời ửng (có) mấy vì sao
Tỏ sanh (Đủ no) hiền thánh (tướng) anh hào đòi (đôi) nơi

Nước Nam vua (thường) có thánh tài
Ai khôn xem lấy hôm mai cho (mới) tường
365. Đành (So) mấy lời để tàng kim quĩ
Chờ hậu mai có chí sẽ cho
Trước là biết nẻo tôn phò
Sau là có (cao) chí biết lo chiền mình (mặc lòng)
Xem đoài cung đến ngày (thời) bắt tạo (SC.185)
370.Thấy vĩ tinh thì (liệu) tháo cho mau.
(Ngôn hổ tướng tàn ngược, quốc gia bại loạn tại vu thử thủ dã, nhất vu thân niên thân nguyệt, thân nhật thân thời, vĩ tinh xuất thân phương, thiên hạ đại loạn dã.) (23)

Coi (Nguôi) lòng tham tước tham giàu
Tìm nơi tam hiểm mới hầu bảo thân.
(Ngôn xuất lâm hiểm xứ, nội hữu thiên thời, địa lợi, nhân hòa, khả dĩ ẩn thân dã. Nhất vân Thái Nguyên, sơn đồng trù ngạn nhất hiểm dã; Vị Khê sinh thánh, nhị hiểm dã;Đoài phương tịnh thất khu hiệu phục man đắc tam hiểm dã) (24)

Lấy (Trẻ) con mang mệnh tướng quân
Ngữ (Ngữ) oai đã dậy, ngữ (ngữ) nhân đã như rồng. (SC.190)
(Ngôn chung dụng tiểu nhân bị tái phong hầu, dĩ phòng thất sách dĩ thử phá lỗ dã). (25)
375. Hã (Ai) lấy gương (vua) U vương thừa trước
Loạn bởi chưng (ru vì) tham ngược bất nhân.
Bốn (Đòi) phương ong khởi (kiến) rần rần (lần lần).
Mông (Muôn) sinh tam phủ (ba cốc) mang quân (cầm binh) dấy loạn.
(Mạc thị loạn thế cử binh phục thù, tam đạo đồng tiến cổ dã)(26)
Man mác một đỉnh Hoàn Sơn
380.Thừa cơ liền mới nổi cơn phục thù.
(Ngôn Nguyễn thị tái cử binh phục thù) (27)
Ý những thù binh thủy thủy (Ấy là những binh thù thái thái)
Lòng trời xui ai (nấy) biết tân cho (ru) ?

Phá điền đầu khỉ cuối thu

Ải (Tái) binh mới tới (động) thập thò liềm sang (SC.200)

(Ngôn thân niên đông nguyệt, bắc binh thượng mã xuất tái tam đạo đồng tiến).(28)

385. Lộ (Lộ) chẳng thường trong năm khôn xiết

Vả (Vẻ) lại thêm hung hiểm (hiệt) mất mùa

Lưu tinh hiện trước đôi thu

Bấy giờ thiên hạ mây mù tối om (đủ năm)

(Ngôn thân tiết tứ phương binh khởi giai bị hỏa tai gia tận khởi thiêu tận tuyệt giả).(29)

Trông (Coi) thấy những sương nghiêm (xâm) tuyết lạnh

390. Loài bất bình cậy (tranh) mạnh hung hăng

Thành gia (câu) cá, lửa tưng bừng

Kẻ xuôi (ngàn) Đông Hải người chùng (rừng) sơn (Bắc) Lâm

Chiến trường chốn chốn cát lằm

Kẻ nằm đầy đất kẻ chìm (trầm) đầy sông (SC.210)

395.Song thu lạnh tiết hồng trí dã (Sang thu chín huyết hồng tứ giả)

Nổi (Noi) đàn dê tranh phá càn ghê (đôi nơi)

(Ngôn quần hùng khởi binh trí chiến dã) (30)

Đua nhau đồ thán quần lê

Bấy giờ thiên hạ không bề tựa nương

Kẻ thì bị sửa (phải thừa) hung hoang

400. Kẻ thì binh hỏa chiến trường chết oan. (SC.216)

Kẻ thì người (mắc) thừa hung tàn

Kẻ thì bị (bận) của đa mang (bổng toan) khốn mình.

(Ngôn hợi niên thiên hạ đại loạn, tử giả thập phần tồn nhất) (31)

Chuột nhâm dựng tổ cắn quàng (Muông vương dựng tổ cắn tranh)

Điều thì làm bá (chước) xuất binh (thủ thành)

(Ngôn nhâm tí thập tánh xưng vi tứ sứ quân, nam phương hữu tứ, bắc phương hữu nhị, tây phương hữu tam xưng vi trưởng quân dã). (32)

405.Bời bời đua mạnh tranh giành

Ra đâu đánh đấy đem binh tối (sớm) ngày

Bể xoi (thanh) cá phải đội (ấn) cây

Đất bằng núi phẳng (nổi sấm) cát bay bụi (mịt) mù

Nào ai đã dễ nhin thua (nhìn u)

410.Thủy chiến bộ chiến mặc dù đòi cơn

Cây khô lá héo (bay lá lửa) đòi (đôi) ngàn

Một làng còn mấy chim đàn bay ra

Bốn phương cùng có can qua

Làm sao cho biết nơi hòa bảo thân (SC,230)

415.Đoài phương thực có chân nhân

Quần tiên khởi nghĩa nào phần hại ai (chẳng phân hại người)

Tìm cho biết (được) chốn biệt (được) nơi
Thái nguyên một giải góc nơi trụ đình(lần chơi trú đình)
(Ngôn sơn động kỳ phong khả dĩ dung thân) (33)
Bốn bề núi đá vây doanh (riều quanh)
420. Một đường tiểu mạch nương mình ấy (đấy) an
(Ngôn Thái Nguyên đa sơn diệc hiểm, Tản Lĩnh khả dĩ dung thân bảo toàn)(34)

Thấy (Hễ) Đông Nam nhiều phen giặc dậy (tàn tặc)
Lánh cho xa kéo mắc đao binh
Bắc phương (kinh) mới thật đế kinh
Mình chưa dễ giấu, (Giấu thân chưa dễ) giấu danh được nào
425.Chim hồng vỗ cánh bay cao
Tìm cho biết (được) chốn mới vào thần cơ (kinh).
Ai dễ cứu con thơ sa giếng
Đều (Đua) một lòng tranh chiến (tiếng) đua (giục) nhau.
Muôn (Vạn) dân chịu thừa âu sầu
430.Kể từ (dư) đôi ngũ mới hầu yên (khoan) cho
Cấy cày tua (thu) đơi (đãi) được (thời) mùa
Bấy giờ phá ruộng lọ chờ mượn ai.
(Phá điền thiên tử xuất, Bất chiến tự nhiên thành). (35).
Nhân ra cận duyệt viễn lai
Chẳng phiền quân nậu (binh nhọc) chẳng nài thêm lương (lương thêm) (SC.250)
435. Xem tượng trời biết lành (đường) đời trị
Gẫm thế nào (về sau) họ Lý xưa nên
Giòng nhà bát đẩu (để thấy dấu) còn truyền
Gẫm xem tứ bửu (bốn báu) nả khen (còn in) đời đời
(Ngôn Lý thị viên tinh thành khí kỳ hậu đắc đạo, thu đồng chú An Nam tự khí dĩ vi bửu đồ giả dã) (36)
Thần long (qui) cơ nổ ở trời
440.Cho (Để) làm thần khí giúp (thừa) nơi trị trường (Ngôn quá Cổ Loa đắc thủ thần khí) (37)

441.Lại nói sự Hoàng Giang sinh thánh
Sông Bảo Giang đã (thiên) ai hay
Lục thất cho biết ngày dầy (rày)
(Ngôn Nguyễn thị sanh ư bắc phương, cư tại Sơn Tây xứ)
Phụ nguyên ấy thực ở miền (rày) Tào Khê (SC. 260)(38)
445.Có thầy Nhân thập đi về
Tả phụ hữu trì cây cỏ làm binh
(Ngôn thiên sanh ngộ tuế, tôn vi sư phó chi vị nhậm trọng kinh dinh dĩ thành vương nghiệp).(39)

Giốc hết sức sửa sang vương nghiệp
Giúp muôn (vạn) dân cho đẹp lòng trời

Ra tay điều đình hộ mai

450. Bấy giờ mới biết rằng tài yên dân.

Lộ là phải nhọc vất (kéo) quân

Thấy nhân ai chẳng mến nhân tìm về.

(Năm) giáp tý vẽ khuê tinh đã rạng

Lộ Ngũ tinh trình tượng bình (thái) hanh (SC.270)

455. Ân trên vũ thí vân hành

Kẻ thi (thơ) ký tuý kẻ canh HỮU (xuân) đài

Bản đồ chẳng tốt (sốt) cho ai

Ngàn nay (Nghìn năm) lại lấy phục nay (hội nơi) vẹn toàn.

(Ngôn cử binh phạt Bắc Hồ phục dẫn thể bản cựu) (40)

Vững Hùng (nền) vương cha truyền con nối

460. Duy (Dối) muôn đời một mối xa thư

Bể tắm kinh ngạc bằng tờ (Bể kinh tắm lặng bằng tờ)

Trăng đầu (thanh ai) chẳng ơn nhờ gió xuân

Ấu vàng xưa (khỏe) đặt khỏe (vững) chân

Cương kỳ thế nước muôn xuân hưởng dài (SC.280)

(Càng bền thế nước vạn xuân lâu dài)

465. Lại xem đứng làm trai quân tử

Xem kẻ đời biết giữ mới khôn,

Tìm cho biết bạn phương viên,

Mới mong có được gia môn vẹn toàn.

Thái sơ của chuột đầy lên,

470. Dẫn khuyên đấng hiền kẻ có đầy khe.

Chớ nhằm phải bạn u mê,

Luống công ngày tháng có nghề chi đâu.

Lại dạy đấng trượng phu chí khí,

Tua thời lòng trung nghĩa thảo ngay.

475. Vàng bền gan sắt chớ khuây,

Mới nên đấng cả mai ngay anh hùng.

Phòng khi cơ biến mới hòng dạy nhau.

Xin chớ vội giàu sang mặt thấy.

Tua đợi thời lừng lẫy tướng khanh.

480. Trong lòng lâu biết ám minh,

Ngàn năm bia tạc miếu linh còn thờ.

Làm người biết lo xa mới khá,

Chớ xem thường nữa họa đến thân,

Chọn người kẻ có tướng tăng,
485.Thử cho có phép biết chừng người sang.
Vàng toàn phải lấy lửa than,
Khôn ngoan thực có được nhân rượu nồng.
Mấy kẻ bao dung lượng rộng,
Càng rủ nhau ra chốn miếu đường
490. Chẳng như trí mọn tài thường,
Quen loài bạo ngược nói cường lấy hay.
Đến khi bấm miệng ra tay,
Xem tài cũng chẳng sánh tày ai đâu.
Biết lánh xa mới nên quý giá,
495.Mấy kẻ nên xem lạ khác vời.
Ngư ông là kẻ thuyền chài
Đã duyên lại lưới đã chài lại câu.
Sớm khuya đã có trí mưu,
Mới nên bộ tróc công trâu vẹn toàn.
500.Dang tay hợp bạn hiền tri kỷ.

Tua sửa sang cương kỷ cho bền.
Thuốc thang phòng mẫn đũa tiên,
Đã viên ngũ thánh lại viên lục thần.

(Xuất thái ất kinh lục thập tam quyển, trạch đắc Thiên nguyệt đức hướng bắc phương thiết đàn tế thiên địa thánh thần ngũ tướng các thần, luyện thiên thánh hoàn dĩ tẩy khí giới huỷ sanh thập ác cứu xú nhật hướng bắc phương tế ngũ tướng, tái tự thiên thần, nhất hoàn dĩ tẩy khí giới khả dĩ miễn nhất thân chi nạn) (41)

Can qua ai khá vệ thân,
505.Thiên văn ,động giáp thâm phân chưa nhàm.
Tay lâu biết thất cầm ngũ thánh,
Lòng lâu thông an thủy thần kinh.
Luyện chưng phép ấy cho tinh,
Gặp thời âu ất nên danh phỉ nguyên.
510. Đòi này sanh những người hiền,
Đó dùng đối trá có nên ích gì!
Lại khuyên kẻ tri cơ quân tử,
Chớ thấy thế ngại chí mà buồn.
Chớ nề bạch ốc chu môn,
515.Rồng mây cả hội dành còn về sau.
Hãy công nặng sức đèn dầu,
Hãy công kết nghĩa bạn theo người hiền.
Một mai ra gặp cơ duyên,

Quân thần cả nước bán thiên vui vầy.
520. Tâm truyền chép để cho hay

Suy gẫm mới biết sau này mặc ai
Lại nói sự tướng tài phụ tá
Ứng mỗi vì cửu tọa tam thai.
Đặt làm tứ trụ đầu ngôi

525. Bắc tam nam nhất trong đời dậy danh

(Tiên Du huyện, Núi Nguyên xã; Bảo Lục huyện, Phú Châu xã cư tại Tức Mặc xã; tánh Trần. Đông Ngạn,
Uy Nỗ xã, Thanh Trì huyện, Quang Liệt xã, tánh Võ) (42)

Kim Cang, Bát Bộ tướng tinh,
Đem binh ra sức chống thành Việt Nam.
Đồng thời Nguyễn thi, Nam Nghiêm,
Đào thời, Giang Việt, xã Hoàng Châu kim.

530. Lưu Lang, An Lão khác tìm, (Tâm thường dã)

Chàng Chậu, Bạt Lộc âm âm dậy vang.
Thiên hương bay nức họ Lương,
Cấu Sanh, Lan Xá, đón chàng Võ Công.

(Đông Di huyện, Lộc xá xã, Nguyễn.
Nam Anh huyện, Hoàng Đồng xã, Nghiêm.
An Việt huyện, An Giang xã, Đào.
Kim Đồng huyện, Hoàng Vân xã, Chu.
Lão An huyện, Lão An xã, Lưu.
Bất Bạt huyện, Khang Bảo xã, cải Phùng thị.
Thiên Bản huyện, Cao Hương xã, Lương.
Thanh Lan huyện, Ca xá xã, Võ) (43)

Đến bốn bảy vị trong tinh tú,
535. Đôi mươi tám hiền phụ rập vai.
Giác nguyên sao trước rạng soi,
Lê nay Đông Vệ, Lương ngôi Nam Đường.

(Đông Sơn huyện, Đông Vệ xã, Lê.
Nam Đường huyện, Nam Đường xã, Lương.) (44).

Gia tiên Phùng, Lý, Đào Dương,
Cơ, Tinh liềm sánh mấy hàng Tinh, Nguy.
(Gia Lâm, Lý, Phùng nhị tánh; Tiên Du, Đào, Dương nhị tánh) (45)
540. Họ Đoàn Chân Lũng cật thời, (Nam nhân, Sa Lũng)

Cầm quyền thủ tướng an bề Việt Nam. (45b)

Ứng vị Sâm, An, Nghi nhị huyện (An Lão xá, Nghi Dương huyện, Võ) (46)

Mão nhật kê lương Võ Thủy dao (Lương Võ huyện, Dao Thủy xã, Võ. (47)

Hư Trương thái rạng đôi sao,

545. Cầm Lương tài lạ ứng sao điều Trần (Cầm Giang huyện, Trần; Lương Tài huyện, Trần).(48)

Sao Giao, An Viễn họ Thân, (An Viễn huyện, An Viễn xã) (49)

Khuê tinh giáng khách Tây Chân Nguyễn tài.

Hoàng cùng Nguyễn đôi người cỡi phụng

Sao Nữ Vỹ tương ứng Phàn Long

550. Ngụy Chủy ,Châu, Dực, Hoàng, Phòng (Chủy, Dực: Hoàng thị, Châu thị nhị tánh) (50)

Đôi An, Đại Ý càng nông càng ghê.

Lưu, Lê đều ứng Lâu, Đê,

Một quê Hữu Lũng, một quê Na Ngạn. (Ô Sơn huyện HoàngNguyễn; Ý Yên huyện đồng Hoàng; Đại Yên huyện: Phạm; Hữu Lũng huyệnLưu; Đông NgạnLê (51)

Tâm Nguyệt Cơ Thán Sơn họ Đặng,

555. Quý Kim dương thực đáng họ Vương (Kim Sơn huyện: Vương)

Thất Trư Trường Tân họ Hoàng (Trường Tân huyện)

Từ Liêm họ Quách sao Cang.

Lưu Ngư Na Ngạn, Bích Trừ, Chân Lưu.

Ứng vì sao Đẩu, chằng Châu Lương Tài

(Từ Liêm huyện, Đông Ngạn xã: Quách; Lương Tài, Địch Sứ xã:Châu, Đông Ngạn huyện: Lưu) (52)

560.Sao nhiều ứng đẩu tinh liệt vị

Cấu tinh anh hùng khí tiền nhân.

Bầy ngôi phụ bật tướng quân,

Nguyễn Lưu Tiên ấp kinh luân mối giềng(giườg).

Võ Châu còn ứng vượng phương,

565. Thán thời có Nguyễn cùng Đường Hoàng Lưu.

(Tiên Du huyện: Nguyễn; Thán Sơn: Nguyễn; Đường An huyện Tô Võ Châu)(53)

Võ kia hai Võ tài ưu.

Đểu làm tướng sủng giúp phò quốc gia.

(Linh Loại huyện, Võ;Võ Ninh huyện:Võ) (54)

Trần Khiêm cùng Tư Trần là

Một quê Chân Định, một nhà Thanh Lan.

570.Dương Khúc đôi ứng một đoàn

Lại khen chàng Nguyễn có trang trung thần.

(Nghi Dương huyện, Khúc Xuân xã:Nguyễn) (55)

Đông Tây sao Đẩu xoay vắn,
Nam Bắc tầm Lý Trần biệt mặc cố hương.
Một quê thời ở Quế Dương,
575. Một người ở lại miền Trương Hiệp Hòa
(Quế Dương huyện, Hoa Vi xã: họ Trần. Hiệp Hòa huyện, (Quế Dương huyện, Kỳ Sơn xã: họ Lý) (56)

Mỗi người đều ứng một tòa,
Vệ triều Tử Phủ vào ra Cẩm Đình.
Bảy mươi hai võ tộc tướng tinh,
Tiên Du nhiều tướng hiển vinh.
580. Trong làm tiền hậu, ngoài kinh trập trùng.

Đào tươi, Dương tốt thực dòng,
Đôi Lưu, năm Nguyễn, hợp cùng sáu Lê.
Đôi gia đồng chủng một bề
Chủ tinh cùng ứng cùng đều giáng sinh.
585. Ra tay nguyệt phủng thiên kinh,
Kẻ đành họ Lý, người đành họ Vương.
Đôi ngàn nhiều cũng khác thường,
Ứng chưng thiên mã ,kinh dương mỗi vì.
Hoa Trương thị, Nguyễn Chấn Lê,
590. Sao Cơ họ Lý, sao Kim họ Bùi.

Thả Kim Lộc những tài lương đồng,
Hai họ Trần đều chống cả hai.
(Kim Hoa huyện, Mỹ Lộc xã: Trần; La Lộc xã:Trần) (57)

Thanh Đàn, Na ngạn, Thanh Oai
Lưu, Nghiêm, Nguyễn Phạm nên trai anh hùng.
595. U châu Nguyễn ứng Thiên Đồng,
Thiên Lương họ Võ ở dòng Võ Minh.
Thư Trì Phùng Đặng lưỡng khanh,
Ứng sao Thất Sát có tình Tham Lang.
Nguyễn Nam Tinh cùng Hoàng Dao Thủy,
600. Thiên Dũng Thế (Yên Dũng, Yên Thế) đôi phương là thường.

Nghi Dương xã Nguyễn BÙi Vương đắ,
Dương Lương Tạ Thanh Lan Lê Bùi.
Phụng Tiên, Hữu Lũng, Thiện Tài,
Phạm Chu Lý Nguyễn từng trai bày hàng.
605. Tướng Ngạn Sơn ngọ ngang càn gạ
Nguyễn danh công cùng Tạ danh công

Trường Tân sao ứng một dòng
Lê Trần đôi họ cùng thông một đoàn.
Từ Liêm, HƯơng Cát, Âu Lan.

610. Đón chàng Lê Nguyễn có gan mới bền.
Nội nhân diễm võ tương hiền,
Nguyễn miền ở Thẩm, Lê miền ở La.

Hữu tướng, phi tướng ai qua,
Ninh Đông có Phạm, Hợp Hòa có Lê

615. Sao Thiên Mã giáng sinh cấu khí
Độ nhị lang có chí ai qua.

Vác dao có Nguyễn vào ra,
An Lang họ Nguyễn, Nhạc là họ Lê
Lập Thạch cũng đấng hiền Lương
620. Linh tinh hạn thiết Đào Lang chẳng ngờ.

Thiên Mã tướng tinh mãnh đạn
Thân Đắc Hán cùng Lý Quỳnh Khanh,
Võ thị họ Đào, Cầm Giang Sơn Vi.

Lại có Trịnh Hoàn các khanh,
625. Bấy nhiêu ứng sở vị tinh
Đều làm vương tá thánh minh phù trì.

Cùng nhau những tướng trí nhỏ,
Gặp thời cũng được phong lưu sang giàu.
Ở nhưng chưa dễ nên đầu

630. Có đất, có phước mới hầu mong nên.
Dựa xem chép làm một thiên
Hậu sanh nghiệm trước mới sanh cơ trời.

Ấy lòng trời thái bình mới biết
Điềm tượng trời vốn đã định xưa.

635. Tình cờ chẳng phải tình cờ
Ngôi trời đã định lọ cầu thạch bi.

Long vĩ xà đầu khởi chiến tranh,
(Tự thìn niên thập nguyệt chí tị niên tứ nguyệt) (58)

Mã đề túc tận hưu binh. (Tự ngọc niên lục nguyệt chí vị niên thập nhị nguyệt) (59)

Nhất sĩ thị tri anh hùng tận,

640. Thân đậu niên gian hưởng thái bình (Thân niên nhị nguyệt, đậu niên thập nguyệt) (60)

Thi vân:

Ngũ thập tam đoàn bách mộc khô,
Tân niên thổ ám tảo thành đô
Song luân binh xuất sơn hà ướ
Nhất thổ nguy khai nhật nguyệt vô.

Thi vân:

645. Lưỡng mộc tương ma hỏa tự sinh
Chi phân... đoạn khởi đao binh
Ngũ hồ đồng tách thiên nguyên khí
Biến thế nhân gian hưởng thái bình.

Thi vân:

Nhị tam diệt tác diệu thiên công,
650. Tứ hải du niên hỗn nhất đồng.

Nhật nguyệt kê minh thường xuất mảo,
Thổ trung ta ức phí từng phong.

Thi vân

Hoàng giang phún thủy tại nguyệt thành
Thùy thức thiên tâm dĩ triệu tường.
655. Tây lãnh... nhiên cao kỳ trượng
Khuyên võ kinh khẩu bất thương nhân.

Thi vân:

Thế thường lục thất nguyệt niên gian,
Bất tín tu cầu na sự khan
Thái nhĩ thiên tâm lương nghi
660. Khuynh quỳ xứ xứ cửu nhai hoan.
Huyền cơ thùy thức am minh trung
Chỉ phong nghiêm siêu nhân ý trung.
Chuyển vận tự văn đoài lạc địa
Tuần hoàn hựu kiến khảm cư cung

Hựu:

665. Hữu vô vô hữu thực đa đoan,
Bất tín tu cầu na sự khan.
Đông dĩ hướng khai tùy diệt tác
Tuần hoàn hựu kiến nhật tiền khan.

Thi vân:

Thiên hạ phân phân nhiều nhiều nưong,
670. Thùy tri thánh đế tại hà phương.
Hiền nhân dục thức vi thần phụ
Bất tại man hương tại địch hương.

Nhất tự tam nhân đồng,
Nguyệt vô thủy vô hỏa
675.Thử thánh nhân cho danh.

Hữu thi
Giang đông ngạn thượng đản tầm thường
Bị khởi trần lãng tác đế vương.
Thiên hạ đô lai quy nhất thống
Thử niên xuất trị vĩnh diên trường.

Hữu thi
680.Hòa hiền thố nhân thú mộc dương
Thị thánh nhân thủy cung long đức
Ẩn vi sơn tự phụng hỏa thần,

Trư vận hưng vương thất
Niên gian lục thất tuần
685. Thế truyền thập lục điệp
Tộ lưu ngũ vạn xuân

Hựu:
Huyền trung thập tam khẩu dĩ chủ kiết chi nhân.

HẾT

XIN LƯU Ý

1. Các hàng chữ nghiêng trong ngoặc đơn là chú của tiền nhân đã ghi sẵn trong bản nôm.
2. Bản này do Phùng Khắc Khoan viết nhưng từ câu 188 cho đến 464 giống bản Sở Cường-Mai Lĩnh từ câu 1 đến 280 mặc dầu khác biệt một vài chữ ("Vận lành mừng gặp tiết lành "... . . . Càng bền thế nước Vạn Xuân lâu dài")

CHÚ GIẢI

- (1). Thuận Đức: Mạc Kính Hoàn hay Mạc Kính Vũ (1638-1677) là con của Mạc Kính Khoan lên ngôi đặt niên hiệu Thuận Đức , năm mậu dần (1638) - đình tị (1677).
- (2). Canh tý (1540). Mạc Đăng Doanh mất năm canh tý (1540), con là Mạc Phúc Hải lên ngôi. Năm này Nguyễn Kim khởi binh đánh Nghệ An, mở đầu cuộc trung hưng nhà Lê.
Trong câu này có hai chữ " vận" và " nguyên".
Theo lịch số Ấ Đông, thời gian xoay chuyển. Mỗi hoa giáp (60 năm) là một nguyên. Khởi đầu là thượng

nguyên, đến trung nguyên rồi hạ nguyên. Hết hạ nguyên đến thượng nguyên, trung nguyên, cứ như thế mãi.

Mỗi nguyên lại chia ra vận, mỗi vận 20 năm.

Theo độn giáp, cách tính như sau:

- Can Giáp Kỷ gia với Tý Ngọ Mão Dậu là Thượng nguyên
- Can Giáp Kỷ gia với Dần Thân Tỵ Hợi là Trung nguyên
- Can Giáp Kỷ gia với Thìn Tuất Sửu Mùi là Hạ nguyên

Do cách tính này, người ta biết cát hung, thịnh suy, bỉ thái.

Có nhiều sách Tử vi, lý số ghi rõ các nguyên vận:

Ví dụ

THƯỢNG NGUYÊN:

- * Vận 1: từ năm 1864- 1883
- * Vận 2: từ năm 1884- 1903
- * Vận 3: từ năm 1904- 1923.

TRUNG NGUYÊN :

- * Vận 4: từ năm 1924- 1943
- * Vận 5: từ năm 1944- 1963
- * Vận 6: từ năm 1964- 1983

HẠ NGUYÊN:

- * Vận 7: từ năm 1984- 200
- * Vận 8: từ năm 2004- 2023
- * Vận 9: từ năm 2024- 2043

Theo cách tính của Phùng Khắc Khoan, năm canh tí (1540) là khởi đầu trung nguyên.

Ngoài Tam nguyên còn có Tam Kỳ. Nhiều số gia, đạo gia, trong đó có Cao Đài giáo cho rằng từ trước đến nay có ba thời kỳ, là nhất kỳ, nhị kỳ và tam kỳ (Tam kỳ phổ độ). Nay nhân loại đang ở tam kỳ là thời kỳ cuối cùng.

Nhứt kỳ Phổ độ

Là thời kỳ hình thành nên các tôn giáo trên thế giới. Thượng đế đã hình thành các tôn giáo khác nhau để phù hợp với đặc điểm đó và đã mặc khải cho các đệ tử đầu tiên thay mặt Thượng đế để truyền đạo: Các đệ tử đó là: Nhiên Đăng Cổ Phật mở Phật giáo ở Ấn Độ. Thái Thượng Đạo Tổ mở Tiên giáo ở Trung Hoa. Phục Hy khởi đầu Nho giáo ở Trung Hoa; Thánh Moise mở Do Thái giáo ở nước Do Thái.

Nhị kỳ Phổ độ :

Cao Đài giáo cho rằng sau một thời gian, các giáo lý được Thượng đế truyền dạy đã bị các tín đồ diễn giải sai lạc. Vì vậy, Thượng đế một lần nữa đã truyền dạy cho các đệ tử của mình ở các nơi trên thế giới, thực hiện hiện vụ chấn hưng nền đạo: Các đệ tử đó là: Phật Thích Ca, Thái Thượng Lão Quân ,Khổng Tử , Chúa Jesus Christ ...

Tam kỳ Phổ độ:

Với sự phát triển, xu hướng tất cả các tôn giáo đều hợp thành một tôn giáo duy nhất dưới quyền cai quản Thượng đế, được Thượng đế điều hành, truyền giảng trực tiếp cho các tín đồ thông qua hình thức cơ bút. Đó chính là đạo Cao Đài.

(3). Đồng ca truyền từ đời Lê Đại Hành (980-1065) : " Thụ căn.. . thái bình". Câu đầu có sách phiên âm là " yếu yếu". Phùng Khắc Khoan đã giải thích ở dưới.

(4). Hòa đao mộc là chữ Lê 梨. Lê Đại Hành (941 – 1005) là vị vua đầu tiên của nhà Tiền Lê, trị vì từ 980 đến 1005. Lê Long Đĩnh lên ngôi từ 1005 đến kỷ Dậu (1009), hai triều tổng cộng 29 năm.

(5). Thập bát tử là nhà Lý 李. Nhà Lý làm vua 9 đời. Lý thái tổ (1010- 1028) mở đầu đến đời Lý Chiêu hoàng (1225) thì truyền ngôi cho Trần Cảnh, tổng cộng 216 năm.

(6). Đông A 陳 : nhà Trần. Nhà Trần làm vua 12 đời, khởi đầu từ Trần Thái Tông (1225-1258) đến Trần Thiếu Đế (1398-1400)/ được 175 năm.

(7). Dị mộc: nhà hậu Lê. Lê thái tổ (1428- 1433) dựng nhà Lê đến Cung Hoàng gồm 10 đời vua dài 100 năm.

(8). Chấn cung hiện nhật : chỉ nhà Mạc 莫 trong chữ Mạc có chữ nhật 日 . Chấn là phương Đông. Quê Mạc Đăng Dung ở Hải Dương xưa gọi là tỉnh Đông.

(9). Đoài cung: chỉ họ Trịnh 鄭. Họ Trịnh quê ở Sóc Sơn, huyện Vĩnh Lộc, tỉnh Thanh Hóa. Thanh Hóa là Tây đô (Thăng Long là Đông đô)

(10). Lục thất 六七: nhà Nguyễn (lục thất dùng thay 陸室, chữ lục gần giống chữ 阮 Nguyễn)

A. Đoạn trên từ câu 25 cho đến câu 85 "Những xưng xe phù Lê diệt Mạc/Cái oan gia người khác giết nhau." là nói sơ lược lịch sử nước ta từ Đinh cho đến Lê Mạc chiến cuộc.

(11). Tân vị (1571). Tác phẩm này viết năm 1571, lúc tác giả 45 tuổi. Năm 1570, Nguyễn Hoàng vào trấn thủ Thuận Hóa. Cùng năm này, Trịnh Kiểm mất, hai con là Trịnh Cối, Trịnh Tùng tranh ngôi, Trịnh Cối hàng Mạc. Năm 1592, Trịnh Tùng chiếm Thăng Long. Năm 1557, Phùng Khắc Khoan ra thi Hương ở triều Lê, đỗ đầu, được Trịnh Kiểm giao việc, nhưng sau bị đày đi Thành Nam (huyện Con Công, Nghệ-An), rồi được phục chức, mãi đến 1580 mới thi Hội, đỗ thứ hai. Như vậy, bản Sấm ký này, Phùng Khắc Khoan viết khi phục vụ nhà Lê, dưới quyền họ Trịnh.

(11b). Thầy Sãi, ông nghề: Sãi vương, chúa Sãi Nguyễn Phúc Nguyên (1613-1635). Chữ Nôm Sãi vốn là chữ Sĩ 士

B. Từ câu 95, tác giả nói về các việc xảy ra sau đời vua Lê chúa Trịnh.

(12). Đại Minh, An Nam triều hội.

Cửu cửu càn khôn dĩ định,

Thanh minh thời tiết khai hoa.

Nghi đáo ngư đầu quá mã.

Hồ binh bát vạn hồi gia.
(Câu 159-163)

Đoạn này nói về việc quân Mãn Thanh sang Việt Nam rồi bị vua Quang Trung đánh tan. Lê Chiêu Thống chạy sang Trung Quốc, cầu viện hoàng đế nhà Thanh là Càn Long. Cuối năm 1788, Càn Long sai Tổng đốc Lương Quảng Tôn Sĩ Nghị chỉ huy 20 vạn quân Thanh hộ tống Lê Chiêu Thống về Đại Việt với danh nghĩa “phù Lê”, vào chiếm đóng Thăng Long. Nghe tin báo, ngày 25 tháng 11 năm Mậu Thân (22 tháng 12 năm 1788), Nguyễn Huệ xuất quân tiến ra Bắc Hà.

Cánh quân của đô đốc Long tập kích đồn Khương Thượng khiến quân Thanh không kịp trở tay, hàng vạn lính bỏ mạng. Chủ tướng Sâm Nghi Đống tự vẫn. Hồ binh là quân Thanh, ngưi đầu quá mã nghĩa là trong khoảng tháng chạp (trâu, tháng sửu) đến tháng năm (ngọ, mã) thì quân Thanh chạy về nước. Thanh minh thời tiết khai hoa: Thanh minh là tiết trời đẹp, muôn hoa đua nở. Cuối chạp đầu tháng giêng lky dậu (1789) à mùa hoa nở. Phải chăng quan Thượng muốn ám chỉ quân Thanh (1644-1659). Lúc quan thượng thư còn sống thì thuộc nhà Minh.

Đoạn này rõ ràng là nói sự chiến tranh giữa Việt Nam và nhà Thanh (Đại Minh, An Nam triều hội). Nhưng đoạn này vẫn có ở các bản khác, như bản Sở Cường, Mai Lĩnh, chỉ khác vài chữ:

410. Cữu cữu kiên khôn dĩ định (38)
Thanh minh thời tiết hoa tàn
Trực đáo dương đầu mã vĩ
Hồ binh bát vạn nhập trường an.

Và bản Trịnh Vân Thanh
165- Cữu cữu kiên khôn dĩ định
Thanh minh thời tiết hoa tàn
Trực đáo dương đầu mã vĩ
Hồ binh bát vạn nhập Tràng An.

(13). Ngũ thập tam bách mộc khô: không rõ
Thành đô trắng mờ. Non sông ô ố
Nhất sĩ nghi hồ nhật nguyệt vô.: không rõ.
Nói chung là đất nước tối tăm.

(14). Lược dịch:
Tùng bách mọc xanh xanh.
Đoàn quân đồng chinh tung hoành.
Thiên tử xuất hiện ở sông Bửu (không rõ Bửu giang ý nghĩa gì)
Không đánh mà đại thành

(15). Thiên khí thương thương địa khí hoành,
Nguyễn gia sanh đắc nhất nam lang.
Quốc quân thời chánh thiên hạ định,
Nhất tịch thanh sàng lập kỷ cương.

Lược dịch:

Khí trời đất mệnh mang
Họ Nguyễn sinh một chàng
Sẽ ổn định đất nước
Sẽ lập lại kỷ cương.

(16). Giang thái thủy hồng đa tài tật,
Lục nguyệt huỳnh hoặc tại sửu phương.
Sửu phương là phương bắc.

Sông dâng nước lụ, phương bắc (sửu phương), tháng 6 loạn.

(17). mạ: Tiếng cổ, cũng ghi là mạ, mưa nghĩa là chẳng, không.

(18). Đoạn 186-205: Đoạn này như là mở đầu của một quyển sấm khác, sơ lược lịch sử Việt Nam từ khởi đầu đến Lê và Mạc.

(19). Đoạn 265-270, nói việc quân Thanh sang xâm chiếm, Việt Nam cuối năm mậu thân (1788) đầu năm kỷ dậu (1789).

(19b). Phù Lê diệt Mạc...(Chú trong nguyên bản :Thác Mạc chỉ trịnh : nói họ Mạc để ám chỉ họ Trịnh. (Tây Sơn Nguyễn Huệ đem quân ra Bắc lấy danh nghĩa phù Lê diệt Trịnh. Phùng Khắc Khoan làm quan đồng triều với họ Trịnh nên thác ra họ Mạc).

285. Cát lằm bốn bể can qua

(20). Anh (Nguyễn) thì chẳng được hóa(sẽ) ra lại về. Nói việc Nguyễn Huệ đem binh ra Bắc diệt Trịnh phù Lê năm 1786. Nghe tin Nguyễn Huệ ra Bắc ,anh là Nguyễn Nhạc lập tức ra Bắc nhưng rồi lại về tay không. (Nguyễn Huệ chiến Thắng, được làm phò mã, được vàng bạc châu báu, còn Nguyễn Nhạc chẳng có gì!)

(21). Rới: Rới, rười, giới là rau.Người ta cũng nói rau rới. Phải chăng do chữ芥 giới là rau?

(22).Sấm (Chữ) rằng lục thất nguyệt gian

Ai mà nghĩ được mới gan thánh (anh) tài

Hễ nhân doãn (kiến) ai về (đã dời) đất cũ

Thì phụ nguyên mới lữ (trở) binh ra (SC. 120)

Nhân Doãn: Chỉ Chiêu Thống. 統 trong chữ thống có chữ Doãn允 (Duẫn).Khi vua Chiêu Thống về nước thì quân Nguyễn ra đánh phương Bắc. Nguyễn Huệ hay sau đó Nguyễn Ánh?

Nhân Kiến cũng chỉ Lê Chiêu Thống vì tên ông là Lê Duy Khiêm 黎維謙 . Chữ Khiêm 謙 trong có chữ một phần chữ Kiến 韃 , 建 . Khi Lê Chiêu Thống theo quân Thanh chạy sang Trung Quốc, bỏ Thăng Long, sau

đó thì Nguyễn Huệ đem binh đánh tan quân Thanh, và một thời gian nữa thì Nguyễn Ánh đem binh ra đánh tan Tây Sơn, thống nhất đất nước.

(22b).Song thiên: chỉ người tuổi quý mao. Chữ quý 癸 chiết tự thành song thiên.

(23).Ngôn hổ tướng tàn ngược, quốc gia bại loạn tại vu thử thủ dã, nhất vu thân niên thân nguyệt, thân nhật thân thời, vĩ tinh xuất thân phương, thiên hạ đại loạn dã.)Các tướng quân hung bạo, đất nước loạn lạc. Năm thân, tháng thân, ngày thân, giờ thân có sao chổi mọc, báo điềm đại họa.

(24).Ngôn xuất lâm hiểm xứ, nội hữu thiên thời, địa lợi, nhân hòa, khả dĩ ẩn thân dã. Nhất vân Thái Nguyên, sơn động trù ngạn nhất hiểm dã; Vị Khê sinh thánh, nhị hiểm dã;Đoài phương tịnh thất khu hiệu phục man đắc tam hiểm dã.

Nơi Tam hiểm:Nói việc vào rừng núi hiểm trở ẩn thân. Nơi này có đủ các yếu tố thiên thời, địa lợi và nhân hòa. Địa điểm thứ nhất là Thái Nguyên, có sơn động hiểm trở, thứ hai là Vị Khê là nơi sinh thánh (?), thứ ba phương tây (Đoài) có tịnh thất.

(25).Ngôn chung dụng tiểu nhân bị tái phong hầu, dĩ phòng thất sách dĩ thử phá lỗ dã. (Nói về đất nước loạn lạc, bọn tiểu nhân xưng hùng xưng bá.

(26).Mạc thị loạn thế cử binh phục thù, tam đạo đồng tiến cố dã)(26) Họ Mạc đem ba đạo quân đồng tiến để báo thù.

(27). Họ Nguyễn đem binh báo thù. Đoạn này nói về đời Mạc. Nguyễn Kim đánh Mạc.

(28). Tháng mười ta, mùa đông, năm thân, quân phương Bắc ba đạo tấn công. Phải chăng nói việc quân Mãn Thanh vào Thăng Long năm mậu thân 1788?.

(29). Hỏa tai khắp nước vào tiết thân.(Phải chăng tiết lập thu vào tháng bảy ta?)

(30).Ngôn quần hùng khởi binh trí chiến dã. Quần hùng nổi khắp nơi.

(31). (Ngôn hợi niên thiên hạ đại loạn, tử giả thập phần tồn nhất) : Năm hợi, thiên hạ đại loạn, bốn phần còn một.

(32). (Ngôn nhâm tí thập tánh xưng vi tứ sứ quân, nam phương hữu tứ, bắc phương hữu nhị, tây phương hữu tam xưng vi trưởng quân dã). Đời Mạc, năm nhâm tí, mười người nổi lên, xưng sứ quân. Nam phương 4, bắc 2, tây 3.

(33). (Thái nguyên một giải góc nơi trụ đình/Ngôn sơn động kỳ phong khả dĩ dung thân) . Nói về Thái Nguyên có sơn động kín gió có thể nương thân.

(34). (Ngôn Thái Nguyên đa sơn diệc hiểm, Tản Lĩnh khả dĩ dung thân bảo toàn): Thái Nguyên, Tản Viên là nơi dung thân tốt.

(35).(Phá điền thiên tử xuất, Bất chiến tự nhiên thành). Phá điền có người giải thích là năm sửu. Năm sửu nào?

(36). (Ngôn Lý thị viên tinh thành khí kỳ hậu đắc đạo, thu đồng chú An Nam tự khí dĩ vi bửu đồ giả dã) . Truyện kể rằng, vào thời nhà Lý (thế kỷ 13) ở thành Đại La (Hà Nội) có một nhà sư pháp thuật cao cường tên là Không Lộ, tên thật là Dương Minh Nghiêm. Một ngày kia, sư Không Lộ lên đường sang Trung Quốc, mang theo một cái túi nhỏ. Nhà sư xin yết kiến vua nhà Tống, để quyên một ít kim khí, đựng trong một túi vải nhỏ đem về đúc thành tượng Phật. Ông có pháp thuật khiến cả kho kim khí Trung Quốc đều bị thu vào bao của ông. Lý thị là vào đời Lý.

(37). (Ngôn quá Cổ Loa đắc thử thần khí) .

Nói chuyện nõ thần thời Trọng Thủy, Mỹ Châu.

(38). Lục thất cho biết ngày dầy (rày)

(Ngôn Nguyễn thị sanh ư bắc phương, cư tại Sơn Tây xứ).

Phụ nguyên ấy thực ở miền (rày) Tào Khê (SC. 260)

Lục thất là họ Nguyễn ở phương Bắc, sống ở Sơn Tây.

(39). 445.Có thầy Nhân thập đi về

Tả phụ hữu trì cây cỏ làm binh

(Ngôn thiên sanh ngộ tuế, tôn vi sư phó chi vị nhậm trọng kinh dinh dĩ thành vương nghiệp).

Ở đây chú rằng Nhân Thập là người tuổi ngộ làm sư phó, giúp vua thành vương nghiệp.

Trong lịch sử ta, từ đời Lê Lợi cho đến sau này, chưa có người Sơn Tây họ Nguyễn làm vua xây dựng một nước Việt Nam thịnh trị dài lâu.

(40). (Ngôn cử binh phạt Bắc Hồ phục dẫn thể bản cựu) . Đem quân ra Bắc, thù phục giang sơn: Phải chăng Nguyễn Ánh?

(41). (Xuất thái ất kinh lục thập tam quyển, trạch đắc Thiên nguyệt đức hướng bắc phương thiết đàn tế thiên địa thánh thần ngũ tướng các thần, luyện thiên thánh hoàn dĩ tẩy khí giới huệu sanh thập ác cửu xú nhật hướng bắc phương tế ngũ tướng, tái tự thiên thần, nhất hoàn dĩ tẩy khí giới khả dĩ miễn nhất thân chi nạn)

Lược dịch:

Theo sách Thái Ất thần kinh quyển 63 (sách dạy quân sự, bói toán, Thiên Văn Địa Lý), chọn ngày Thiên Đức, Nguyệt Đức, lập đàn trường, hướng phương bắc, tế trời đất và các thần linh, và ngũ tướng, rồi luyện thiên thánh hoàn để rửa khí giới, rồi chọn ngày thập ác cửu xú, hướng phương bắc tế ngũ tướng, và các thiên thần , làm một viên thuốc để rửa khí giới, để bảo vệ thân thể khỏi tai nạn.

C. Từ câu 525. : "Bắc tam nam nhất trong đời dầy danh " cho đến đoạn sau, tác giả nói về các văn quan và 72 tướng. Người ta tin rằng các văn võ tướng xuất hiện ở đời là từ các sao trên trời ứng hiện. Các võ tướng và văn quan đều ứng vào các sao như Tam thai, Cửu Tọa:, Kim Cang, Bát Bộ, và nhị thập bát tú. Nhị thập bát tú (二十八宿)

+Đông phương Thanh long (青龍):

Giác (角) · Cang (亢) · Đê (氏) · Phòng (房) · Tâm (心) · Vĩ (尾) · Cơ (箕)

+Nam phương Chu tước (朱雀): Tinh (井) · Quỷ (鬼) · Liễu (柳) · Tinh (星) · Trương (張) · Dực (翼) · Chấn (軫)

+Tây phương Bạch hổ (白虎): Khuê (奎) · Lâu (婁) · Vị (胃) · Mão (昴) · Tất · Chủy/Tuy (觜) · Sâm (參)

+Bắc phương Huyền vũ (玄武): Đấu (斗) · Ngưu (牛) · Nữ (女) · Hư · Nguy (危) · Thất (室) · Bích (壁) (畢) (虛)

42. Các vị sao. Các vị sao ứng vào bốn vị quan đầu triều (tứ trụ đại thần): Bắc ba vị, Nam một. Huyện Tiên Du, xã Núi Nguyệt; huyện Bảo Lục, xã Phú Châu ở tại Tứ Mặc có hai ông họ Trần. Huyện Đông Ngạn, xã Uy nỗ; huyện Thanh Trì, xã Quang Liệt: hai ông họ Võ.

(Tiên Du huyện, Núi Nguyên xã; Bảo Lục huyện, Phú Châu xã cư tại Tứ Mặc xã; tánh Trần. Đông Ngạn,

Uy Nỗ xã, Thanh Trì huyện, Quang Liệt xã, tánh Võ)

(43). Những vị tướng xuất hiện ở các huyện xã:

Đông Di huyện, Lộc xá xã, Nguyễn : họ Nguyễn ở huyện Đông Di, xã Lộc Xá

Nam Anh huyện, Hoàng Đồng xã, Nghiêm: Họ Nghiêm ở huyện Nam Anh, xã Hoàng Đồng.

An Việt huyện, An Giang xã, Đào: Họ Đào ở huyện An Việt, xã An Giang.

Kim Đồng huyện, Hoàng Vân xã, Chu. Họ Chu ở huyện Kim Đồng, xã Hoàng Vân.

Lão An huyện, Lão An xã, Lưu. Họ Lưu, huyện Lão An, xã Lão An.

Bất Bạt huyện, Khang Bảo xã, cái Phùng thị. họ Phùng ở huyện Bất Bạt, xã Khang Bảo.

Thiên Bản huyện, Cao Hương xã, Lương. họ Lương ở huyện Thiên Bản, xã Cao Hương.

Thanh Lan huyện, Ca xá xã, Võ: họ Võ ở huyện Thanh Lan, xã Ca Xá.

44. Đông Sơn huyện, Đông Vệ xã, Lê.

Nam Đường huyện, Nam Đường xã, Lương.

Họ Lê ở huyện Đông Sơn, xã Đông Vệ; họ Lương ở huyện Thanh Lan, xã Nam Đường.

(45). Gia Lâm, Lý, Phùng nhị tánh; Tiên Du, Đào, Dương nhị tánh : Ở Gia Lâm có họ Lý, họ Phùng; ở Tiên Du có họ Đào, họ Dương.

(45b). Họ Đoàn ở Chân Lũng làm thủ tướng. Nhưng trong lịch sử từ thời Trịnh Nguyễn cho đến nay chưa có người họ Đoàn làm thủ tướng Việt Nam và xây dựng Việt Nam hùng cường.

(46) .An Lão xã, Nghi Dương huyện, Võ: họ Võ ở huyện Nghi Dương, xã An Lão.

(47). Lương Võ huyện, Dao Thủy xã, Võ: họ Võ huyện Lương Võ, xã Dao Thủy .

(48). Cẩm Giang huyện, Trần; Lương Tài huyện, Trần: họ TRẦN ở huyện Cẩm Giàng, và huyện Lương Tài.

(49). Sao Giao, An Viễn họ Thân, (An Viễn huyện, An Viễn xã): huyện an Viễn, xã An viễn có họ Thân.

(50).Chủ, Dực: Hoàng thi, Châu thị nhị tánh: Sao Chủy , sao Dực ứng vào hai ông họ Châu , và họ Hoàng .

(51). Ô Sơn huyện Hoàng Nguyễn; Ý Yên huyện đồng Hoàng; Đại Yên huyện: Phạm; Hữu Lũng huyện Lưu; Đông Ngạn Lê:

Ở huyện Ô Sơn có họ Hoàng, họ Nguyễn; ở huyện Ý Yên có họ Hoàng; ở huyện Đại Yên có họ Phạm; ở huyện Hữu Lũng có họ Lưu; ở huyện Đông Ngạn có họ Lê.

(52). Từ Liêm huyện, Đông Ngạn xã: Quách; Lương Tài, Dich Sứ xã: Châu, Đông Ngạn huyện: Lưu) :Họ Quách ở huyện Từ Liêm, xã Đông Ngạn; họ Châu ở huyện Lương Tài, xã Dich Sứ; họ Lưu ở huyện Từ Liêm, xã Đông Ngạn).

(53). Tiên Du huyện: Nguyễn; Thán Sơn: Nguyễn; Đường An huyện Tô Võ Châu: họ Nguyễn ở Tiên Du; họ Nguyễn ở Thán Sơn; họ Tô, Võ và họ Châu ở huyện Đường An.

(54). Linh Loại huyện, Võ; Võ Ninh huyện Võ; họ Võ huyện Linh Loại, và ở huyện huyện Võ Ninh.

(55). Nghi Dương huyện, Khúc Xuân xã Nguyễn: họ Nguyễn ở huyện Nghi Dương, xã Khúc Xuân.

(56). Quế Dương huyện, Hoa VI xã: họ Trần. Hiệp Hòa huyện, Quế Dương huyện, Kỳ Sơn xã họ Lý: Tại huyện Quế Dương, xã Hoa Vi, có họ Trần; tại huyện Hiệp Hòa, huyện Quế Dương, xã Kỳ Sơn: có họ Lý.

(57). Kim Hoa huyện, Mỹ Lộc xã: Trần; La Lộc xã: Trần: Huyện Kim HOA, xã Mỹ Lộc có họ Trần; ở xã La Lộc có họ Trần.

D. Từ câu 590 đến 635 tác giả nêu tên các anh hùng ở các huyện xã
thí dụ :

Thanh Đàm, Na ngạn, Thanh Oai

Lưu, Nghiêm, Nguyễn Phạm nên trai anh hùng.

595. U châu Nguyễn ứng Thiên Đờng,

Thiên Lương họ Võ ở dòng Võ Minh.

Nghĩa là ở Thanh Đàm, Na, Ngạn, Thanh Oai có các họ Lưu, NGHIêm, Nguyễn , Phạm.; U châu có họ Nguyễn vốn là sao Thiên Đờng, họ Võ ở Võ Minh là sao Thiên Lương ứng hợp.

Trải các đời, chỉ có đời Mạc đến đời Trịnh Nguyễn và Tây Sơn nước ta nhiều nhưng qua nhiều thế kỷ.

Các anh hùng này thật ra là bọn thảo khấu, lẽ nào do nhị thập bát tú sinh ra?

Lại nữa, từ khi Nguyễn Hoàng vào Thuận Hóa mở ra cơ đồ mới thì anh hùng thiên hạ cũng chuyển về Nam như đám Tây Sơn, Ngô Văn Sở, Nguyễn Huỳnh Đức, Võ Tánh... đâu phải chỉ người vùng tam giác châu Bắc Việt?

(58).Long vĩ xà đầu khởi chiến tranh,

(Tự thìn niên thập nguyệt chí tị niên tứ nguyệt)

Từ tháng 10 năm thìn đến tháng 4 năm tị.

(59). Mã đề túc tận hưu binh. (Tự ngọ niên lục nguyệt chí vị niên thập nhị nguyệt): từ tháng sáu năm ngọ đến tháng chạp năm mùi thì ngưng chiến.

(60). Nhất sĩ thị tri anh hùng tận,

Thân dậu niên gian hưởng thái bình (Thân niên nhị nguyệt, dậu niên thập nguyệt)

Kẻ sĩ biết đó là các bậc anh hùng hết thời ; đến tháng hai năm thân, tháng mười năm dậu thì thiên hạ thái bình.

E. Các bài thơ sau, ý tứ sâu xa, khó dịch.

PHỤ LỤC III. BẢN QUỐC NGŨ MAI LĨNH



tờ bìa

Sấm Trạng-trình

Trạng - Trình, tức Nguyễn-Bình-Khiêm; mỗi tiếng dẫn bày là vì khoa lý-số của ông. Những câu sấm truyền lại, tình là đi thần-kính, nhiều điều đã linh-nghiệm. Về thay thời thế, rất là kỳ diệu, nên chỉ khi nào việc đã xảy ra, ta mới nghĩ những lời là huyền-bí ẩn-náo ở trong nhà. Dưới đây, chúng tôi trích trong Bạch-Vân thi-tập, — một tập thơ của Trạng-Trình, — rút ra những bài sấm truyền, để thí dụ các bạn đọc c

Những lời này, hoặc bằng chữ, hoặc bằng chữ, có nhiều ở trên (lời riêng của ông Bình-Khiêm, dẫn ngay trong thơ thuở trước) và nhiều tiếng cổ xưa, hơi khó hiểu, song chúng tôi nguyên-văn để các bạn dễ đường tra-cứn và suy xét.

1. Văn lãnh mệnh gặp tiết linh.
Thấy trong quốc ngữ tập hành nên cứu.
Mặt cầu là một nhiệm mầu.
Anh hùng gì n được, mới hĩa giá cao.
Trời vì sao máy chế thái-đế.
Thỏa trung tâm sự nhất phủ lên.
Việt-Nam khởi lộ gây nên.
Lạc-Lơng ra trị đương quyền một phương.
Thịnh suy hế thái chẳng thường.
Mỗi thời lại một nhà nhưng nên ở,
Đến Đàng-Hoàng là ngôi cửu-ngũ.
Mở hĩa-đế rồi so chớp tay,
Ngự đạo phát chế đổi thay.
Thập bát tử gây quyền đã một (số),
Đông Á hãm-vị nhi truyền.
Nam-phương kỳ mục hồng liên lại sinh,
Chấn-cung hiện nhật quang-minh.
Sông tay khảm chông trường thành bền chử,
Đoài-cung vũ rang trờng thu.

30. Ba tay mở lấy đê-đô vạn-toàn.
Sông cầu-thiên âm vãng hồng-quân,
Dưới làn trời ớn về sông-quan.
Sông sang muôn vật cầu quyền,
Ngũ không ai dễ chống chân giúp cho,
Kia liệt-vương khi tử đê ông.
Mặc công-cầu bực-ông tranh khôn,
Trời sinh ra những kẻ gian.
Mặt không đời gặp, mặt -ogon tham tài,
Áo vàng âm áp, đê bay.
30. Khi sai đắp núi, khi sai xây thành,
Lấy đạo-điền làm công thiên-bà.
Được mấy năm đã lờ rờng môn,
Còn yết gác-sch tranh khôn,
Vô-giá mở hội mông-tên làm chùa,
Cờ trời xem đi mở-đô,
Đã đã lại muốn mở đê cho người.
Ấy lòng trời sai lòng bất nhữn.
Số4 vạn dân cư gặp nạn tham.
Dưới trời giốc trư lo toan,
40. Những đư hĩa trư hĩa quan làm giũn.
Thống ra như làm mỗi phủ-quĩ,
Mấy trung-thiên có ý an dân.
Đưa nhân làm sự bất nhữn,
Đã nhân cứu bị, lại nhân đê con.
Đu đê chia rẽ kiến khôn.
Mỗi phương ưư mà khắp môn hĩa nhũn.
Vài sang giũn giũt người lấy của,
Sự sa chẳng một sự si đĩ,
Việc làm bất chính sai hĩa,
Mình ra bồng lại thấy thời bấy giờ.
Xưa trượng trư đĩ gia n trước,
Còn hung hĩa bạo ngược quả xưa.
Càng-phong cả sũm liũ trư.
Đĩ đũn Cũ-Khũc, cũ thũ thi-đĩ.
55. Ấy Tân-vương ưũ mũ chũng biũ,
Đĩ vũ đũn đĩ lại giũ đũ.
Lũn sũm trũt vũ đĩ vũ.

I. tr.770

Âm binh ở giữa sao bệ biệt dân.
 Thấy thánb-đồ tiếng kêu lưg-ông.
 Cũng một lòng trời chẳng khác nào.
 Xem người đương vãng chiêm bao.
 Nào đâu còn muốn vờ so thái-bình.
 Một gót thành lam tám chông quý,
 Đưa một lòng lữ lệ bại nhân.
 Bốn phương rờ rờ không-trần.
 Lãng khuơ mã-ô. Lang phôn diêm tuần.
 Tiếc là chông xúi dục tám họ.
 Giục khuơ loại thú cho tranh đua.
 Nhân danh chạp bát đầu đầu.
 Bấy giờ thiếu họ ở các công ché.
 Hàm giả lạc địa lỵch vô.
 Nào sao chỉ chỉ tìm về cổ hương.
 Chưa đợ mộng khôn tiêu tương.
 Nghi nhân ai đợ sủa sang một nươc.

65

(Còn nữa)

Dã in keng the thờ ba

HOC TIENG PHA

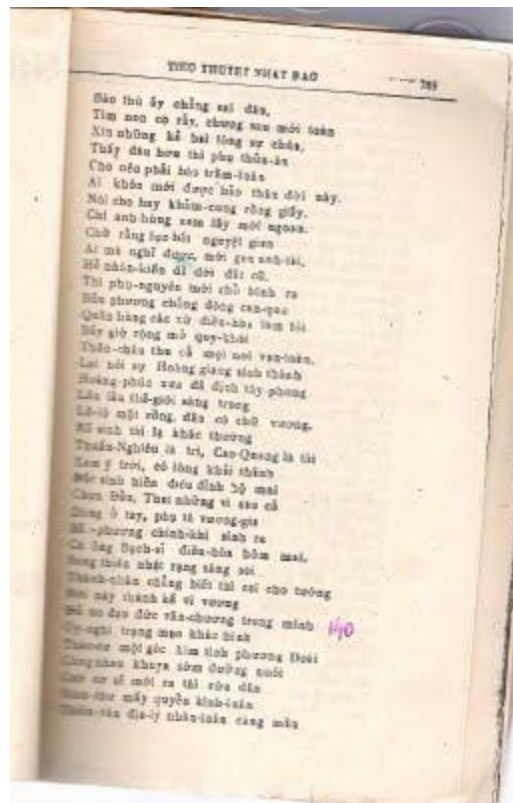
(Ecole pratique du Français)
 Quyển nhất ... 0500
 Quyển nhì ... 0500
 Các bài có h.1 cuốn ... 0540

Nhà in Mai - Liên - Hà

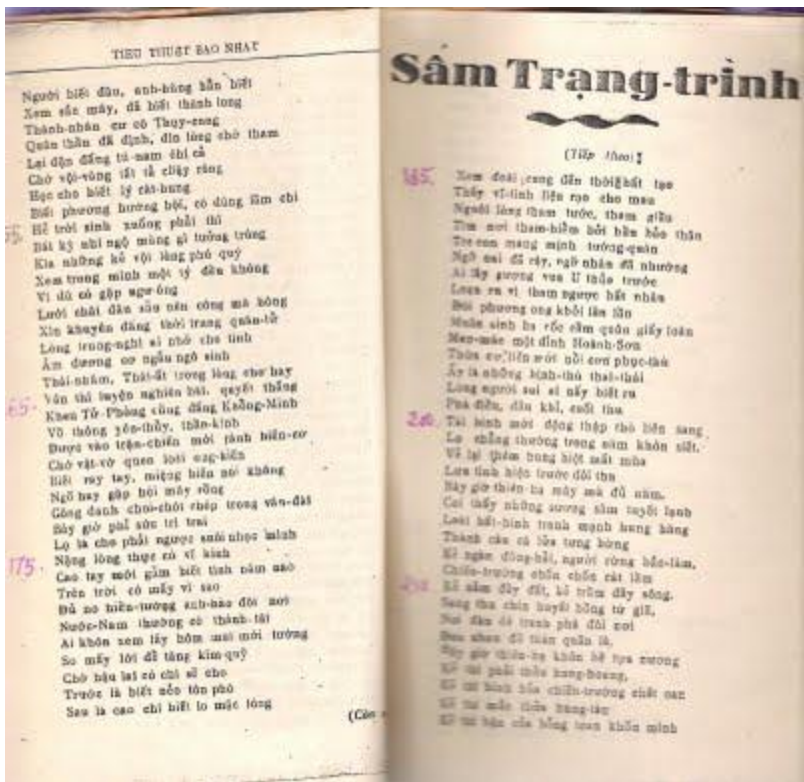
Sấm Trạng-trình

(78) thơ

Nói thành hoàng-bất hư kinh,
 Đều khi tin số chèo thành lại sang
 Đổ mả-bể, bắc-giang tài mã
 Giữa hai biển, bồng phá thỉ long.
 Quốc trong kinh dựng cầu không,
 Giữa năm, và lại khừn-hung mùa màng
 Gã đầu sỏm gây bôn tương.
 Chẳng yếu thì cũng bất tương chẳng không
 Thấy binh cơ nghĩ vãng-bồng.
 Ng binh tiếp sếp như ong kéo bồng.
 Đương hiên ngang, đợ ai biết trước.
 Ấy Bắc-binh sang việc gì chẳng?
 Ai cứu khoe tài, khoe súng.
 Cấm kìa bất ng, tung bồng đôi nơi.
 Chưa từng thấy đời nào sự lạ
 Bồng khừn người già hạ cho dân.
 Muốn bình sao chẳng lấy nhân,
 Muốn yên sao chẳng đợ dân ruộng cấy
 Đợ nên ai Hoàn-Linh đợ Hàn,
 Đợ cứu ra bán trước cho dân.
 Sao-sơ những đắp cây quân,
 Chẳng ngờ thiên-đạo xoay vần đợ công
 Máy Hô-công nắm tay đợ ng.
 Lòng báo thù, ai thủa đợ người.
 Thương-thắng tướng thấy đợ trời.
 Phá Lã, diệt Mạc nghĩ đợ quân ra
 Cái lăm lăm bề con qua
 Nguyễn thì chẳng đợ ra lại về
 Quân lung binh đợ đầy khe,
 Kẽ sungcôn nước, kể khoe tự đợ
 Bấy giờ càng khừn oi oi.
 Quỳ mà chột-tật, biết trời là đợ?
 Thương những kẻ sủ rêu, ăn rôi,
 Gặp nước hung, con cái ở đợ?



III. 789



Người biết đầu, anh-hùng lẫn biết
 Xem sắc mây, đã biết thành long
 Thành-nhân cư ở Tây-nông
 Quốc-thần đã định, địa long chớ tham
 Lại độ đấng từ nam chí cả
 Chớ vội-vàng thì tả chấy rầy
 Học cho biết lý cái-bưng
 Biết phương hướng bắc, có dùng kim chỉ
 Biết trời sinh xuống phải thì
 Biết kỹ nhi ngộ mạng gì tướng trướng
 Kia những kẻ vội lung phó quý
 Xem trong mình một tý đầu không
 Vì đã có gặp sự-ông
 Lười chắt đầu râu râu cứng mà không
 Xin khuyên đấng thời trang quân-lữ
 Long trong-nghị sĩ như che tinh
 Âm dương cơ ngũ-giới sinh
 Thái-nhâm, Thái-đất trong lòng chớ hay
 Yên thủ nguyệt nghiên bài, nguyệt thố
 Khen Tử-Phong chớ đượ Kê-lô-Minh
 Vô thông yên-thủy, thiên-không
 Được vào tên-chiến mới lãnh hiên-cơ
 Chớ vội-vô quen lối sạp-kiền
 Biết ruy tay, miệng hiền sự không
 Ngủ hay gặp hội mây rồng
 Công danh cho-chớ chếp trong vân-đất
 Bầy giờ phải sức từ trai
 Lộ là cho phải ngược anh-nhạc kình
 Nặng lòng thặng có vị kình
 Cao tay mới giảm hết tinh năm sao
 Trên trời có mấy vì sao
 Đủ no hiền-tướng anh-hào đời mới
 Nước-Nam thường có thành tài
 Ai khôn xem lấy hôm mai mới tướng
 So mấy lời đi tăng kim-quy
 Chớ háu lại có chí sĩ che
 Trước là biết xếp tôn-phò
 Sau là cao chỉ biết lo mặc lòng

(Còn

Sấm Trạng-trình

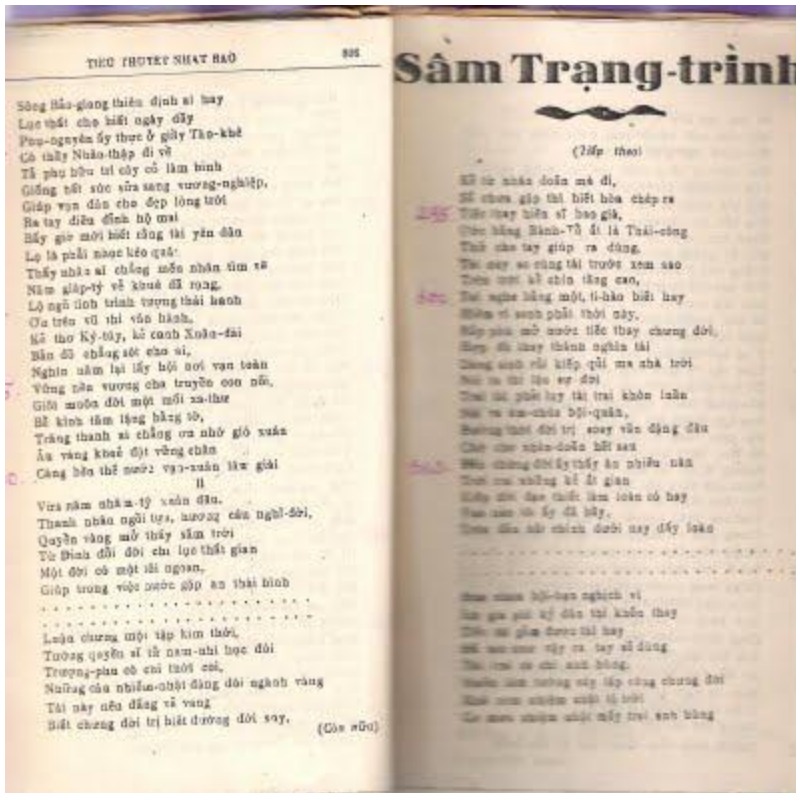
(Tiếp theo)

Xem đôi, càng đến thời-bất lực
 Thấy vì-tình hậu rọ cho mau
 Người lòng tham trước, tham giàu
 Thì nơi tham-biền hết hết hết thân
 Trẻ con mang mệnh tướng-quân
 Nghĩ sai đi rầy, rầy nhĩa đi nhường
 Ai lấy gương vua Li nhân trước
 Lưu ra vì tham ngược hết nhĩa
 Biết phương ông khổi làm nên
 Muốn sinh ra rốc cầm quân giết toàn
 Mèo-mèo một đĩnh Hoành-Sơn
 Tồn cư, tồn một đời con phúc-lành
 Ấy là những hình-thủ thái-thái
 Long người sai đi này bởi ra
 Phải đầu, đầu khải, cuối tha
 Tài binh mới đượ tập cho lên sang
 Lo chẳng thường trong sấm khôn nghĩ.
 Vì là quân dung hết mất nhà
 Lưu tên học trước đời tha
 Nay giờ thiên hạ mấy mà đủ năm.
 Cui thấy những sấm sấm tuyệt loại
 Loai kẻ-bình tranh mạnh hùng hùng
 Thành của có tên tung hồng
 Sĩ ngan đượ-bể, người rừng báo-lâm.
 Chấn-trường chấn chấn cái lêm
 Sĩ sấm đầy đất, là trùn đầy sông.
 Sang tha chín huyết hồng từ giã,
 Sao đầu đi tranh phá đời rơi
 Sau theo đi tranh quân là.
 Thấy giờ thiên hạ khôn hề sự tương
 Sĩ sai phải thế kung-đương,
 Sĩ sai bình hòa chiến-trường chết oan
 Sĩ sai mất tên hàng-lâm
 Sĩ sai bán của bằng bạc khôn mình

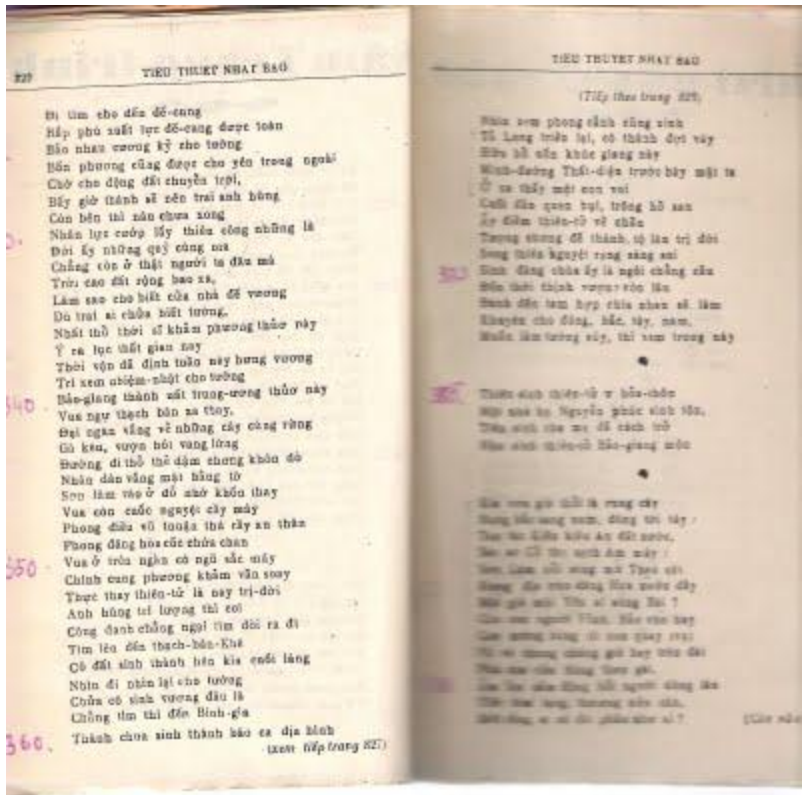
IV. 790

Hoàng vương dựng ở cầu tranh,
 Mưu thì âm mưu xuất binh thổ thành 420.
 Bỏ lời đả phá tranh binh,
 Bỏ đi đũa đũa đem binh sớm ngày
 Bỏ thanh khí phải họ cây
 Bỏ bằng chỉ sấm chỉ bay bụi mù
 228
 Mưu ai đi đi như n,
 Thấy-chiến độ-chiến một đố đời con
 Cao bay là lửa đời ngàn,
 Mưu lòng của mấy chim đàn bay ra
 Đưa phương cùng có nạn qua,
 Làm sao cho biết nơi tòa lầu thảo
 Đưa phương thực có châu-nhân,
 Quân nào khước nghĩa chẳng phải hại người
 Thì cho được chốn được nơi.
 Thâu nguyệt một giải là chơi trù đình
 Bỏ bỏ ai đi cứu quanh,
 236
 Mưu đường tở-mạch nương mình đầy an
 Bỏ đũa tam nhữn phân tàn-lệ,
 Lãnh cho ra lửa mồi đao binh,
 Mưu tình mới thực để-kính
 Cứu thân chưa để giữa danh được nào
 Châm đũa về tính bay sao,
 Thì cho được chốn mới vào thần kinh
 Ai để cứu sao thư ai giết
 Mưu một hàng tranh tiếng giục nhau
 245
 Vạn dân chịu thuế ân sâu,
 Kê án độ ngũ mới lửa khoan cho
 Cây cây thì đi thời mùa,
 Bỏ giờ giờ ruộng lỵ chó mượn ai
 Quân ra của duyệt vấn lại,
 250
 Chẳng phải binh nhạc chẳng nãi lương thêm
 Loan nương trời biển đường đời trị
 Giữa về sao họ Lý xưa sấm
 Giang châu ở thấy dấu truyền,
 Giữa xem lửa báo còn lo đời đời
 Thâu qui-cổ ở trời,
 Bỏ tam thiên-khí thảo nơi trị trường.
 Lại nói sự Hoàng-Cương sinh thành

V. 805



VI. 806



VII.822

Sấm Trạng-trình

(Thập thâu)

Nhĩ vụ nghĩ nghĩ đồng đỏi,
Thương người có một, lo hai phận nhai.

Cách viên tấn phá
Thối, lợi phác sanh
Nhi nghệ đư hình

Long vĩ cá đừ khở chữa-tranh
Cao qua số yê khốt đưo binh
Mĩ đĩ đưong vớt anh hùng tên
Thần đưo niên-gian kiển thái-bình

Thần đưo vãng về lấy nhiều tên
Cổ mạt đưo về đưo lộn nhau
Thần đưo loo cách cho sĩ hàng,
Cao qua đưo quá phôi sai đưo
Cao qua đưo lo mĩ cá đưo
Thần đưo đưo đưo đưo về đưo
Thần đưo đưo đưo đưo đưo đưo
Thần đưo đưo đưo đưo đưo đưo

Thần đưo đưo đưo đưo đưo đưo
Thần đưo đưo đưo đưo đưo đưo
Thần đưo đưo đưo đưo đưo đưo
Thần đưo đưo đưo đưo đưo đưo

Thần đưo đưo đưo đưo đưo đưo
Thần đưo đưo đưo đưo đưo đưo
Thần đưo đưo đưo đưo đưo đưo
Thần đưo đưo đưo đưo đưo đưo

VIII.

Dục thời thành-nhân hương.
 Quả kiến cư tức-phương
 Danh vi Nguyên-gia tử,
 Kim tịch sinh ngư-lương

436

Thượng đại chân bất nhân
 Thành kí dĩ vọng an
 Bạch-bổ kim đài án,
 Tuyệt thập cổ lai nhân

Bác hữu kim-thành trịnh
 Nam tặc ngư lịch thanh
 Hồn thần đa khuyển-pốt
 Mục-giữ dục nhàn thanh

430

Phủ quý hồng-bôn mộng
 Bôn cung bạch phát sinh
 Anh-hương vương kim lịch
 Mân củ cở thái bình
 Nam-Việt hân Ngư-danh
 Quan thủ thần thủy sinh
 Địa giới sĩ vi lịch
 Thủy trâm một bất lịch
 Kỳ nữ sư đương thư,
 Phủ lễ kình đại môn

440

Chư thủ giai phong lịch
 Tảis mẫu xuất thái-binh

Phân nhân hồng bôn lịch
 Nửa nhiều trái đòng xanh
 Hổ-sơn thối củ xuất
 Bửu châu tự nhàn thanh

Thủy trung tăng hân-cử
 Hân cấp thành-nhân hương
 Mộc kỳ chiêm chiêm lịch
 Danh thủ xuất nơn hương

IX.

450. Danh vị Nguyễn-gia tử,
 Tinh thần tại Naura-lung
 Mạt đở H-viên đường,
 Khỏi nguyệt bộ đại giang
 Hoặc kĩa tam Mng-nam,
 Hoặc ngu kim lăng cương
 Thiên đở thần thực thực,
 Thụy trịnh ngh sắc quang
 Kim kế khai học đẹp
460. Hoàng cái xuất quý phương
 Nhân nghĩa thùy vi định
 Đạo đức thùy đở đương,
 Tô truyến chi thập ngũ,
 Văn khải ngũ diên trường
 Vận đạo đương bực ách
 Cầu đỏi cương hải trường
 Quân gian đạo danh tự,
 Bách tinh khố tại ương
 Can qua thanh đẩu khố,
 Phạm định trên hung hoang
 Ma vương sai đại quỷ
470. Hoàng thiên tra ma vương
 Kiền khố phủ hải vô lương,
 Đạo viển đĩnh phát quân đương tranh hùng
 Cơ xấp nữ thụ hồng vi quyết
 Đổ Hensch sơn tam bệ ngũ phân
 Ta hồ vũ phu vô gôn,
 Đạo viển tàn lạc ngỗ đẩu thổ hành
 Hoài phương phúc địa dưng linh
 Cửu trùng thuy óng long thành ngh vân
480. Phá đườn thiên-tử dưng trên
 Đẳng sĩ nhược hải mưu thâm như lâm
 Trừ công sử thị phúc tâm,
 Giang hồ xử sĩ Đào-nhôm xuất đư
 Tương thảo bệ xuất y cho
 Thờ ký phục kố, Đương ngo thị thánh
 Hựu xung thiên bệ thái bình
487. Đông tây vô sự, nam thành quốc gia

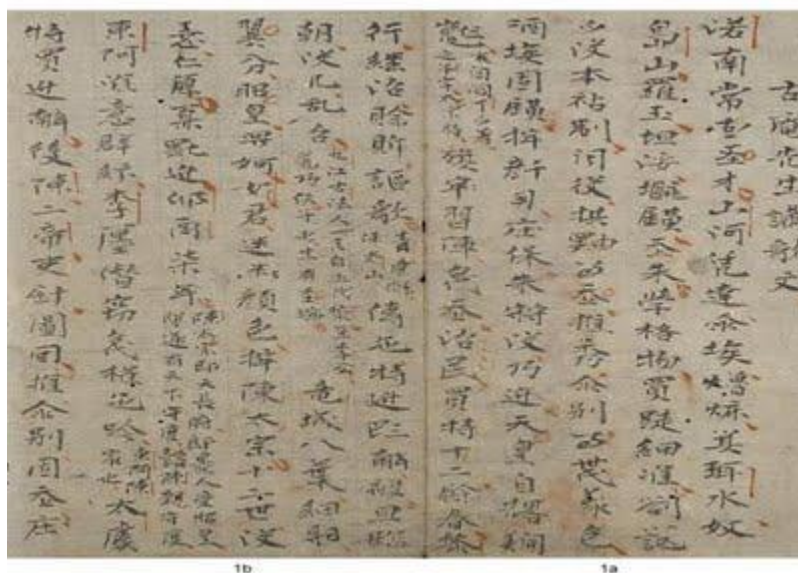
HẾT

X.836

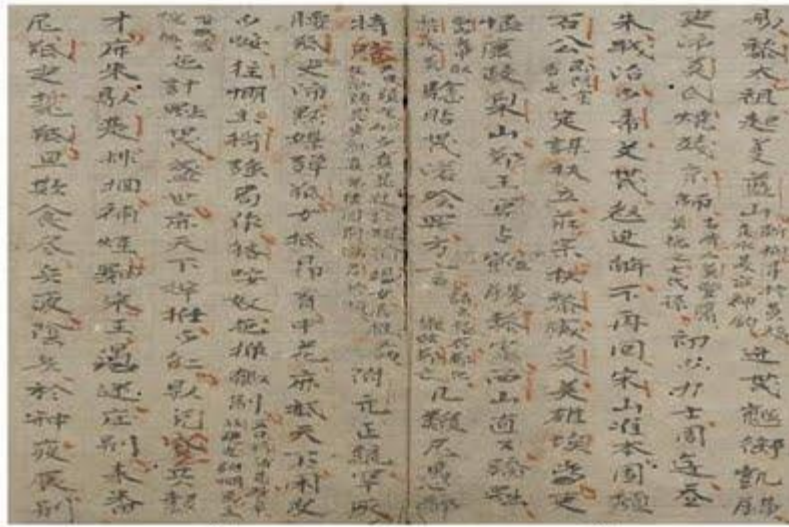
PHỤ LỤC IV * BẠN NÔM NGUYỄN VĂN SÂM



古庵先生識歌文 **CỔ Am Tiên Sinh Sám Ca Văn** [Sám Trạng Trình (Nguyễn Bình Khiêm)]



tờ 1



tờ 2



tờ 3

元正亭夜籟移樓閣皓小日探幽境
耕船駁野棹吞樽舞碧花繼阮敬
美索待徐克輝知華仕吟賦初出世
法持朝朝救國民意安瑞樹聖君
辰中未詳詳浪有射狼替國馬尋
早敷云同演演信一蓬若麻梓樹
批揚揚遠趨後倚千辰尼聖出攻
在路津堆辰元天運輪迴天想地
差乳玉振墟石板米聖出攻方辰
知取信少尚聖江撥刺根米秀則
谷江真庄批油樓米則參修用特
張王日禮王禮王知夢在在在在
張王日禮王禮王知夢在在在在

4b

4a

tờ 4

別聖明惻浪拔會顯榮護呼瑪河王
寢定淮化城都黃絕此和天下
國同樓座叫且度法僧喇諾理
免其吹塵道
免詞歎仍持法年悲徐法代
低泉空索世
兒弟無救漢與命制於野
莫要回功
左輔右持棧船心兵仍取扶
批聖明軍
美空殘客埃
詩云德為祥
上云
江南海洋
末秋對進
白將扶肅
乞吞
逢辰尼寔
命來千戈
戰陣討取
討功
杜耀
特歌
以志
記少
又木內
房翺
北連
帝未
且長
安包
曉
黨
慈
頓
好
藏
表
不
長
仍
至
共
仙
生
仍
取
賢
助
諾
杖
民
於
仍
收
至
人
者
對
引
吏
狂
群
酬
徑
禱
願
秋
恰
而
在

5b

5a

tờ 5

實怡疎隘功十件適迎昂有雲雨頃常
 在腰張根不平在空水兵頓進暹江去兵淫習
 如蟻攻蟻跡行昂第頓別得孔兵起固以兵在埃
 群諺野諺能營其兵故增輝隊凡者皆覺尼
 西運律連舉証福米民河平字至和仁同安字左
 逐民親被也愚根桓及共波編殿母半前非民
 群神忌仍聖神埃移入運運也公豈化工伽証黨
 細碧服學故所然未美其世固似蝶被安及康生
 圖移名凡夜自科恭於三五未在特則奇莊軍方
 故固于戈美氏在特也神走米群壯兵被諸後凡諺
 救諸歌諺助詩聖神則精勇出朱才代民林勇力長以我越強三所
自到上下遊入拜日
 帖寬以甯海會公頓不平事任不憂

6b

6a

tờ 6

不平無禁
 城河浮漢陽几深桑謝山林戰揚佳
平人時是
 順古淋心船樓內臥沈諸泡遊秋吟血業紅几帳日
 美臥懶酒潤甌提控公將居語版無機語仁冠護
王王古
 用深岸波起詳余能像隨器乘守按固于文以字米
 別固若陞江而五白翻右水長高門揭萊高誇持殿
 大風進北塘難保無尋特命候神批披航披持恐
 徐竹樓遺德檢除後冬督撫制合補三公守時
 化晚學史之難高故其共身美家刺狂臥以
 僕官高福備同胞浸蒸已情實能當貴蹟榮遊
 逐被欺劫能能能能能能能能能能能能能能能能
 越取胡補欺凡越取吳輪堵如皆非危危危

7b

7a

帖樹玉堂仕閩帖制鈔太乙營運茂
 是誠空安價十參計自茂籍毫君塔對壁運
 且云七河滋茂父固碑碩批燕茹汶民安太平運
 順意空野鏗喜民六七餘五百昏逃徐空走尼平
 號識自帝到臥沒罪絲素空教差訛
仲其營茂
其與別駐
意

8a

tờ 7



Nguồn: <http://sontrung.blogspot.com.au/2011/07/phu-luc-iv-ban-nom-nguyen-van-sam.html>